

Thư Quán

bản thảo



Phạm Ngọc Lư * Hoài Khanh * Trần Duy Phiên * Hoàng Xuân Sơn * Phạm Hữu Quang * Hồ Thanh Ngạn * Trần Huiền Ân* Lê Văn Thiện * Phù Sa Lộc * Sử Mặc * Nguyên Nhung * Lê Văn Trung* Hồ Thủy Giũ * Tôn Nữ Hoài My * Tuấn Diệp * Toại Khanh * Nguyễn Lệ Uyên * Ý Yên * Trần Yên Thảo * Nguyễn Đức Nhơn * Đỗ Hồng Ngọc * Cao Vị Khanh * Nguyễn Bạch Dương * Minh Nguyễn * Nguyễn Như Mây * Trần Phù Thế * Trần Hoài Thư * Tô Nhược Châu * Đặng Tấn Tới * Trần bang Thạch * Mang Viên Long * Túy Hà * Phạm Văn Nhân * Nguyễn Phan Thịnh * Từ Thế Mộng * Lê Nguyễn * Võ Hồng * Nguyễn Cát Đông

Tập Mười Tháng 4, 2003

Thư Quán Bản Thảo
Tuyển tập văn học Nghệ thuật
TẬP MƯỜI, THÁNG TƯ NĂM 2003

Đọc trong số này:

Viết chung 5 * Phạm Ngọc Lư: *thơ* 29 * Hoài Khanh: *thơ* 31 * Trần Duy Phiên: *Chim tha lửa* 32 * Hoàng Xuân Sơn: *thơ* 40 * Phạm Hữu Quang: *thơ* 41 * Hải Phương: *thơ* 44 * Hồ Thanh Ngân: *Cái còi im lặng* 48 * Trần Huệ Ân: *thơ* 54 * Lê Văn Thiện: *Chuyện vườn đào* 56 * Phù Sa Lộc: *thơ* 65 * Sử Mặc: *thơ* 67 * Nguyên Nhung: *Ngược dòng* 68 * Lê Văn Trung: *thơ* 79 * Hồ Thủy Giũ: *Con người, tình yêu và loài chim* 82 * Tôn Nữ Hoài My: *thơ* 89 * Tuấn Diệp: *Thầy thuốc và bệnh nan y* * Toại Khanh: *thơ* 97 * Nguyễn Lệ Uyên: *Bão xa* 98 * Ý Yên: *thơ* 112 * Trần Yên Thảo: *thơ* 113 * Nguyễn Đức Nhơn: *thơ* 115 * Đỗ Hồng Ngọc: *thơ* 116 * Cao Vị Khanh: *và em giữa lưng chừng hạnh phúc* 118 * Cao Vị Khanh: *thơ* 132 * Nguyễn Bạch Dương: *thơ* 133 * Minh Nguyễn: *Con heo đất* 136 * Nguyễn Như Mây: *thơ* 144 * Trần Phù Thế: *thơ* 145 * Trần Hoài Thư: *Đời đầy chuyện ngạc nhiên* 146 * Tô Nhược Châu: *thơ* 163 * Đặng Tấn Tới: *thơ* 164 * Trần bang Thạch: *Người đuổi bắt dĩ vãng* 165 * Mang Viên Long: *thơ* 169 * Túy Hà: *thơ* 172 * Phạm Văn Nhân: *Tìm về* 173 * Nguyễn Phan Thịnh: *thơ* 183 * Từ Thế Mộng: *thơ* 185 * Lê Nguyễn: *thơ* 186 * Võ Hồng: *Nhớ Nữ Sĩ Tương Phố* 187 * Nguyễn Cát Đông: *Phận Người trong chữ nghĩa Phạm Văn Nhân* 192 *

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

- Mọi sự sao, trích, đăng lại xin vui lòng ghi rõ xuất xứ: Trích từ TQBT, tập...

-TQBT 11 phát hành vào tháng 7 năm 2003. Xin dùng e.mail gửi về: nhanvanpham@yahoo.com trước 20 tháng 6 năm 2003.

Viết chung

Cà kê với bạn bè

Ng~

1/

Dù đã được định trước, nhưng chưa có cuộc trùng phùng nào như lần này. Đang ngồi gõ máy, điện thoại reo: “*Có phải H. đó không? Lư đây – Lư thiệt đó hả? Ông đang ở đâu? – Bến xe, tại bến xe – Ông ngồi uống cà phê chờ chút, tôi xuống ngay, cỡ 7 phút nữa*”. Không rõ tôi chạy xe bao lâu, nhưng dài, sốt ruột. Và hẳn bạn tôi cũng vậy khi phải ngồi chờ. Trong cái đám đông ồn ào đưa đón, tôi nhận ra Lư ngay và ôm chầm lấy anh ta, người bạn thân hơn 30 năm mới gặp lại. Vẫn xương xẩu, ốm o. Vẫn gây nhom một giọng nói thất lòng “*không ngờ tui mình còn được gặp nhau*”. Sao vậy nhỉ? Lạ trời. *Được gặp lại nhau*. Vâng, anh em chúng tôi *được gặp lại nhau* cả. Rồi thì nào Long, nào Khanh, nào Ân... vây tròn quanh chiếc bàn gỗ mà trông, mà đợi. Một tiếng, năm tiếng... Hết đêm qua ngày, Thiện vẫn chìm khuất phía sau dè. Đường đi không đến. Thiện vắng mà không biết vì lý do gì, mặc dù trước đó Thiện viết trong thư chắc như đinh đóng cột “*nhất định tôi sẽ về để được gặp anh em*”. Hay Thiện lại nghĩ “*...không có quần áo giày dép gì ra hồn*” nên hủy ngang cuộc trùng phùng tao ngộ? Nếu thật thế thì tôi là kẻ đắc tội với bạn bè, nhất là Nhân và Thư, vì, cũng trong câu này, Thiện còn nói “*...thảm bỏ mẹ, nói không ai tin, đến cả một chiếc mền để đắp cũng không có. Mấy năm nay, mùa lạnh tôi bận ba bốn cái áo thay mền*” mà tôi giấu tất cả anh em, chỉ vì sợ hiểu lầm. Sống trên cùng một mảnh đất, nhưng mỗi người một số phận, bị vây trói một phương, như những kẻ tội đồ bị biếm trích. Nhưng còn may. May ở chỗ còn bạn bè thân

thương, nghĩa tình. Còn có độc giả ở tận bên bờ Đông, cách nửa vòng trái đất, đọc và hiểu. Như buổi sáng tôi và Lư vừa thức dậy, ngồi pha trà, nhấm nháp vừa nhìn ra vườn bắp trở cờ thoang thoảng hương thơm, cùng mấy khóm vạn thọ sót lại trong ngày tết, thì điện thoại reo. Tiếng giọng trong trẻo cất lên. Tiếng chị X.H tận Cali chúc tết muộn, rồi chị hỏi giờ này tôi đang làm gì? Trả lời: ngồi uống trà với anh bạn thơ, anh Phạm Ngọc Lư, đang hàn huyên chuyện trời đất sau ba mươi năm xa cách. Chị nói: tôi có đọc bài thơ anh ấy trên TQBT 9. Cho tôi nói chuyện với anh. Tôi không biết chị nói gì, cũng là thăm hỏi thôi, một sự gặp gỡ đột ngột, bất ngờ qua điện thoại. Nhưng khi trở lại nâng chén trà nóng, vẻ mặt anh co gập liên hồi. Lư bảo: Ba mươi năm rồi tôi buông bút, tôi không biết gì đến văn chương, không có độc giả. Vậy mà giờ này... thật cảm động. Lư thêm: hai lần ông dựng đứng tôi dậy, đó là lần ông thúc đẩy tôi viết truyện (1970), và lần này, với chiếc máy điện thoại của ông để tôi được hân hạnh tiếp chuyện với một độc giả xa biết trân quý văn chương. Lư có hơi thổi phồng, nhưng dầu sao cũng phải cảm ơn chị X. H ngàn lần và ngàn ngàn lần với những anh chị X. H khác, những người luôn mang đến cho kẻ cầm bút niềm tin chói sáng (điều này Phạm Văn Nhân đã viết trên TQBT 9) để bước tiếp trên con đường nghiệp chương gian truân, trả nợ kiếp con tằm con bướm trong chốn nhân gian đầy hệ lụy này. Và bỗng đứng lại nhớ chuyện xưa: Gần một ngàn năm trước (1094).

Tô Đông Pha, đại thi hào Trung Hoa, lúc đó 59 tuổi, đang từ chức Doan Minh Điện Thị Độc Học Sĩ, bị giáng chức, đầy đi Hải Nam: *thất thiên lý ngoại nhĩ mao nhân*. Trên chặng hành trình gian lao, cùng cực kia, tiếng dội của thơ ông đau đớn đến lạ lùng, vang vọng tình hoài vọng trộn lẫn khổ đau cùng cực và hào khí ngất trời.

Vạn lý gia sơn nhất mộng trung

Ngô âm tiệm dĩ biến nhi đồng

(Quê hương diệu vợi tưởng chừng như trong một giấc mộng. Bây giờ, giọng nói của ta đã dần dần thành bập bẹ như đứa trẻ nít).

Nhà thơ bị đầy đọa trên chính quê hương mình, bị nhấn lún tận cùng đáy xã hội, thời nào cũng có, đếm không xuể, kể không hết, nhưng với anh em chúng tôi, những Trung, những Thiện... không sao tránh khỏi một chút bùi ngùi, một chút xót xa, đủ se lòng, thắt quặn. Ta và những bạn ta sao cứ luôn là “*con trâu què kéo cày nhai rạ. Chiều cuối năm năm hóng mát nhìn trời!*” (THÂ). Lại nữa:

... Ngũ thập rồi, tay trắng xóa bạch vân.

Ô hô!

Uống say mà khóc Đặng Dung thuật hoài...

Khóc rồi đập nát cơm say

Hốt nhiên bùng bùng hào khí

Vươn vai nhập thân hào sĩ

Dậm chân nổi gió Đông – Đoài

Cỡi chim hồng nhạn mà bay

Theo trăng qua Đẳng Vương các

Thâu lại hồ trường nơi biển Bắc

Nhặt lên chén rượu cuối trời Nam

Chơi hêt tháng ngày chưa tương đắc

Tung hê cơm áo bất phùng thời... (PNL)

Cái giọng Huế nghiền nghiền, nức nở vang lên giữa đêm khuya khoắt rờn rợn, lan đến cả mọi người ngồi quanh chiếu rượu.

Thơ ca không hề là ẩn ngữ. Bởi chính trong cuộc giao tình buổi tao phùng tương đắc, thơ khởi sự chớm lên cái lãng đãng với với điệp trùng. Trăng nguyên tiêu vạch mái lá dòm xuống cuộc chơi. Trời khuya lạnh ngắt. Thơ bay vút lên sang sáng ngắt trời. Thơ chùng sâu như dây đàn nguyệt đổ. Hào khí buồn tênh. Nỗi cô đơn ngọt ngào hạnh phúc. Những cay đắng no tròn bằng hữu. Cuộc hẹn, cuộc tình của những người **bị mất quê hương**. Cuộc hò của những người bị biếm trích, lang thang vào tận cùng cô đơn, tận cùng biên biệt cắt chia, tưởng chừng mãi mãi, nghìn trùng. Cõi thơ lạnh bỗng nồng nàn những giọt nước mắt ghen lòng đồng vọng:

Hoa thốn tàn hồng thanh bạch tiểu

Yến tử phi thời

Lục thủy nhân gia nhiều

Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu

Thiên nhai hà xứ vô phương thảo – Tô Đông Pha

(Hoa đang rã rời những cánh hồng xơ xác, và cây hạnh xanh gầy. Khi con én liệng, dòng nước biếc lượn quanh. Lớp bụi phấn bông liễu trên cành, gió thổi rồi với dần. Bên trời hàng vạn nẻo, nơi nào không cỏ non).

Cuộc lữ bi thảm để năm người ôm nhau nằm trên chiếu hơi đông, cười khóc; rồi bật dậy, trèo lên núi cao lưng lửng mé đầu phố nhìn xuống. Vẫn là khu phố cũ dưới kia, nép mình một bên là biển, một bên là con sông uốn lượn. Phố sáng đèn kéo dài. Biển và sông lặng im và đen thẫm. Đất trời ngủ say. Chỉ còn năm đứa chúng tôi thức cùng đêm trắng lóa, trắng đến vô cùng lòng dạ. Đêm hoàn toàn yên tĩnh, không có tiếng đạn bom gào thét, không có hỏa châu núa trắng sao, không có tiếng khóc gào vật vã, nhưng cả năm vẫn nhìn thấy một cách rõ ràng từng tràng bom dội xuống nỗi lòng mỗi đứa, nổ

tung... kinh hoàng.

Ngày cuối cùng, Thiện vẫn không đến.

Rừng rừng chia tay. Rừng rừng hẹn gặp.

Gói quà anh em dành cho Thiện bỗng nặng hơn, nhói đau tắc dạ.

2/

Chia ly và trùng phùng, khổ đau và hạnh phúc... nỗi hân hoan buồn tênh tựa hồ những cánh hoa ngày tết rụng tàn. Cô đơn luôn là thuộc tính của thơ ca, và hình như Rimbeau có nói rằng: *“Hỡi thi sĩ, cô đơn là căn nhà xinh đẹp nhất, là nơi tốt nhất để cho người trú ngụ”*. Và vì vậy, ta không lạ, không ngạc nhiên khi nghe những câu than, câu hỏi, câu chờ khắc khoải:

... Biển sâu – Ly biệt sâu hơn!

Muôn đời sóng vỗ mỗi mồn bến không

Mỗi mồn tiếng sóng nghe chung

Bờ Tây tóc rụng... Bờ Đông bạc đầu! (PNL)

Cứ như lời Lư nói, thì nàng thơ bằng xương bằng thịt tuyệt thế giai nhân kia, đã có lúc kéo anh đến gần rồi xô anh ra xa, có lúc nâng bổng anh lên rồi lại nhấn chìm anh xuống, để cuộc lữ kết thúc một cách bi thương: *Bờ Tây tóc rụng...Bờ Đông bạc đầu!* Trong mắt tôi, tâm tưởng tôi, đó là nỗi đau khổ ngọt ngào trong sự kiếm tìm giữa nàng thơ và thi sĩ. Vâng, thà rằng cứ chơi bài hiện thực, chơi bài đổ kỵ tài danh như trường anh THẢ hẫn còn dễ chịu hơn. Cái số sàng trần trụi khi đọc gà hóa cuộc, cái bản thủ khi nâng thơ ca *dàng diệu* tuyệt vời thành củ khoai lang sùng đấng thú. Đến Ngày Về của anh cũng không được phép về; chiếc gươm cùn, giày cỏ không được phép soi mặt xuống giòng nước mà tự hỏi

này nọ. Không dấu hỏi, không dấu than, chỉ có dấu chấm rạch rời một cách khốn nạn. Mà dấu gì đi nữa thì loài sâu bọ, bọ chết đâu có xứng, có tâm hồn để ở trong mái nhà chung với thơ ca? Thôi anh, buồn mà chi. “*Thế thái nhân tình góm chết thay*” (xin lỗi độc giả, đầu óc già nua, lú lẫn đến không còn nhớ tên tác giả để chú thích).

3/

Trời đất! Sao không tìm một cái nghiệp nào khác mà lại bắt chước cụ Đào cụ Lý chui vào rọ văn chương lung tung, lúng túng. Gan ruột như Khuất Nguyên, Tô Đông Pha để một đời thành Tô Vũ quần áo rách bươm, vác gậy củi chặn bầy dê đói lả giữa trời tuyết đổ trắng xóa, trùng trùng. Nỗi oan kiên của đời người đã là điều khủng khiếp. Oan khiên trong nghiệp báo văn chương lại càng khủng khiếp hơn.

Ước chi ta được như em bé Virginia, 7 tuổi, thơ ngây để hỏi người lớn rằng có hay không có ông già Noel? Và ước chi ta cứ chìm đắm mãi, mơ mộng mãi trong những câu trả lời của ông chủ bút tờ The Newyork Sun:

“ *Em Virginia thân mến,*

Ông già Noel là có thật, em ạ! Cũng như lòng quảng đại và sự hy sinh của con người là có thật.

Hỡi ơi, cuộc đời này sẽ buồn biết bao, nếu ông già Noel vắng mặt? Và như vậy, con người sẽ chẳng còn thơ, còn nhạc, còn tình yêu cùng những niềm vui thánh thiện, cũng như trái đất sẽ chẳng còn hoa thơm cỏ đẹp.

Em không tin có ông già Noel ư? Thì hãy bảo ba em thuê người canh giữ ống khói vào đêm Giáng sinh để rình bắt cho được ông già Noel. Nhưng nếu không thể bắt giữ được ông thì sự việc mới giải thích ra sao?

Duy có điều là, những sự việc tích cực nhất ở trên đời

này lại là những sự việc mà cả trẻ con lẫn người lớn không ai giải thích được.

Không ai trông thấy ông già Noel cả, nhưng cũng không có dấu hiệu nào chứng tỏ là không có ông già Noel. Có bao giờ em nhìn thấy các bà tiên nhảy múa trên bãi cỏ chưa? Nhất định là chưa! Nhưng, có dấu hiệu nào chứng tỏ là trên các bãi cỏ kia, không có các bà tiên nhảy múa?

Thân mến,”

Điều nguyện ước kia đã trở thành sự thật, khi về ngôi nhà chung Thư Quán Bản Thảo. Tôi và các bạn tôi bên này bờ vực sâu có thêm bằng hữu chia ngọt xẻ bùi. Những anh chị X. H, Mỹ Dung, Đắc Khuê ... chưa từng biết mặt đã trở nên gần gũi, thân thiết. Cảm ơn sợi dây mỏng manh, bạc mệnh là Văn Chương, đã và đang nối lại vòng tay nhân ái, vốn dĩ là cuộc lữ của những kẻ suốt đời lang thang trên triền vực, cô đơn trong núi thẳm rừng sâu ... để tìm kiếm cái ĐẸP.

Vâng, “cái ĐẸP sẽ cứu chuộc lấy thế gian này”, như Dos. Đã từng viết.

Xứ Bàn Chải, Xương Rồng đầu xuân 2003

Nói chuyện với Ng~ về những tấm hình cũ

Phạm Văn Nhân

Những lần nhận email trước, bạn đã cho tôi biết ngày, giờ anh em họp mặt. Ở xa, nhưng sao tôi cũng nghe rạo rức trong lòng. Bạn nói cho tôi nghe những người bạn mà bạn và anh H. sẽ gặp nhau. Mẹ kiếp, ngày còn ở trong nước, chỉ cần một cuộc xe đồ thôi, mà còn đi không nổi

để thăm nhau. Mấy năm miệt mài “ lao động ” chạy cái ăn bỏ hơi tai, làm gì có chút tiền dư, bạc để mà đi thăm những người bạn một thời chơi trò chữ nghĩa. Nghĩ tới chuyện đi thăm bạn bè khi còn ở trong nước, thật buồn. Nhiều khi bạn bè đau ốm cũng chẳng hay hướng hồ tham gia làm việc này việc nọ....

Thế mà bỗng dưng hôm nay bọn mình gặp lại gần đủ, phải không. Người gặp cuối cùng hôm nay là LVT, cậu ta đang làm rẫy làm nương ở một vùng Kinh tế mới tại Long Khánh. Như vậy là đủ hết rồi. Ngoại trừ một vài con chim “ lẻ bạn ” đi kiếm ăn riêng rẽ. Nhưng rồi bạn xem, một vài con chim đó rồi cũng chết khô héo trên cành với những giọt máu ứa ra từ một cái “ mổ ” từng gỗ cửa nhà quan, và từng làm cho bạn bè khổ đau. Trong đó có bạn và anh H..

Ngày họp mặt. Những gương mặt bạn bè một thời lại hiện rõ trong tôi, nào: PNL, nào MVL, nào VTK, nào LVT, nào lão thiền sư ĐTT, Nào anh THẢ, và còn nhiều người nữa không đến được vì lý do này, lý do nọ, như TTM, như LVT...Nhưng chúng ta phải thông cảm: thời buổi khó khăn đi đứng. Còn như N.M thì ở xa quá, Sài Gòn, lại mang chứng bệnh đau bao tử, đi đứng chắc cũng khó khăn lắm, thế mà vẫn còn viết và làm cái nhiệm vụ là: đem chút nguồn vui nho nhỏ đến cho bạn bè mình. Nghĩ, cũng phải cảm phục cho cái anh chàng nhỏ con này.

Rồi lại nghe bạn nói: PNL đi xe đồ từ ĐN vào BD để đón MVL. Còn có cái tình nào hơn như vậy nữa đâu nào. Nghe, để bao nhiêu cái thân thương ngày nào trở về trên mái tóc đã điểm sương hôm nay. Tôi trân quý từng gương mặt bạn bè. Tôi hình dung từng gương mặt bạn bè. Để rồi, tôi cứ chửi đồng mãi: mẹ kiếp, ngày còn ở quê nhớ bạn bè mà không thể nào đi thăm được. Như hôm

nay, tôi nhận được lá thư của VTK, nhắc lại khi VTK đứng đụt mưa dưới hiên phố ở PR bên cạnh người đồng nghiệp cũ, nói nhỏ với VTK là có gặp tôi ở PT, và tôi nhún lờn hỏi thăm. VTK nhìn người thầy cũ (đồng nghiệp) mà e dè, không dám hỏi nhiều, chỉ ừ hử qua loa. Năm đó đâu khoảng 83, 84 gì đó. Cái năm vẫn còn phải dè dặt lời ăn tiếng nói và nghi ngờ...

Bây giờ bạn bè lại trùng phùng hội ngộ. Trùng phùng hội ngộ nhưng vẫn còn thiếu vài ba anh em, nào: THT, nào PCH ,và cả tôi nữa. Hội ngộ, để như ngày nào bọn mình gặp nhau nơi thành phố có núi Nhạn, sông Đà chia nhau từng miếng thuốc hút. Chia nhau từng bữa ăn đạm bạc trong ngôi nhà tạm bợ của bố mẹ bạn khi phải lánh cư về thành phố để tránh đạn, tránh bom nơi thôn quê. Cũng như trong ngôi nhà của PCH. Hội ngộ vài ba anh em để ngồi nhìn trăng Nguyên Tiêu chiếu sáng trên đỉnh núi Nhạn mà nhớ bạn bè năm xưa năm xưa: nghìn trùng xa cách, mà nhớ lại những năm tháng đã qua. Những người bạn hôm nay đâu đã bạc mà vẫn còn nằm với nhau trên một chiếc chiếu để nhắc lại cho nhau bao kỷ niệm mà nhìn vầng trăng sáng trên phố xưa để cho những kỷ niệm xưa đó lãng đãng, thấm dần trong từng tế bào trí nhớ. Đêm yên tĩnh lạ lùng. Yên tĩnh trên phố xưa nhỏ bé. Yên tĩnh trên dòng sông, trên núi tháp. Để rồi: *mỗi mồn tiếng sóng nghe chung. Bờ Tây rụng tóc...bờ Đông bạc đầu* . Để rồi với bao kỷ niệm còn đó in đậm trong tấm hình cũ mà bạn gửi từ quê nhà qua cho tôi, gồm có: PNL, THT, NLU, PVN. Và rồi, từ Seattle, PCH cũng lại gửi đến THT thêm một tấm hình cũ nữa, gồm có tôi và THT. Những tấm hình cũ này các bạn còn giữ lại qua quá trình một thời gian dài mà tôi với THT không có được. Nếu hôm nay tụi mình không gặp lại thì những tấm hình này tôi với THT không bao giờ thấy lại những kỷ niệm khó quên của một thời rất trẻ. Nhìn hình, rồi đọc lại những

dòng chữ viết của bạn trong thư: *lính gì mà ốm quá, thua là phải*. Tôi cười một mình. Mà quả thật. Ốm thật. Nhìn hình, thấy hai thằng lính như: thiếu ăn thấy rõ. Nào C ration, gạo sấy dài dài thì làm sao mập nổi phải không bạn? Có người còn gán cho tôi cái tên: Nhàn xì ke nữa có sao đâu. Tôi nhớ lại, tụi mình gặp nhau sau tết Mậu Thân 68 thì phải. Nhìn hình, qua hai gương mặt của bạn và PNL nổi đăm chiêu hiện rõ trên gương mặt của hai ông giáo trẻ, dưới đội kính đôi mắt cận nặng. Đăm chiêu cũng phải; vì năm đó, chiến tranh đã thật sự đi vào thành phố. Nổi bình yên của những ông giáo trẻ không còn cái yên ổn đứng dạy trên bục trước đám học trò trung học của mình. Đăm chiêu như những câu thơ của Nguyễn Cát Đông năm nào:

“ Vẳng nghe tiếng trống trường thành

“ Với câu chinh phụ còn quanh chỗ ngồi

“ Người xưa, người đã đi rồi

“ Còn đây tiếng phấn nhẹ rơi giữa ngày

Còn tôi và THT thì sao? Đã dấn thân vào nghiệp binh đao có đăm chiêu rồi cũng thế thôi. Cái chết lúc nào cũng chờ bên cạnh. Thôi thì ta cứ vui được lúc nào hay lúc đó. Nhìn hình, và tôi nhắc lại một chút kỷ niệm cho bạn nhớ. Tết mậu Thân năm đó, nghĩ cho cùng, tin hay không tin, con người ta có mạng số cả bạn ạ. Tôi nhớ, sáng 30 tết, nhận lệnh rút đơn vị ra khỏi “ địa bàn ” hoạt động. Để cho 405 thám kích của THT nhảy vào an ninh khu phố. Hình như ấp Huyền Trân thì phải, chỗ cây xăng Ông Tề dẫn vào phố Qui Nhơn. Tôi nhớ đêm đó, chó sủa dữ trong xóm lao động gần mé đầm Thị Nại và bên kia đường rầy xe lửa, dưới chân núi Bà Hỏa. Mẹ, chó đâu mà sủa dữ vậy. Đám con cái của tôi vẫn nói: người ta sắm tết mà. Mà tết thật. Giao thừa, súng nổ dữ, để sáng mừng một chiếc hoa mai vàng trên ngực áo trận của THT nhuộm máu thật sự. Một viên đạn AK của người bên kia núp trên lầu, trong khu phố đã bắn THT

trọng thương bên ngực phải. Nghe tin THT bị thương, ngấm lại mình, nếu không bàn giao khu vực đó cho 405 của THT, thì chắc tôi lãnh viện đạn đó chứ không phải THT. Thế mà sau khi vết thương lành, hai thằng rủ nhau về núi Nhạn, sông Đà để thăm bạn bè, và vẫn còn giữ nguyên nụ cười trong tấm hình mà bạn đã gửi ra cho tôi. Hôm nay ngồi nhìn hình cũ, tức mà chửi thề một mình. Cái thời mà chỉ có : chạy chọt, đút lót, con ông cháu cha mới về chỗ sướng làm việc. Còn những thằng lính” ốm tong ốm teo “ như THT , như LVT và nhiều người khác nữa, cho dù tác phẩm có in ra, truyện ngắn, truyện vừa có xuất hiện hết tạp chí này đến tạp chí khác thì vẫn là dân bộ binh, lội miết hết rừng này núi nọ, sống chết kệ bay. Chẳng có ông Tư Lệnh nào kéo về làm nhiệm vụ: chính trị, báo chí cho sư đoàn. Mà ngược lại, những kẻ chẳng cầm bút bao giờ lại kéo về ngồi trong bóng mát làm báo, làm chí.

Sáng mừng một tết năm đó, nghe THT bị thương tôi lại ngậm ngùi cho số phận của những thằng lính như chúng tôi. Để rồi những năm sau đó với tấm thân : *lính gì mà ốm thế* lại tiếp tục trả nốt cái kiếp con tầm nhả tơ trong mấy năm tù tội.

Mấy mươi năm rồi, hai tấm hình của bạn và của PCH gửi qua hôm nay cho chúng tôi gọi lại cho tôi nhiều kỷ niệm của cái thời rất trẻ và đam mê “ gùng nghệ ” đó. Cái kỷ niệm rất sáng, chẳng có một bợn mây mù nào che khuất như ánh trăng rằm Nguyên Tiêu của năm 2003, mà các bạn gặp mặt, để ngồi uống với nhau một chung trà đậm ngát hương sen, nhìn ánh trăng trải dài trên giòng sông Đà như dòng sữa chiếu xuống mái nhà lá của bạn, mà nhớ lại bạn bè năm xưa tản mát khắp nơi. Bạn nói: PNL đang vô BD để đón MVL cùng về. Tôi lại nhớ vùng đất mà tôi đã qua lại nhiều lần trong chiến tranh. Khi đơn vị tôi còn đóng quân ở Phù Cát. Rồi bạn

lại nói VTK từ PR ra. Tôi lại nhớ cái xứ Thuôn nơi VTK lớn lên. Xứ Thuôn mát rượi bởi vườn cây ăn trái và những dây trầu xanh mướt, khi tôi về đóng quân ở Thấp Chàm. Và dòng sông Dinh, cây cầu Móng, nơi đây tôi với THT lại có rất nhiều kỷ niệm cho những tháng thật khó quên trong đời quân ngũ. Bạn bè còn đó, đủ hết mà, có thiếu ai đâu, chỉ thiếu có Tô Đình Sự ,và bây giờ lại nghe bạn nói nhà thơ Nguyễn Lệ Tuân vừa mới bỏ cuộc chơi ở quê nhà vào ngày 24 tháng 2 năm 2003 vì bệnh đau màng óc.

Đêm trăng Nguyên Tiêu như một dòng sữa ngọt ngào trên những mái đầu đã nhuốm bạc gặp nhau. Và cái vui nhất đời của bọn mình mà tôi đã nói với bạn trong TQBT 9 là: các bạn dù ở xa chúng tôi, xa độc giả' của TQBT hằng nửa vòng trái đất mà vẫn không bao giờ thấy cô đơn, khi mà tôi nghe bạn nói chị X.H gọi điện thoại từ Nam Cali về nhà chúc tết bạn và PNL. Đó chính là dòng sữa ngọt dành cho bọn mình đó. Tôi tin là, sau chị X.H còn trăm ngàn chị X.H nữa không bao giờ quên các bạn đang sống nơi quê nhà. Với tôi, biết nói gì hơn là: cảm ơn chị X.H cùng nhiều độc giả khác của TQBT đã dành cho những anh em cầm bút cũ còn đang ở quê nhà nhiều tấm lòng. Tấm lòng của những độc giả phương xa.

Rong bút

Trần Hoài Thư

1/

Ở thành phố ấy, tôi đã trải qua thật sự một đêm trăng. Có lẽ tại cốc cà phê được pha quá đậm, hay tại vì lạ nhà lạ cửa. Cũng có lẽ tại vì thói quen, trước khi ngủ, cần phải được nghe lại những bản nhạc từ tiếng hát quen thuộc, để giấc ngủ đến lúc nào không hay. Rõ ràng thói

quen đôi khi chính là tai hoạ.

Và tôi đã bất lực trong đêm. Sự bất lực đến điên cuồng. Chưa bao giờ tôi lại thấy thời gian quá dài đến như vậy. Từ cửa sổ cửa lầu, tôi kéo màn nhìn ra cõi đêm. Những ngôi nhà vắng lặng tắt đèn. Phía xa xa, một building cao ngất, thấy những ô sáng. Không biết giờ này có ai còn thức như tôi hay không. Tôi thức thủ trở lại giường cố dỗ dành giấc ngủ. Lại ý tưởng chợt lóe lên. Lại tay chân ngứa ngáy. Lại thói quen. Lại cái ghiền được ngồi trước máy để viết. Lại hối hận không mang theo *laptop*. Ít ra nó cũng giúp tôi không còn chịu đựng cái hình phạt như thế này. Ý tưởng, nhân vật, đề tài cứ chập chờn. Tôi muốn ghi lại, sợ ngày mai, chúng sẽ vượt mất. Chất liệu văn chương không phải dễ dàng gì gặp được. Đôi khi chúng đến thật bất ngờ. Chúng làm ta mừng như chớp bắt được một vật trân quý. Có thể là một ý thơ. Hay có thể là chữ đẹp. Có thể là một nỗi thôi thúc kỳ bí nhưng mãnh liệt. Chúng hành hạ chúng ta, bắt chúng ta phải ngứa ngáy. Và phải ngồi vào bàn viết.

Nhưng bây giờ thì tôi bất lực. Không có viết. Không có giấy. Không có computer. Không có một gạt tàn thuốc. Không có một ly cà phê. Chỉ có chẳng là căn phòng rộng lênh lênh mà bạn đã ưu ái dành cho tôi qua đêm. Tôi bật đèn. Màu tường vôi trắng sáng. Nhưng đầu óc tôi thì nóng bừng căng thẳng.

Tôi liên tưởng đến những đêm xưa. Không thể tưởng tượng là giữa bốn bề địa ngục, trong chớp chùng tai ương, trên đầu đôi khi trời mưa như thác, dưới đất là bùn đất nhão nhoẹt, thấp thoáng những gò mả nổi lên, và tai thì nghe tiếng gió hú, tiếng tre kêu rít hay muôn ngàn âm thanh của loài dạ trùng... thế mà nỗi thôi thúc của văn chương, chữ nghĩa lại thắng thế, khiến tôi phải trù mền, phủ thêm một hai tấm poncho, và viết dưới ánh đèn pin quân đội. Viết. Chẩn trách nhiệm thiêng liêng. Chẳng ngồi bút là một sư đoàn như lời tán tỉnh của lãnh

tự. Nhưng nó là một nhu cầu. Như cơn ghiền thuốc. Nó bắt ta phải trải lòng trải dạ trải ý trên trang giấy nếu không lòng ta ầm ức, tâm não ta nóng bừng, có khi như dội ầm ầm tiếng nổ. Viết, bởi vì nếu không viết thì không được. Bởi chất liệu quá thừa thãi, quá dư dật, không cần động não, không cần bận tâm chọn chất liệu đề tài. Bởi tiếng kêu thất thanh không phải dội về từ cõi khác, mà chính từ cõi mà người viết vẫn trẻ có mặt. Những đề tài về cuộc chiến thì bất tận và người lính viết văn thì cuống cuống viết, hối hả viết, sợ rồi mình không có dịp để được viết nữa. Và mỗi trang bản thảo như gói giấu một chút thư. Có khi bản thảo đang dở đứt đoạn. Có khi mưa nhòa nhạt chữ. Có khi trang giấy bị cháy xém vì lửa pháo kích. Có khi chưa xong thì đã bị thương, trang bản thảo bị thất lạc...Có khi trang bản thảo bỏ quên trong túi áo trận hay ở một nơi giang hồ nào đó.

Sống trong điều kiện hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy, mà chúng tôi lại viết được. Vì sao. Vì ít ra chúng tôi không có một ai, một cặp mắt nào, một tay công an mặt vụ văn hóa nào, một chính trị viên nào, một đơn vị trưởng nào thanh tra, dò xét, theo dõi chúng tôi. Mà theo dõi để làm gì, trong khi chúng tôi đã ở tận cùng của lòng địa ngục rồi còn gì. Đầy đi tác chiến ư. Còn nơi nào khác chẳng. Chẳng lẽ đầy ra khỏi đơn vị tác chiến về văn phòng ư ?

Sợ chết. Thèm viết. Nhắm mắt nhắm mũi mà viết. Dù viết chẳng biết gửi đâu. Trái phá nổ ầm ầm nhưng không bằng trái phá dội trong lòng ngực trong đầu óc. Nỗi buồn ràn rụa trên từng cọng cỏ cọng lau bờ bụi hốc đá sao lại không bật lên những thổn thức rỉ máu hay như giọt nước hồi sinh rả rích trong phòng hồi sinh cấp cứu... Viết để mà không còn dịp để mà viết nữa.

Như vậy, viết là một nhu cầu. Không ai can đảm bỏ ngòi bút của mình. Trừ những lý do riêng. Khi còn thở là còn viết. Tuy nhiên có những người còn thở còn thèm viết,

muốn được viết lại phải chong mắt nhìn cả đêm trắng. Như đêm nay. Như những bạn bè tôi ở quê nhà:

...Chỉ còn năm đứa chúng tôi thức cùng đêm trắng lóa, trắng đến vô cùng lòng dạ. Đêm hoàn toàn yên tĩnh, không có tiếng đạn bom gào thét, không có hỏa châu náu trắng sao, không có tiếng khóc gào vật vã, nhưng cả năm vẫn nhìn thấy một cách rõ ràng từng tràng bom dội xuống nỗi lòng mỗi đứa, nổ tung... kinh hoàng.

2/

Những tràng cười như pháo nổ. Những tràng cười làm đêm vỡ những mảnh thủy tinh vui.

Như tiếng pháo vang dòn bất tận. Như ngày ngát bông hoa học trò, đám học trò gái tinh nghịch trên sân trường, như đôi mắt trong và tâm hồn cũng trong xanh của thời con gái...Đùa giỡn. Tinh nghịch. Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò.

Bây giờ đám học trò ấy đã trở thành hay sắp trở thành những nội ngoại. Họ đang ở vào những ngày mà nỗi đau buồn thì dễ tìm, nhưng niềm vui thì khó kiếm.

Vâng. Niềm vui thì khó kiếm. Khó kiếm lắm. Cho dù tiền rừng bạc biển cũng khó mà mua tiếng cười. Lại là tiếng cười dòn. Tiếng cười rộ. Tiếng cười trong vút. Tiếng cười nổ ran. Không còn e ấp, rụt rè. Không còn giữ gìn khép nép. Thả dàn. Bất kể.

Đêm ấy, ở phòng trong, đám thiếu phụ đã có thể giới của họ. Không tay đàn ông nào dám bén mảng. Đàn ông đi chỗ khác chơi. Nhờ vậy mà các ông chồng mới được thanh thoi nở phổi, dãn gân, tay chân, miệng lưỡi tha hồ kích động. Tha hồ chuyện chiến tranh giữa Mỹ và Iraq. Nội cái chuyện đánh hay không đánh là cả một đề tài bất tận. Rồi chuyện trở về VN. Rồi chuyện tù tội. Thỉnh thoảng ai nói một câu khôi hài. Để thêm một lần tiếng cười lại có dịp trỗi dậy. Đôi mắt đằng sau cặp kính lão

chợt sáng hơn. Vầng trán hình như bớt nhăn hơn.

Họ đã quên họ vừa từ già ngôi nhà quàn. Họ đã quên họ vừa nói những lời chia buồn với thân nhân. Họ đã quên cái quan tài được đặt giữa phòng, với bông hoa phúng điếu.

Rõ ràng ở tuổi này nỗi buồn rầu thì mệnh mông bằng bạc khắp nơi. Người thân. Bạn hữu. Và những tên tuổi quen thuộc với chúng ta. Tổng thống. Tướng lĩnh. Văn thi hào. Chính trị gia. Lãnh tụ. Ngay cả ta cũng cảm thấy mất mát. Tóc xanh giờ đã nhuộm bạc. Và đôi mắt đã loà một phần sinh động.

May mà trời vẫn còn thương cho ta được tiếng cười. Để còn níu kéo những niềm vui nho nhỏ khi ngoài kia, ngày đã trở vàng héo hắt.

Bắt đầu...

... những cuộc chia tay vĩnh viễn

Cao Vị Khanh

Tuần trước người quen điện thoại cho hay tin họa sĩ Chóe tức Nguyễn Hải Chí đã mất. Những nét minh họa bén như dao khắc trên tuần báo Khởi Hành những năm 60-70 còn làm tôi ớn lạnh.

Hai tuần trước nữa tin ca sĩ Duy Khánh qua đời. Tiếng hát trúc trắc của miền Trung trực trặc đầu chưa lần nào làm tôi thích vẫn rất quen thuộc trong cái sinh hoạt văn nghệ rất mực trăm-hoa-đua-nở của miền Nam ngay cái lúc bom đạn còn đương mù mịt.

Tháng trước, ở Úc, điêu khắc gia Lê Bá Đảng cũng bỏ đồng bỏ đá bỏ dao cạo mà đi...

Nhiều tháng trước, nhiều năm trước, nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên... đã bỏ đi, lâu hơn nữa những

Việt Hùng kếp đẹp của Đầu xanh vương khổ hận, Hùng Cường kếp mùi của Tướng cướp Bạch Hải Đường, nhà văn kịch tác gia Vũ Khắc Khoan của Thần tháp rùa, nhạc sĩ Phạm Đình Chương của Mộng dưới hoa, nhạc sĩ Trúc Phương mà ai đã có lần qua cổng một trung tâm nhập ngũ nào đó lại không nhớ thứ ngôn ngữ đặc biệt làm bằng dấu đôi tay, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng với cái phát giác rụng rời ta nghiêng vai nghe lại cuộc đời thì hỡi hừng hoàng hôn trời tối, rồi Nguyên Sa của nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, rồi còn Lê Uyên Phương và Vũng lầy của chúng ta, rồi ở tận bên nhà Út Trà Ôn ông-cò-quận-chín, lâu lâu hơn nữa nhà thơ nhà báo Thanh Nam của Bài hành bốn mươi... Bao nhiêu tên tuổi của một thời đã lần lượt bỏ cuộc chơi mà đi mất... Và còn ai nữa... còn ai nữa...

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư hoàng hạc lâu*

Cái mặt đất này rồi đến lúc trở trụi như cái lều hoàng hạc và ánh chiều tà của một ngày xa xứ sẽ đi u hiu biết bao nhiêu...

Có những tên tuổi rất quen và còn bao nhiêu tên tuổi không quen biết, đã đến rồi đi, giữa cơn trường hận này...

Hơn hai mươi mấy năm trước, giựt mình bỏ chạy, có mấy người liệu được ngày gởi thân đất khách. Vậy mà ngày về rồi xa lác xa lơ... Rồi tuổi tác, rồi bệnh hoạn, rồi gởi mộng mà đi...

Cái chuyện người nhắm mắt xuôi tay cũng thường như cái chuyện người mở mắt chào đời, hằng hà sa số, ai hơi đâu mà kể lể. Có họa chăng mấy kẻ thân thích hoặc

khóc hoặc cười... Mà điều, trong cái hoàn cảnh dở khóc dở cười của tôi, của anh của chị, của những người nửa đời nửa đoạn sao nghe ra cứ thấy buồn ngủ làm sao... Có một cái gì đó đã qua đi, đang qua đi và sẽ qua đi mất... Cái gì đó là cái thời của chúng ta liền với một khoảnh đất, dù vinh quang hay tủi nhục, vẫn là suốt một thời chúng ta đã góp mặt, cùng khóc cười theo vận nước nổi trôi.

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ

Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

Giọt nước mắt ngày nào. Tấm lòng vườn cũ. Chữ của Đào-Tiềm-lưu-lạc lâu lâu nhớ lại mà thấy thương ơi là thương!

Xứ người hai mươi mấy năm vẫn thấy lạ trời lạ đất. Làm sao không lạ lắm những tấm lòng. Còn lại chút quen-hơi-bén-tiếng dẫu không thân thích nghe ra rất ruột rà. Những tơ-lòng-dã-cũ cứ làm nhớ triệu điều tha thiết cũ. Ở đây đôi khi nghe lại một tiếng hát một đoạn nhạc đã nghe từ khi còn ở quê lòng bỗng bồi hồi như thấy lại mình một ngày nào ở đó, đọc một câu thơ một bài văn của một người mình đã mến mộ từ khi chưa đi xa lòng bỗng thấy như thân gần lại được chút nào cái khoảng cách trời cách biển. Làm như có một cái gì đó lẫn lộn giữa quê hương và người nghệ sĩ, phải không. Trong một liên hệ nhân quả nào đó, có phải nghệ sĩ là kẻ đã thừa hưởng cái tài hoa của dân tộc, ân huệ của đất đai thổ trạch, của sông ngòi kinh rạch, của mùa màng thời tiết nơi họ đã được sanh ra, lớn lên và un đúc nên vóc nên tài. Họ đã nhận được ơn phước nhiều hơn người khác nên họ đã bằng lòng làm cái kiếp tầm trả nợ dẫu. Có phải phù sa hồn hậu của hết miền lục tỉnh đã trộn lộn lại cho mình ên ông Út ở Trà Ôn cái hơi vọng cổ nghe mùi đến tận mạng. Có phải thi sĩ là kẻ đã thở cùng hơi với hương

đồng cỏ nội, đã nhịp cùng mạch sống với sông nước làng quê... cho nên nghe họ hát ca, viết văn làm thơ, vẽ khắc... như thấy cả một trời quê hương dựng lại.

Ờ họ dính liền với quê hương như một. Nghe họ là nghe quê hương lên tiếng. Đọc họ như thấy chính quê hương tâm sự. Trong một lúc. Vào một thời. Có ta ở đó.

Mấy chục năm nay cứ bám víu vào họ mà sống, mà buồn vui... mà tự nhủ còn đó còn đó... cái thời của chúng ta.

Có nhớ không chính những nét vẽ của Chóe đã làm náo người thầy trẻ mỗi tuần chờ báo Khởi Hành trong một tiệm sách nhỏ dưới gốc cây me già ở một tỉnh miền tây. Những năm 70. Không khí tỉnh lẻ. Cái gì cũng chừng chừng phải phải. Ông thầy trẻ hai mươi mấy tuổi lại cứ thích để tóc dài, quần jean bạc théch áo phạch banh nút ngực... thả lang ngoài phố như một tên du đảng... Ờ nét vẽ của Chóe ngang tàng trái cựa y hệt như một tuổi thanh niên cứ muốn thách đố với đời.

Vài năm trước nữa, những chiều thứ bảy thả dài trên hè phố Lê Lợi, đợi nắng tắt, kéo nhau vào quán Cái Chùa, gọi tách cà phê ly trà đá, đốt điếu thuốc thả khói loang quanh rồi nghe Joe Marcel hát Phạm Đình Chương bằng cái giọng rất lừng khừng chưa gặp em tôi đã biết rằng có người thiếu nữ đẹp như trăng...

...Và lần nào em nhớ không, sao mà mình phục ông Lê Uyên Phương tới sát đất, khi từ căn gác trọ theo em xuống phố trưa nay đang còn nhức mõi đôi vai...

Vâng những người nghệ sĩ đó họ đã nói giùm ta điều ta nghĩ -mà nói rất điệu, vào một lúc nào đó, ở một chỗ nào đó... Và như vậy, họ chính là ta vào lúc ấy, ở chỗ ấy... Cái lúc cái chỗ ở riết thành quen mà xa rồi là nhớ

ơì là nhớ. Cái chỗ người ta nói tiếng Việt Nam, hát tiếng Việt Nam, làm thơ viết văn bằng tiếng Việt Nam, yêu nhau bằng tiếng Việt Nam và gậy gổ chửi rửa bằng tiếng Việt Nam... Họ là tiếng nói của một thời, là nhân dáng của một thời. Nghe họ thấy họ làm như còn thấy lại một mảnh giang sơn đã rách bướm... Đọc họ nhìn họ như còn thấy lại cái góc vườn-cũ, của lần gặp đầu, của buổi chia tay, một đường phố thuộc, một xóm nhà quen, những giong sông hện, những bến đò đưa... Những ca nhạc sĩ của một thời, những văn thi sĩ, những họa sĩ đã rung lòng theo nhịp rung của thời đại, những năm giặc giã, những năm chia lìa, bây giờ đang lần lượt ra đi, mang theo với họ sợi dây chẳng giữ con thuyền lưu lạc với cái bến cũ đầu hiu.

Họ bỏ đi, chúng ta mất thêm lần nữa, quê hương.

Và nhất là nhìn từ một góc nào đó, họ còn là hình ảnh của sự tái tạo từ tro than, của sự phục sinh từ cơn bức tử. Hay nói cách khác, của một giấc mơ vĩnh cửu về một cảnh đời tạm bợ.

Họ đi rồi, bỏ lại dở dang ta, những hồi mơ xuân hiềm muộn.

Jorge Luis Borges. Tâm hồn thi sĩ có bao giờ thôi ước hện với thanh xuân.

Khi những ngôi sao bắt đầu tắt lửa, vòm trời giống y như một cõi lòng trống trơn.

Tản mạn đầu năm

(những trang viết từ Houston)

Trần Bang Thạch

1.

Từ lâu tôi có thói quen ngày đầu năm gọi điện thoại chúc Tết hầu hết những người thân quen xa gần. Sau đó là viết. Viết bất cứ cái gì. Nếu có chút ngẫu hứng thì viết 4 câu thơ, nhiều thì một bài thơ, chẳng có hứng làm thơ thì viết mấy lá thư gọi là hồi âm. Mừng Một Tết năm nay thì mọi chuyện đã khác. Sau những lời chúc tết như mọi năm, lúc tôi đang vui vẻ, hào hứng chuyện trò với một vị thầy cũ tại San José thì cả hai thầy trò, cách nhau hàng ngàn dặm, không hẹn mà như cùng lúc chú ý tới màn ảnh TV trước mặt. Hình dáng của một chiếc phi thuyền với cuộn khói dài phía sau. Và những lời tường thuật. Chúng tôi, cả hai, trước khi tạm biệt, đều không muốn nói lời chúc vui như những lần điện đàm thường lệ. Trước mắt và trong tâm trí của thầy trò chúng tôi, của hàng tỉ người hôm đó, hôm sau, và nhiều hôm sau nữa, nhiều năm sau nữa, là phi thuyền con thoi Columbia đang bốc cháy với phi hành đoàn 7 người trên vòm trời trong xanh miền bắc Texas. Tại Texas lúc đó là 8 giờ 16 giây ngày Thứ Bảy 1 tháng 2 năm 2003, cũng là ngày Mừng Một Tết Quý mùi. Tai nạn đã xảy ra ngay tại tiểu bang tôi cư ngụ từ 23 năm nay. Có thể nói là ngay trên đầu tôi, lúc ấy. Vài giờ sau, từ tòa Bạch Ốc, Tổng Thống nước Mỹ đã nói trong xúc động: “Phi thuyền con thoi Columbia đã không còn. Phi hành đoàn cũng không có người nào sống sót. Những thanh niên nam nữ này đã đem sinh mạng mình phục vụ nhân loại. Họ biết những nguy hiểm, nhưng không dừng trước hiểm nguy vì họ biết rằng họ có mục tiêu cao cả cho đời họ. Chính vì sự can đảm và lý tưởng của họ mà chúng ta sẽ

nhớ họ mãi mãi”. Phải, chúng ta sẽ nhớ họ mãi mãi. Cũng như người ta sẽ không quên tai nạn xảy ra cho phi thuyền Challenger 17 năm trước, ngày 28 tháng Giêng năm 1986, những ngày trước Tết Âm lịch, khiến cho phi hành đoàn 7 người đều thiệt mạng, trong đó có cô giáo Christa McAuliffe. Danh sách còn có thể dài hơn với Michael J. Adams, Gregory B. Jarvis, Ronald E. McNair, Ellison S. Onizuka, Judith A. Resnik,... và những phi hành gia A, B, C,... sau này. Bắt đầu từ giờ phút đó và chắc chắn là cho tới nhiều ngày sau đó, người ta, truyền thanh, truyền hình, báo chí sẽ nói về tai nạn đau thương này. Nước Mỹ khóc cho 5 đứa con ưu tú của mình, người Do Thái khóc cho người hùng không quân của mình và toàn dân Ấn Độ khóc cho đứa con gái cũng là ngôi sao mới nhưng thật sáng trên vùng trời khoa học không gian. Cả thế giới sững sờ. Cả thế giới rung động. Cả thế giới bật khóc cho 7 đứa con chung. Tôi không nghĩ tới những mảnh vụn của phi thuyền, mà tôi chỉ nghĩ tới những mảnh xương da máu thịt của Rick Husband, của William McCool, Michael Anderson, David Brown, Ilan Ramon, của Kalpana Chawla và của Laurel Clark, từ độ cao hơn 39 dặm, như những chùm hoa vô cùng rực rỡ vừa tách ra khỏi một cầu vòng ngũ sắc, rồi đáp xuống gần nhất là những cánh đồng cỏ thuộc quận hạt Nacogdoches, xa nhất là phố xá, thành thị, núi đồi, sông rạch, làng mạc ...cách đó nhiều chục dặm. Tôi thấy trước mắt đó là những đóa hoa đã đồng loạt mở cánh bay từ vùng biển Đại Tây Dương sương mù sang Thái Bình Dương nắng mông, rồi lướt trên miền rừng rậm Phi Châu mưa dầy, bay từ Á qua Âu, từ Tây sang Đông, từ Nam lên Bắc; bay qua núi cao, đáp xuống địa vực, rực rỡ như sao trời, tỏa hương ngạt ngào khắp nơi khắp chốn, rồi đọng lại nơi mỗi trái tim mỗi người trên địa cầu, không phân biệt màu da trắng đen vàng đỏ. Khoa học là không giới hạn thời gian, không gian. Những thành tựu khoa học được

chia đều cho khắp nhân loại. Cho nên những nhà khoa học là những đứa con chung. Xin cùng nhau khóc cho những đứa con chung này, dù hôm nay là ngày đầu năm âm lịch.

2.

Có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời tôi phá lệ trong ngày đầu năm: không làm thơ mà viết một bài văn về một chuyện thời sự thật buồn, bất kể những kiên kỵ của ngày tư ngày tết. Những câu thơ nguệch ngoạc của tôi làm sao sánh được với những cánh hoa kết tụ bằng trí tuệ, bằng sự can đảm, và nhất là bằng lòng hy sinh và tinh thần phục vụ nhân loại của những nhà khoa học này. Thơ là đẹp. Tôi trách mình sao không viết được một bài thơ cho những cánh hoa đẹp vô cùng quý hiếm này. Nếu đọc giở rộng lượng, xin coi bài văn ngắn trên đây là một bài thơ khai bút đầu năm viết về những cánh hoa rực rỡ, ngát hương trong vườn xuân nhân loại.

Xin cảm tạ tất cả.

Houston, mừng 1 Tết Quý mùi

Phạm Ngọc Lư

Huế- Ngày về

Ngày về – Về Huế – Huế xưa
Về em xuân muộn – anh vừa chớm thu

Đưa nhau ra bến sa mù
Lơ ngơ kỷ niệm chân chừ bước theo
Lòng em đẩy nhẹ mái chèo
Trôi đi...trôi với bọt bèo lòng anh...

Đưa nhau qua mấy cửa thành
Màu rêu bất tuyệt còn xanh nảo nùng
Xưa chờ em cửa chính Đông
Anh in vào đá nổi lòng héo hon
Xưa tìm em cửa Hiển Nhơn
Đá cầm gạch lạnh rêu mòn dấu tay...

Sao lòng ngèn nghẹn nước mây
Trôi đi...trôi với tháng ngày mù sương
Đưa nhau qua những con đường
Thâm u lá rụng cuối vườn tịch liêu
Xưa em guốc mộc khua chiều
Giấu trong tà áo ít nhiều vu vơ
Anh qua cửa phủ đứng chờ
Chiều em về muộn rêu mờ dấu chân...

Sao lòng gợn sóng băng khuâng
Mây trôi...nước lại ngập ngừng chưa trôi
Trôi đi...bèo bọt một thời
Mái chèo tâm sự...rã rời lòng nhau
Đưa em lên ngọn giang đầu
Chia ly ngày ấy rầu rầu Huế mưa

Sông Hương no nước căng bờ
Tim anh cuộn cuộn – lững lờ tình em!
Tình ơi không nặng sao chìm
Trăm năm rời rợi nằm im đáy lòng!

Rồi thôi... gió bụi mịt mù
Cuốn em ra khỏi khuê phòng đài trang
Rồi thôi...nước mắt lờ làng
Vùi trong vạt áo vô vàn tiếc thương

Ngày về...lặng khói im sương
Về trong Huế mới...buồn buồn Huế xưa
Về em gần lệ chưa mờ
Về anh tay lạnh thẩn thờ nâng tay
Nhìn nhau lòng ghen nước mây
Hồng nhan em cạn... anh đầy đa truân
Lòng như gợn sóng băng khuâng
Chuyến đò dĩ vắng tần ngần... đang trôi
Trôi vô lòng Huế – Huế ơi!

mùa thu năm 2000

Hoài Khanh

Tính thể là

Tưởng niệm Martin Heidegger

Những điều quỷ nói với ma
Là trong tính thể nghe ra chết chìm
Những điều bướm nói với chim
Là trong tính thể đậm niềm yêu thương
Những điều gió nói với sương
Là trong tính thể cội nguồn mệnh mông
Những điều biển nói với sông
Là tâm ơi hãy bao dung độ trì
Dù đời có lạc đường đi
Tâm ta mà vững thì chi sá nào.

Trần Duy Phiên

Chim tha lửa

(1972)

Đoàn xe từ từ dừng lại. Những chòm đầu ngoi lên đổ khé. Đến rồi! Xuống đi thôi! Một vài người vươn vai, hối thúc. Đến gì mà đến! Trại tiếp cư đâu đây? Phố xá buồn bán của người ta! Một người đàn ông cần nhân. Không còn ai lên tiếng. Suốt ba ngày, từ khi bốc ra khỏi cao nguyên, lệnh bảo lên thì lên bảo xuống thì xuống, sống đời con vật hít thở non mưa khắc khổ. Những đứa con nít ngoắt ngoẻo trên sàn xe, vất vẻo lên bị ách. Vài người đàn bà đứng dậy rũ áo, vấn lại tóc. Có tiếng trẻ sơ sinh khóc. Người mẹ khô khốc vạch vú cho con bú.

Nắng chiều cháy rất da mặt.

Tôi lại nhảy mũi mấy cái liền. Thế nào mình cũng bị cảm nắng. Đưa tay quệt mũi, tôi nhận ra một thứ nước đỏ nhờn. Máu? Mồ hôi? Có lẽ mồ hôi pha lẫn bụi đường. Tự dừng tôi muốn tách khỏi đoàn. Xuống đây thôi. Cầm lấy xách, tôi leo qua thành xe, nhảy xuống đường. Một vài ánh mắt mệt mỏi nhìn theo. Tôi lăm lũi bước đi. Lê được một đoạn, tôi cảm thấy mệt đừ đừ, người nhẹ tênh. Những bước đi như không phải của mình. Hơi thở hâm hấp nóng khan lòng mũi. Tôi dừng lại, vuốt mắt, nhìn quanh. Nha Trang? Ừ, tôi đang dứ chân trên mặt đất bình yên, phơi phơi những khuôn mặt thanh thản, lỏng lẻo những sắc áo màu. Một thành phố tôi đã từng đến, tự dừng xa lạ. Mình không giống ai. Tôi có cảm tưởng từ một vụ nổ mình như một mảnh rách núi rừng tung xác về đây.

Những cái nhảy mũi lại tới tấp, thêm những vết đỏ nhờn ngang dọc trên áo. Đưa lên mũi, khứu giác không còn ổn, nhưng tôi vẫn nhận ra mùi tanh. Máu! Máu đã rỉ rả chảy suốt nửa ngày qua. Choáng váng, tôi gắng gượng

bước tới hiệu thuốc phía trước.

- Làm ơn kiểm cho một thứ gì cầm máu! - Tôi nói, buông rơi chiếc xách xuống sàn nhà.

Cô gái bên trong quầy hàng mở to đôi mắt bởi chèn đèn kinh ngạc nhìn tôi. Biết rồi! Có lẽ cô ta không chấp nhận cái thứ ngợm làm khách hàng. Nhưng đang lúc bức thiết, tôi đưa tay chỉ vào mũi, cô ta gật đầu, thử thả đảo mắt lên kệ thuốc.

- Xin ông đợi cho một chút - Tôi không đáp lại câu nói có vẻ bối rối của cô gái. Tôi bước lùi, ngồi xuống chiếc ghế đặt bên bàn cân. Tựa đầu vào tường, một tay vỗ nhẹ lên trán đỡ cơn đau, một tay che lấy miệng, tôi há hốc thở.

- Tìm thứ gì mà xáo tung cả vậy? - Một người nào vừa lên tiếng, giọng trong tuy có hơi gắt gỏng.

- Ông ấy cần một lọ thuốc ...

- Ai? Ông nào?

Bỏ tay ra, tôi cố gượng đứng thẳng dậy. Dõi theo cánh tay cô gái, người ấy bước về phía tôi. Tự dưng tôi lần đến, mở lớn mắt. Vẫn áo lụa màu vàng nắng, tóc dài, cần cổ cao. Ba ngày không ngủ, nhưng tôi quyết chắc mình không mơ.

- Lan Nghi!

- Phải, em đây - Giọng cô ta bình tĩnh đến kỳ lạ - Làm sao anh tới nỗi này!

Tôi muốn củng cố con người mình lại nhưng chẳng biết làm sao. Ba tháng méo mó không thể một giờ chỉnh chu. Tôi muốn rút đầu đó một nụ cười gắn lên môi cho bớt màu thảm hại. Nhưng héo khô ba tháng không thể phút chốc tươi thắm. Vậy tôi phải giải thích với cô ấy làm sao tôi tới nỗi này? Ừ, làm sao? Tôi đã thành một thứ khác. Cái thứ khác ấy thoát đầu em nhận không ra! Nhưng làm sao nói hết nỗi kinh hoàng của bấy thỏ đi tìm đồng cỏ thanh bình. Anh ở cao nguyên, bấy lâu cố sống như cây rừng đá núi, đóng cửa quá khứ, níu buộc bước chân vất

vường. Một buổi sáng, trời hết xanh cao, thỉnh không tắt nắng gió, mặt đất rung chuyển, anh vùng chạy. Lịch sử gọi hoạt cảnh đó là chiến tranh. Còn anh chỉ thấy ma quỷ, hận thù và khốn nạn. Anh từ chối tất cả nhưng không thể không chung sống... - Nghĩ đến đó, tôi cầm lấy hộp thuốc trên tay Lan Nghi, tiến lại quây trả tiền.

- Mẹ, anh Bảo đó - Cô ta tỉnh tể nhắc nhở mẹ - Mẹ không nhận ra à? - Bà mẹ mở lớn đôi mắt xám nhìn tôi, trả lại nguyên tờ năm trăm, ngó băng quơ ra đường. Vẫn khô khốc và phớt tỉnh như năm xưa. Vẫn cao ngạo và phủ định tuyệt đối. Vẫn kiên trì gìn giữ giọt máu tôn nữ không tàn phai. Tôi khẽ chào, nhất lấy xách tay bước ra cửa, dừng dừng như một khách hàng.

- Bây giờ anh đi đâu? - Lan Nghi áp cận theo tới tiền sảnh, níu lấy tay tôi ngay trước mắt mẹ - Hay là anh lưu lại đây cho em chăm sóc? - Tôi lắc đầu - Nhà em là bóng mát của anh trên đường thiên lý, hương hoa cây cỏ do tay em vun trồng và chờ đợi anh - Tôi cúi mặt đứng im. Có những cây khô gần chết nghe đau trong trận mưa rào - Hay anh còn muốn xa chạy cao bay để khỏi vướng mắt vì em?

- Mệt mỗi lắm rồi!

- Vậy anh ở đâu? Nhà bạn? Khách sạn? Đường nào? - Lan Nghi muốn lấy xe đưa đến chỗ trọ nhưng tôi từ chối. Cô ta hẹn nơi gặp mặt, tôi gật đầu. Một lần nữa tôi quay lui khẽ cúi chào nhưng mẹ Lan Nghi vẫn bất động. Tôi bước vội qua bên kia đường, mong được bình thường trở lại. Nhưng vừa từ biệt, đầu lại nhức như kim châm. Biết Lan Nghi nhìn theo nhưng tôi không ngoái lui. Tôi ngại tình cảm của cô ta sẽ làm tôi thấm thương hơn nữa. Trời đã xui chúng tôi gặp lại nhau cũng khó mà thoát. Là kẻ nợ, tôi chỉ xin được triển hạn.

Lòng lâng lâng với những ý nghĩ ấy, tôi bước đi. Qua một quãng đường đông người, đến khu chợ, tôi ghé mua mấy quả cam, vừa đi vừa nhấm nháp. Biển hiện ra trước

mất. Gió mát, cam ngọt làm tôi cảm thấy dễ chịu phần nào.

Đầu hè, biển sau giờ tan sở người đông như một cuộc hội. Tôi e dè một chút rồi lần ra mé nước quỳ xuống rửa mặt, vị mặn thấm vào da tê rần. Chưa phải lúc tôi tìm đến nơi an vui thế này. Đúng ra, tôi phải đến trại tiếp cư, xếp hàng cùng mọi người nhận lấy bát nước cứu độ, chén cơm bố thí. Tôi thờ thần đứng lên. Những đứa bé áo màu sắc sỡ tung tăng gào với sóng biển. Hai cô gái mặc bikini đôi giò trắng thon ôm phao tắm chạy từ trong ra bất chợt dừng lại, hốt hoảng dương đôi mắt ngây thơ nhìn tôi. Ánh mắt kiểu đó có lần tôi đã gặp trên khuôn mặt của một cô bé vào sở thú. Một thằng nhóc đón tôi lại mời mua báo. Tôi lấy một tờ hôm nay và hỏi mua tất cả những tờ cũ vì mấy tháng rồi tôi không có báo đọc. Nó lắc lia cái đầu bù xù, nhe miệng cười, ý nói tôi là kẻ ám đầu.

Đi ngược trở lên, tôi chọn bóng im một ngọn dừa thấp, đặt xách xuống gối đầu lên, nằm dài ra. Mở hộp thuốc, đọc kỹ lời chỉ dẫn, tôi nhỏ mấy giọt vào mũi. Một con bé mặc bà ba chạy lại hỏi tôi uống gì. Tôi nói cam vàng, xa xi, coca càng tốt, chừng ba chai. Con bé hỏi lại lần nữa rồi với nụ cười của thằng bán báo vụt quay đi. Ai cũng thấy mình kỳ dị!

Con bé mang lại ba chai coca, hai cái ly và một cái mở đặt bên cạnh tôi rồi biến ngay. Tôi nhồm dậy rót uống mấy hơi liên tiếp, cúi xuống đọc báo. Tôi muốn tìm xem người ta nói gì về vùng đất mình vừa thoát chưa bao lâu. Khi đọc xong bài phóng sự tôi đâm ra ngỡ ngẩn. Mặt đất, khu phố, đường sá nói ở đây đâu phải là nơi tôi đã sống qua những đêm ngày máu lửa. Tôi ném tờ báo ra xa, gió cuốn tung về phía đường. Ngay khi ấy, một chiếc Fiat màu lam nhạt rẽ xuống bãi rồi dừng lại, Lan Nghi bước ra. Cô ta đi qua tờ báo và thẳng về phía tôi, thân dáng nhẹ nhàng trong chiếc robe màu vàng mơ.

- Sao anh không vào trong quán? - Cho chùm chìa khoá vào cái túi bé tí, Lan Nghi co chân ngồi xuống bên tôi.

- Sợ làm phiền người ta - Tôi nhìn vào đôi giày há mõm của mình rồi bắt sang chuyện khác - Sao ra sớm vậy, anh cứ tưởng...

- Đã mười năm anh vẫn không thay đổi lối nói lưng chừng, vẫn giữ cố tật hẹn ước không rõ ràng - Lan Nghi đưa tay phủi một cái gì bám vào cổ áo tôi - Em ra chậm tí nữa, trời tối, biết đường nào mà tìm!

Tôi mở cho Lan Nghi một chai coca, cô cầm lấy. Tôi ngồi thẳng lên, nhìn Lan Nghi không chớp mắt. Tôi muốn nói còn em vầng trán vẫn thanh bình, đôi mắt vẫn trong xanh, chiếc mũi vẫn thanh tú. Em còn mãi Lan Nghi của ngày ấy. Anh thì đổi thay như mặt biển với dầu non. Những buổi sáng soi gương chải tóc, anh đã quen dần với vẻ mặt lạnh, với nếp nhăn hằn sâu vào trán và những chân râu lan dần xuống cổ như cỏ dại.

- Anh đang nghĩ gì mà thờ người ra vậy? - Lan Nghi hỏi, tôi chớp mắt thờ dài.

Trời nhá nhem tối. Biển đổi màu đen thẫm. Những ngọn đèn ghe tàu ngoài xa giăng thành một vòng cung.

- Anh nghĩ gì? Đừng giấu em nữa! Đừng cất lấy những tâm tư làm của riêng trọn đời. Nói đi! Nói đi anh!

Tôi đưa mắt nhìn mông lung lên trời.

- Lan Nghi - Sau một lúc im lặng, tôi nói - anh đang nghĩ tới đôi chim - đời sống của đôi chim. Một con sinh ra ở ruộng đồng, mẹ phải đào hầm ấp con vì mái nhà không che chắn được cái gì. Một con sinh ra ở phố thị, có chiếc tổ ấm rất xinh trong ngôi biệt thự bên dòng sông xanh, giữa một vườn hoa hương sắc bốn mùa. Một sáng chim từ già đồng khô cỏ cháy bay về thành phố. Trải qua ngày tháng, con chim ruộng đồng tìm được chiếc tổ dưới mái nhà cư xá. Nhớ thương tre xanh vườn vắng nên nó thường đọc sách, ca hát và làm thơ.

Một hôm hai con chim ấy gặp nhau trên chiếc cầu bắc

qua dòng sông xanh như một phép màu cho hai kẻ tìm lại nửa phần của mình. Con chim thành phố hẹn một ngày đẹp trời cùng bay về ngắm cánh đồng lúa vàng gợn nắng, ăn trái dâu tươi, ngủ dưới cành đào, chơi giữa vườn cau. Nhưng cùng với tai ương cây rừng không còn xanh lá, dâu thời trở lộc, đào lặn héo khô, cau vườn chết đứng. Con chim ruộng đồng xếp sách, bứt dây đàn, thôi làm thơ. Nó bay đi tìm bạn kết đoàn, hẹn một ngày đâm chết loài ác điếu.

Ngày ấy nắng ngập sân trường, bốn phương chim về dự hội. Tất cả quyết làm một cái gì cảnh báo loài ác điếu. Chúng thi nhau diễn đàn. Cuối cùng con chim ruộng đồng phát biểu ý mình. Nó đề nghị hoá thiêu nhà văn hoá của chúng để đáp lại thái độ ngoan cố ngạo mạn của tên lãnh sự. Đàn chim đồng thanh hưởng ứng, chim ruộng đồng sung sướng đến ứa nước mắt...

- Rồi sao nữa anh? - Lan Nghi giục, tôi chợt nhớ ra mình đã im lặng tự lúc nào. Trí óc tôi vụt quay về những bước chân xuống đường của một thời.

- Chiều hôm đó - Tôi kể tiếp - đàn chim đã tha lửa đốt rụi ung độc văn hoá ấy. Lửa bốc cao, cao như lý tưởng đấu tranh... Và tối hôm đó, con chim ruộng đồng tìm đến thăm bạn. Nó muốn chia sẻ với người yêu niềm vui thắng lớn. Khác với mọi ngày, hôm nay nó được tiếp ở hiên.

Nói đến đó, tôi cảm thấy không còn tự chủ được nữa. Tôi ấp úng rồi cắn lấy môi ngồi im. Những con sao đang nhảy múa dưới lòng biển. Trăm ngàn ánh đèn cỏi lên ngọn sóng lao vút vào bờ. Trong khoảng không ngút ngợp trước mắt, tôi nhận ra đôi mắt đỏ ngầu của cha Lan Nghi sau gọng kính trắng khinh bỉ nhìn tôi. Ứng xử thế nào đây? Tôi không biết. Nhưng đó là cha Lan Nghi. Tôi yêu người con gái ấy, yêu đã lâu, tha thiết và không gì thay thế được.

- Ba em tiếp anh ở hiên, ông đã nói những gì?

- Cái đạo sống ở đời phải phân biệt quân tử với tiểu nhân - Tôi lặp lại lời của cha Lan Nghi - Đốt nhà cướp của là con đường của đạo tặc - Tôi cũng lặp lại lời mình - Nhưng thưa bác đó là căn cứ địa tiền tiêu của kẻ thù. Ai đã xúi giục anh nói vậy? - Ông gào to - Bọn nằm vùng phải không? Tôi không ngờ anh nuốt phải bã của chúng nó. Tội nghiệp cho con gái tôi! - Ông bước tới đưa tay ra phía ngõ - Anh không nên đến đây nữa. Nhà này không muốn chứa một thứ đốn mạt vô lại theo kiểu ấy.

- Và từ ngày đó - Giọng Lan Nghi như một hơi gió - con đường ấy anh không qua, ngõ nhà em anh không vào, những tờ thư anh không viết. Em tìm anh ở cư xá, đợi anh ở hội quán, đón anh ở cổng trường... Nơi đâu cũng vắng anh. Hỏi thăm bạn bè, người ta nói anh vẫn còn đó - chăm chỉ học hành, hăng say hoạt động, đôi lúc hơi điên. Nhưng em vẫn hy vọng vì tóc chúng ta còn xanh. Mùa thi năm ấy em suýt hỏng, suy sụp tới nỗi mạ tưởng lâm bệnh tâm thần. Ông bà muốn em đi xa, đi cho khỏi vùng trời có anh bay lượn. Mãi về sau em mới hay mình vào trường được cũng vì lẽ đó. Bây giờ đã lớn, buồn thêm một chút, lòng vẫn không yêu ai ngoài anh. Ba mất rồi, em lấy lại tự do và phải lo sinh kế - Lan Nghi đặt tay lên vai tôi rồi bối rối rút lại - Còn anh, không việc gì phải chôn cuộc đời trong cỗ quan tài của thiên hạ. Hãy kéo những bước chân xa vắng của anh về lại với em!

Tôi nhìn thẳng vào Lan Nghi. Trong ánh sáng từ xa lan tới, tóc chẻ mặt cô ta thành múi, hai mắt ngập tối. Tôi nghe đau buốt tận tim gan mình. Nói với Lan Nghi? Tôi còn phải nói gì nữa? Đã lâu tôi tự nhủ tôi hiểu tôi, nhưng kỳ thực, tôi không hiểu gì. Chỉ có câm nín, câm nín cho đến ngày yên nghỉ cuối cùng.

- Nói đi anh! Chúng ta chưa chết. Em không hoài công chờ đợi. Em cảm ơn chiến trận đã thức tỉnh anh qua cơn ngủ dài. Em cảm ơn những tiếng nổ đổ núi tan rừng để anh chạy lạc về đây.

- Nhưng anh không về trên những bước chân ngày xưa.
- Sao lại không? - Lan Nghi vẫn thăm thiết - Một đời ba em đã yên nằm, một đời chúng ta trôi dạt. Ngày tháng có mất đi nhưng chúng ta vẫn còn nhau.
- Bởi vì - Tôi lại đau đớn nhìn lên trời, nói với những vì sao - Bởi vì một sáng thức dậy, con chim đã một thời tha lửa ấy nhận ra có thể lấy chốn đất đỏ rừng xanh thay thế quê hương ruộng hoang vườn vắng. Nó tìm đến nhà một con chim bạn kể rõ đời mình và xin nàng bay chung đoạn đời còn lại. Nàng đã lắng nghe và khẽ mỉm cười.
- Chị ấy đâu rồi? - Lan Nghi hốt hoảng tìm quanh.
- Chúng tôi lạc nhau trong lúc tháo chạy. Không ngờ trên đường tìm kiếm...
- Anh! - Đó là tiếng kêu của con thú bị thương. Tôi nắm lấy tay Lan Nghi. Cô ta vùng đứng lên, thoát khỏi.
- Lan Nghi! - Tôi nói với theo - Bởi vì em muốn anh nói, em muốn biết...
- Không, không phải vậy. Em muốn anh nói như đêm đêm em nghe anh nói. Em muốn biết như đêm đêm mình mơ tưởng. Nhưng bây giờ - Lan Nghi úp hai tay vào mặt
- Lấy gì anh trả lại em? - Cô ta quay người lao đảo lao về phía biển...

Hoàng Xuân Sơn

Cuối năm, bộ hành

Năm cùng
thả bộ
trầm
ngâm
bước chân như thể vết cằm hoang

xưa
nghe ta cây cỏ sái mùa
vàng hoe một ánh xuân
vừa gợn xanh
chao ơi vạt gió lung càn
mấy mươi rồi nhỉ ?
đăm thành khói sương !
vận cùng
nước chẳng khai mương
mà khua mạch sống
nửa đường
chất
chiu
mộng về
chừng đã hắt hiu
với tâm thương tật sớm chiều nguy trang
thôi
đêm với bóng tan hàng
nhủ ta xuân biếc
lầm than cội tình .

Tàn niên Nhâm Ngọ

Phạm hữu Quang

Giang hồ

Tàu đi qua phố, tàu qua phố
Phố lạ mà quen, ta giang hồ
Chẳng lẽ suốt ngày bên bếp vợ
Chẻ củi, trèo thang với... giặt đồ

Giang hồ đâu bận lo tiền túi

Ngày đi ta chỉ có tay không
Vợ con chẳng kịp chào xin lỗi
Mây trắng trời xa trắng cả lòng

Giang hồ ta ghé nhờ cơm bạn
Đũa lệch mâm suông cũng gọi tình
Gối trang sách cũ nằm nghĩ bụng
Cười xưa Dương Lễ với Lưu Bình

Giang hồ có buổi ta ngồi quán
Quán vắng mà ta chữa chịu về
Cô chủ giả đồ nghiêng ghế trống
Đếm thấy thừa ra ra một gốc si

Giang hồ mấy bận say như chết
Rượu sáng chưa lưa đã rượu chiều
Chí cốt cầm ra chai rượu cốt
Ừ. Thôi. Trời đất cứ liêu xiêu.

Giang hồ ta chẳng hay áo rách
Sá gì chải lược với soi gương
Sáng nay mới hiểu mình tóc bạc
Chợt tiếng trẻ thừa ở bên đường

Giang hồ ba bữa buồn một bữa
Thấy núi thành sông biển hóa rừng
Chân sắn dép giày trời sắn gió
Ngựa về. Ta đứng. Bụi mù tung...

Giang hồ tay nãi cầm chưa chắc
Hình như ta khóc mới hôm qua
Giang hồ ta chỉ giang hồ vật
Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà.
5.91

Buổi sáng ở nông trường

Bạn bè chia mấy hướng lên đồng
Ta còn lại mở đường vô... bếp
Tay ngón chữa chẳng sành rửa bát
Gặp trận đồ la liệt ghế bàn
Tướng sĩ gì cũng chạy dọc ngang

Ta bồn chồn ngó lại giang san
Lán đột nắng mưa nổi cạn gạo
Con khô mặn quẩn mình mảnh báo
Đọc tin vui cô em lấy chồng
Thì thôi chim sáo cứ sang sông

Ngày ngày ta ra bờ kinh trong
Vo gạo nước phèn thơm rất móng
Cô Tấm ngày xưa vui với Bống
Còn ta chỉ có bấy rô non
Lội nhớn nhoe khoe chấm đuôi tròn

Trên trời cao một lớp mây gòn
Trôi phơ phất như người lơ vắn
Ta thổi khói ùn ùn mây trắng
Chỉ mong sao cơm chín trong nồi
Bếp than hồng góp lửa- mồ- côi

Khi hết việc ra ngó mặt trời
Ta tình cờ gặp con nhạn đất
Chim ơi chim sao mày giấu hạt?
Hạt trở bông hạt sẽ nuôi người
Còn phần mày hạt sót hạt rơi

Sáng nay ta gảy khúc đàn vui

Tặng hoa cỏ lời hiền rót mật
Và dọn sẵn hai hàng mâm bát
Chợt nhớ ra thiếu giọng bạn cười
Nụ cười còn lấp lánh mồ hôi

1981

Hải Phương

Không Ngọt Biển Hóa Thân Ta

(Tặng Queen, để nhớ những ngày ở thành phố biển.)

Như khi ta trở về chốn cũ di tích hoang tàn đậu trên
nhánh rừng xưa những dư âm dĩ vãng rũ liệt như vừa mới
hôm qua thức dậy cồn cào xao động biết chừng nào trái
tim lữ thứ.

Như khi ta trở về chốn cũ ghé lòng tựa mái hiên xưa nhìn
lại mà không thấy nổi bóng quê nhà trong cơn lầm than
trí nhớ những giọt mưa đêm thánh thót lạnh ngắt rơi trên
cổ quan tài hệ lụy tiên thiên cam chịu.

Như khi ta trở về chốn cũ ghé lòng han hỏi cánh đồng
xưa vòng tay hoang hóa nằm nghe mùa màng cỏ mọc
tháng năm qua trên đôi chân sáo chạy hoài không biết
mỏi.

Như khi ta trở về chốn cũ đi lại trên những con đường làng có dấu chân trâu thơm mùi rơm rạ buổi chiều nắng gió bay bay hay trên những con đường phố biển có lá bàng rơi và đám mây bàng bạc mùa thu buổi sớm mai vỡ lòng ta vào lớp học.

Như khi ta trở về chốn cũ ghé lòng nhìn lại bến sông xưa đã lâu rồi không còn tấp gôi sao đôi bờ thân thiết quá đối hàng tre đứng lặng mong chờ một lần gặp gỡ nghe tiếng chuông nhà thờ xóm đạo Bình Cang thong thả nhớ.

Như khi ta trở về chốn cũ thả lòng từng sợi tơ vương quăn quít tan thương bụi bờ mương rạch núi lở sông bồi dâu bể càn khôn thất tán nhật nguyệt hiu hiu không đủ ngẩng ngơ sao trái tim cuồng điên điêu đứng chưa phải hoang tàn cát bụi mà còn nhín lại mai sau nhen nhúm lửa rừng khuya yêu người bữa trước.

Như khi ta trở về chốn cũ mở lòng ra khép lại trang sách giáo khoa thư mở lòng ra khép lại trang lưu bút ngày xanh mở lòng ra khép lại cổng trường xưa với chùm hoa phượng đỏ lung linh trong gió mà trái tim xé vỡ của kẻ giang hồ giữa trời riêng hồi lâu sững lặng.

Như khi ta trở về chốn cũ nhún lòng cựa cựa trước sau như chút tình cựa cựa của loài vương diệp đa mang lưu xứ ghé lòng chở nặng trên đôi cánh mỏng thời gian thoáng chốc dặm trường phiêu hốt bóng trắng xanh đậu lại bên mép bờ tồn lưu hiu quạnh.

Như khi ta trở về chốn cũ trái tim kỷ niệm tàn tro âm ỉ âm ỉ nguồn xưa và những đêm mùa đông nghe sóng vỗ về âm điệu ảm buồn vọng xa không ngớt.

Không ngớt biển trong ta không ngớt.

Như khi ta trở về chốn cũ không ngớt biển hoá thân ta
như hơn một lần thời tuổi nhỏ ham chơi ngủ quên dưới
trắng khuya trên bãi cát biển Nha Trang mặn nồng hơi
muối ấm.

Le Beau Rivage ơi
con sóng vỗ hóa thân ta
Le Beau Rivage ơi
cát biển lẫn trong thơ những buổi sớm mai vỡ lòng ta vào
lớp học.

Tháng chạp 1998 ở Nha Trang

Le Beau Rivage, tên bãi biển Nha Trang trên bản đồ Đông
Dương thời Pháp thuộc.

Thiên đường điều đứng em

Kiều ngạo vô biên ở chỗ dưới rún em là hố thẳm không
gian màu xanh cỏ biếc thời gian trên cánh đồng dĩ vãng
nơi giòng sông và cửa biển giao hoan nơi khép lề trang
thế kỷ lao lung và mở ra cõi bờ hoang vu những nếp gấp
tồn lưu hiu hắt nơi cơn say tượng hờn nỗi căm lạng
thiên đường điều đứng em.

Ta như con gà mở cửa mả giống giả chạy quanh quẩn
bên thiên đường điều đứng em nơi mặt trời trộn lẫn nước
biển thành thứ rượu ngày lễ thánh mừng sinh nhật mặt
trắng và rừng lá ướm.

Ơi thiên đường điều đứng em.

Kiều ngạo vô biên ở chỗ dưới rún em là sa mạc trở mạ non mùa sau thụ mầm và đàn cò trắng chỗ nặng cánh quê nhà bay tới mép bờ lưu lạc bênh bồng hoang tưởng một thời hay mãi mãi.

Ta như con diều đứt dây trôi lơ lửng chạm vào phế tích tuổi thơ hoang hoá ngày đêm bương bả rập rình trong thoáng chốc lặng yên cộ nhau hoan lạc hao hức như cơn mê phản hồi rướn qua biên giới xúc giác hao mòn nhẩn thín và thiên đường diều đứng em.

Kiều ngạo vô biên ở chỗ dưới rún em là biển đầu thai hằng hà sa số hạt cát vong thân và gió tái sinh đám mây lang thang ra bụi và em phục chế ta từ trong cát bụi nguy nga.

Nơi thiên đường diều đứng em ta và vũ trụ hoá thân là cát bụi trở về dặm trường tiền kiếp lung linh.

Khi ở San Jose
(tháng chạp 2002)
haiphuong68@hotmail.com

Hồ Thanh Ngân

Cái còi im lặng

1. ÂM THANH THỜI THƠ DẠI

Con đường Lê Lợi, Huế 1960, chạy từ đầu múi Đập Đá – trước còn tên là Đập Thọ Lộc, đến hướng cầu Bến Ngự mà phía bên kia là Ga.

Hải nhớ mãi đoạn đường từ bến dò Đới Cung lên tới Tòa Khâm, những cơn mưa mùa đông gió xan như quạt vào mặt. Hàng cây bên đường thưa thớt mấy gốc muối xác xơ trước gió, những chùm trái tơ tả và rơi rụng. Bảy năm trước Hải vẫn thường lượm những chùm trái muối này thay trái bởi bởi, làm đạn cho cái ống thụt bằng hộp – là khẩu súng thời thơ dại của Hải. Trước cổng Tòa Khâm, hai cây mù u to. Bên trong thành rào, một cây bút cổ thụ và một cây xoài lớn, thân hơn một người ôm. Mỗi lần đi học ngang qua đây, Hải vẫn để mắt lượm những trái xoài rụng từ tối hôm trước, hoặc những trái mù u để làm bi chơi hay cả những bông bút hai da màu hồng tía, rồi vò nhẹ cho dập để thổi căng phồng lên, trông như búp ngón tay đẹp.

Những năm 50, từ cổng nhìn vào Tòa Khâm, dinh thự ấy trông im lìm, điêu tàn và bí ẩn còn lưu lại dấu tích trên mái là những tấm tôn lợp chèn, màu rỉ sét. Lúc bấy giờ Hải không có tí gì cảm xúc về ý nghĩa lịch sử – dinh thự ngự trị kia với chuyện kể – Huế, thất thủ kinh đô, gần liền với lệ cúng cô hồn cùng trận vong chiến sĩ hàng năm vào ngày 23 tháng 5 âm lịch.

Thời gian trôi qua đời Hải bằng dấu mốc là cái còi gõ mức, tiện và khoét bằng tay, dùng trong sinh hoạt của Hướng đạo sinh đã tặng cho Tâm với lời cầu chúc và ước mong sau này bạn trở thành cô giáo. Bấy giờ, trường Sư

phạm Qui Nhơn mở ra, như một hướng mới cho các bạn đương thời. Bởi ngã rẽ duy nhất cho các bạn trai là nhập ngũ nếu thi hỏng hoặc không còn duy trì việc học. Như chính bản thân Hải phải thi hành việc khám sức khỏe quân dịch, hai năm trước khi hoàn tất chương trình trung học.

Đoạn từ ngã ba Hương Mỹ đến ngã ba Hàng Me (còn tên rất đẹp là đường Giao Thủy) mà phía mặt là cổng chính vào Ty Thương Chánh (trước đó là Sở Đoan), nhìn sâu bên trong thành rào lơ thơ một vài ngọn cây sấu và nhiều gốc dầu lai to. Nhớ những năm lên bảy, Hải thường dắt em đi vòng quanh những ngôi nhà đồ sộ đầy vẻ bí ẩn, cửa sổ đóng kín mít, để hái sấu hay lượm những trái dầu lai khô rụng, đập ra để ăn. Khuông viên này cũng từng là trường (sĩ quan) Trung đội trưởng, khóa đầu tiên – chuyển từ Nam Định vào, mà trước đó còn là Đồn (Cảnh Sát) Đập Đá, góc phía bắc sát cạnh bờ sông Hương – giới hạn bởi ca bin đèn bên ngoài, phía đầu múi Đập Đá và ngã ba đường Chợ Cống.

Giai đoạn đó, bấy giờ Hải không thể nào hình dung được tương quan thời cuộc giữa năm 45 và 54.

Hải đón gặp Tâm trên đoạn đường ấy buổi sáng lúc tan học về (mà không nhớ chắc, có thể là lúc trên đường đến trường hay một buổi sáng nào đó, ngày hè) năm cuối của Tâm trước khi tốt nghiệp tú tài. Tuổi thiếu niên bao giờ cũng vụng về, qua nụ cười lơn lén khi giao tiếp. Hình ảnh ấy, Hải cũng không quên được.

Thế mà đã hơn bốn mươi năm qua

Quy Nhơn 1964, tất bật và rộn rịp, bên cạnh là những hoạt động quân sự. Không thiếu thơ mộng và trang trọng của lớp thanh thiếu niên thời bấy giờ.

Khi Hải về tới cảng thì chiến hạm đã tháo hết dây, đang từ từ rút ra khỏi bãi ủi Đầm Thị nại. Cửa “rame” đã đóng kín, chỉ còn hai cửa đổ bộ đang dần khép lại trong lúc

tàu vẫn lúi dần theo hướng căng dây neo sau đang kéo. Anh nhào xuống, nước ngập tới vai, kịp bám vào cầu thang thông bên trong thành cửa vừa lúc cửa đổ bộ khép kín. Anh leo lên boong chánh. Mọi người đang ở nhiệm sở vận chuyển chuẩn bị khởi hành. Anh nhanh chóng trình diện nhiệm sở với bộ quân phục trắng sũng nước. Thủy thủ không được phép lơ tàu. Chỉ Hải mới hiểu điều đó khi nghe những hồi còi dài, chiến hạm gọi thủy thủ đoàn đi bờ đã rời tàu trở về đơn vị. Những hồi còi thúc dục như tiếng tù và cấp báo của tộc người Viking xa xưa. Mùa hè năm ấy khóa sư phạm đầu tiên mãn. Ra trường, khi đáo nhậm nhiệm sở do mình chọn lựa, Tâm để quên cái còi gỗ mức. Không nhớ nó còn hay mất.

2. KÝ ỨC VÀ KỶ NIỆM.

Hầm Sen là đoạn đường hầm dài nhất xuyên qua đèo Cả. Trong loạt đường hầm trên con đường sắt xuyên Việt có những đoạn chui qua ngọn Hải Vân để cho xe lửa nối liền Huế và Đà Nẵng, rút ngắn được đoạn đường chừng hơn 2 cây số so với đường bộ phải chạy quanh co qua đèo. Toa xe thời bấy giờ không được trang bị hệ thống ánh sáng và gió thông thoáng. Vả lại chui qua hầm chỉ là tạm. Nên toa nào cũng đầy vết tích của những ngọn đèn cây, có lẽ cũng được dùng qua đêm, nhất là ở khu vực phòng vệ sinh. Hải nhớ lại cái mùi gây gây của khói than đá mỗi lần tàu chui vào đường hầm cùng với tiếng động nhịp nhàng vang lên của giàn bánh xe khi lăn qua cặp mối nối của đường ray. Nghe buồn buồn, trầm trầm như một điệp khúc bất tuyệt của quê hương xứ sở mà hành trình dè chừng luôn bất định.

Tuổi trẻ của Hải chưa từng làm quen cảnh đưa tiễn hay đón đợi, nên khi nghe tiếng còi tàu, lúc đến cũng như lúc rời sân ga Hải thấy vui vui. Âm thanh của tiếng còi hơi nước ấy, ré lên lạnh lạnh, báo hiệu một nhịp sống thanh bình và êm ả. Đây là khoảng thời gian kéo dài không

quá năm năm sau hiệp định đình chiến Genève, thật sự thanh bình khoảng đời thơ trẻ của Hải.

Vậy mà khi mô tả “một nỗi sợ hãi” trong bài luận văn kỳ thi đệ nhất lục cá nguyệt năm đệ tứ, 1958 – Hải đầy ấn tượng rờn rợn của âm thanh, thường trong những đêm khuya vắng, vang vang không rõ của tiếng loa thiếc vọng từ phía bên kia sông, hướng thôn Hô Lâu hoặc thôn Vân Dương cùng những tiếng nổ rời rạc mà không phải là tiếng pháo đại hay pháo tống. Đôi khi lẻ tẻ điểm những tiếng súng khô khan hay cả những loạt nổ rền sắc lạnh và bí ẩn.

Cả lớp chứng hứng “điểm gậy” của bài luận với ngạc nhiên của thầy PĐB. “trò Hải lạc đề”. Bài luận văn hay nhất (điểm 6/10) được đọc lên cho cả lớp cùng nghe – mô tả nỗi ám ảnh ma quái của bóng đêm với hình ảnh chập chờn của bộ quần áo (kiểu bà ba, nói theo giọng Nam) phơi bị bỏ quên trong đêm trừ tịch, khi bạn ngồi canh lửa nồi bánh tết hôm trước Tết.

Âm thanh ghi khắc vào ký ức thời thơ ấu của Hải là như thế ư? Cả những âm thanh tín hiệu morse phát đi từ cái còi gỗ mực, đường chim bay từ hồ máy nước Vạn Niên đến vùng đồi chùa Từ Hiếu cũng nghe được, Hải không sợ ma, không sợ bóng tối. Tò mò thích nghe kể và thích được chứng nghiệm những hình ảnh siêu nhiên ấy. Có lẽ Hải cũng nhát gan như bọn trẻ nhưng lại sợ chỉ âm thanh của những tiếng động, đôi khi rất lạ lùng, tàng ẩn sự bí mật sống động của muôn loài và cây cỏ – có lẽ có cả thiên nhiên im lặng. Nhất là vào giờ thanh vắng của đêm trong rừng. Và rất thường đấy là những đêm thao thức khó ngủ sau lúc tàn lửa trại.

Cũng năm 58, mùa hè lần đầu tiên Hải xa nhà nhiều ngày. Có dịp cho Hải so sánh đoàn xe lửa chạy từ Huế vào Sài Gòn, đầu máy hơi nước với đoàn xe chạy từ Manila đến Makiling, đầu máy dầu cặn (diesel) – tiếng còi tàu hoàn toàn khác. Âm thanh tiếng còi ở đây sao

nghe rên và buồn nảo nuốt. Còn tiếng còi nơi quê nhà, sao reo vui nghe lạnh lẽo. Hải đâu nghĩ rằng đây đều chỉ là phương tiện máy móc tinh xảo mà phương Tây, khi họ đem lại là đem cùng tưng nự trị của văn minh cơ khí kỹ thuật – thực sự là một thứ quyền lực, đơn thuần vật chất, đã thống lĩnh thế giới đến hơn bốn thế kỷ. Chỉ còn trong tâm thức Hải âm thanh tiếng còi gõ mức, từ khi tặng Tâm, không còn nghe vang nữa.

3.VÀO ĐỜI.

Chiếc tù và thực sự, bằng sừng trâu, gọn nhỏ – không dài và đồ sộ như của bọn Vikings mà Hải chiêm nghiệm qua sách vở và hình ảnh – được đánh bóng rất kỹ. Cái lưỡi gà cũng bằng sừng, màu đen, có lẽ là cả một công phu thủ công, được đính rất khéo và kín chắc ở đầu còi. Hải không dám thổi, tò mò vẫn muốn biết âm thanh từ đây do mình phát ra. Tiếng tù và này, vốn Hải đã biết, đã thường nghe trong sinh hoạt đoàn, liên đoàn hay đạo ở Huế khi trưởng cho hiệu lệnh tập hợp – *chỉ có thể dành cho trưởng!* Nên khi tham dự lớp huấn luyện dự bị trưởng năm 1960, cầm cái tù và trên tay, Hải vẫn cứ ngập ngừng. Tất cả kỳ vọng của các trưởng Ong Lắm Mật, Hươu Hiền Lành đối với bản thân Hải... trở thành tiếng còi im lặng. Hải nghĩ vậy.

Hải trở thành thủy thủ sau năm 1962 và từ đây là đại sứ lưu động của các bạn cho đến những năm 70.

Ghé Quy Nhơn thì phải lên Gành Ráng, tìm đến trường sư phạm. Đến Đà Nẵng thì quay ngược trở lại An Thổ, xứ Tam Kỳ. Hoặc Nha Trang hay Cam Ranh, khỏi nói – lại phải tìm cách ngược lại Tháp Chàm, Phan Rang. Tất nhiên phương tiện là xe đò và đường bộ. Bất chấp đường đắp mô hay mìn nổ không chừng. Những nơi trái đường – Bảo Lộc hay Lâm Đồng ở vùng cao, hay những nơi đèo heo hải đảo Côn Sơn, Phú Quốc, hay cả Hòn Tre – từng bị cấp Duồn năm 1972 mà người bạn học cùng thời, bậc

đàng chi, một trong cặp dịch giả *Câu chuyện của dòng sông* (Hermann Hess) sau đó không còn nghe tăm tích. Hải lại nhớ, 1959, lần đầu sau hòa bình, thám hiểm Bạch Mã dẫn theo hai người bạn Hương đạo trong Nam ra, đi kèm có người đội phó của Hải. Đoàn bốn người, chưa từng biết sợ rừng núi là gì, ngợp ngàng khi chiều chưa tắt mà mây trắng đã ngập chìm tất cả lối đi. Không có nghĩa chỉ sương mù. Mây trắng ướt lạnh phong kín và chỉ còn màu trắng mơ hồ, lung linh những đầu ngọn cây. Chỉ có Hải là có tiếng còi gỗ mức. Và lúc ấy chỉ còn tiếng còi của nhau để nhận ra nhau, không lạc đường. Một trong hai bạn, hai năm sau đó, theo học văn khoa tại Huế mà không phải văn khoa Sài gòn. Mối tình giữa người bạn văn khoa ấy và người bạn bậc đàng chi, với Hải trở thành huyền thoại tuổi trẻ của đời mình.

Năm 1987, ở Sóc Năm vùng rừng núi Đồng Hòa, khi cùng đội đi tìm những con bò đi lạc, buổi chẵn từ hôm trước, Hải mới nghiệm ra tiếng còi quả thực là cần thiết. Nhưng Hải lại không còn giữ cái còi gỗ mức. Mà cái còi ấy Tâm lại để quên, không nhớ còn hay mất. Phải, đã hơn bốn mươi năm qua.

Trần Huyền Ân

Thư Về Hoàng Hoa Trang

Hai mươi tám năm rồi sao?
Thời gian chớp mắt
Hoàng Hoa Trang còn chẳng
Những bước chân gõ dồn sạn đạo?

Ai về qua cửa Đông
Ai về qua cửa Tây
Hồi chuông trên mái giáo đường rêu xám
Em chải tóc dưới hàng cây mướt nắng
Nụ cười tuổi Huế mười lăm...

Hỡi thành xưa u uẩn trăm năm
Có nhớ hoa vàng áo khăn Tôn nữ?
Ta đốt hết cả năm xe khuyết sử
Tìm áo khăn em trong biển lửa vàng

Mùa thu qua cầu con nước miên man
Em chợt thức hay vừa thiếp giấc
Ôi giữa phương nam ngựa xe tấp nập
Không căn duyên hồ dễ trùng phùng?

Vẫn một Hoàng Hoa lộng lẫy nghi dung...

31.1.1997

Thơ viết chiều cuối năm

Ta con trâu què kéo cày nhai rạ
Chiều cuối năm nằm bóng mát nhìn trời

Trời lơ cỡ... mây thì bay lã chã
Trong nắng vàng có gió lạnh hơi hơi

Cũng hơi hơi...một chút buồn thế sự
Những hôn thua, những tráo trở lọc lừa
Tai đã đầy chuyện ừ ừ hữ hữ
Manh áo buồn giành giật giữa cơn mưa

Cũng hơi hơi... một chút vui bè bạn
“ Tự viễn phương lại... bất diện lạc hồ? “
Chung trà nhỏ buổi nhàn đàm tản mạn
Thoáng nụ cười mộng mị hư vô

Cuộc đời ta chỉ... hơi hơi là vậy
Rằng hân hoan? Rằng bi thảm?Ồ .. không...
Như con trâu què đường xa đưa đẩy
Chiều cuối năm...hơi hơi lạnh tàn đông.

30.01.2003

Lê Văn Thiện

Chuyện vườn đào

Ngày nào Kim Châu cũng xuống vườn đào lộn hột của ông Hiếu tắm giặt, vì quán cơm Gió trên dốc Găng, nơi cô làm việc, không có giếng. Khu dốc Găng khô khan, chẳng tìm đâu ra nước. Các hàng quán ở đó phải mua nước từng thùng, từ xa chở đến... Vườn đào cách quán vài trăm mét, đứng ở cuối vườn vẫn có thể nghe rõ tiếng máy hát, tiếng xe khách ra vào quán ẩm ỉ. Mới làm ở đây bốn tháng nhưng Kim Châu đã thân quen với ông Hiếu, được ông thương mến, coi như con cháu.

Khác hơn mọi khi, trưa nay Kim Châu không giặt giũ. Cô mang đến hai giỏ thịt cá, rau quả, bánh trái, như sắp nấu cho một bữa tiệc.

- Cháu làm ít món để giỗ thằng con.

Ông Hiếu trở mặt ra. Giỗ con? Cô nàng có con! Ông không ngờ, bởi Châu quá trẻ.

- Cháu nó mất lúc vừa tròn ba tuổi, đã hai năm.

“Còn chồng cháu?” Ông Hiếu muốn biết, nhưng không hỏi. Chuyện riêng của người ta, mình chẳng nên tò mò xen vào... Kim Châu loay hoay nấu nướng khá lâu, mất chừng hai tiếng. Ông Hiếu giúp người mẹ đáng thương bằng việc lau rửa bàn và tìm hái một bình bông.

- Ở đâu cúng đó, phải không chú?

- Đúng, ăn thua là lòng thành của ta.

- Nó tên Lân, cháu thương nó...Có lúc cháu muốn chết theo con chú ạ... Lân đẹp như mấy đứa nhỏ trong tranh.

Giọng Kim Châu nghẹn nước mắt. “Vì sao thằng bé chết, cha nó đâu?” Ông Hiếu lại muốn hỏi.

- Lân khôn lắm, nó thương cháu vô cùng... hễ cháu đi đâu về là cu cậu chạy ra đón, ôm hôn cháu tro trức...nó thuộc nhiều bài hát, biết hỏi những câu lắc léo, thông

minh.

Ông Hiếu an ủi:

- Những đứa như thế ít khi ở đời với ta... nổi đồng thường mất, cháu à.

Kim Châu múc đồ cúng bày lên bàn, bốn món, mỗi món vài tô. Dĩa bánh ú thay cho bánh ít, hai nải chuối, ba trái thanh long, đơn giản, do nó còn nhỏ. Hơn nữa, đây là nhà người ta. Xưa bày nay làm, thương thì cúng, chắc nó cũng chẳng ăn uống gì. Kim Châu thấp nhang, khấn khứa một lúc, rồi ra đầu hè ngồi khóc.

Ông Hiếu thông cảm nỗi đau của người thiếu phụ, mới cách đây sáu năm ông cũng đã trải qua tình cảnh tương tự. Năm đó bà Hiếu qua đời. Sau non bốn mươi năm chung sống, bà bỏ ông ra đi. Bà bệnh quặt quẹo khá lâu, cái chết đến chậm từ từ, có thể thấy trước, chẳng bất ngờ, nhưng nó vẫn tác động vào ông như một cú đập. Ông choáng váng, đau đớn, thấy trời đất tối sầm. Ba bốn năm sau nỗi buồn mới vơi đi, nhưng cái khoảng trống bà để lại trong gia đình thì y nguyên. Không ngày nào ông không nhớ đến vợ, vì ngày nào ông cũng phải vô bếp, phải ngồi vào bàn ăn, phải giặt quần áo. Nhiều đêm ông khóc, ngạc nhiên khi thấy mình khóc. Và ông nhận ra một điều: vấn đề rộng lớn nhất, mờ mịt nhất trên đời, trong cuộc sống của con người, là cái chết.

Nhang tàn, coi như xong. Kim Châu dọn đồ ăn xuống, bày ra giữa nhà, chú cháu cùng ăn. Cơm nguội, canh lạnh, buồn quá, nuốt không trôi. Hai người ăn qua quít. Kim Châu khóc nhiều, mắt đỏ kè, son phấn trên mặt bị lau quệt lam nham, như mặt anh hề...

Kim Châu xếp gọn số thức ăn còn lại lên bàn, lấy cái thúng đập kỹ.

- Mâm này để phần cho anh Tòng – Kim Châu nói – cháu ra quán đây. Chú bảo dùm anh Tòng ráng ăn hết, bỏ thiu uống.

Cô gái đi rồi, ông Hiếu lên võng nằm nghỉ. Ông nghĩ

thương Kim Châu. Tội nghiệp, không rõ nó con cái nhà ai, chắc khổ lắm nên mới làm cái nghề nửa nạc nửa mỡ này. Ban đầu ông tưởng đó là làm công, làm mướn, phụ việc nấu ăn, dọn bàn. Nhưng sau ông nghe nhiều người nói dạng ấy là “tiếp viên”, theo cái nghĩa không đẹp, như một thứ mãi dâm trá hình... Trong số tiếp viên docks Găng thường xuống đây tắm giặt ông Hiếu thấy Kim Châu đáng hoàng hơn cả. Những cô kia cũng trẻ, xinh, nhưng ồn ào, lấc cấc; bước đi thành thịch như đàn ông, mắt láo liên, muốn lấy gì cứ tự tiện lấy chẳng buồn hỏi xin; có lần còn vỗ vai vỗ lưng ông, gọi ông là “ông già đẹp lão”.

Lát sau thằng Kén đến, nó là cháu họ ông Hiếu, ở chẵn bò cho ông. Thấy bánh, chuối, nó mừng rỡ reo to: “trúng mảnh rồi!”. Ông Hiếu dọn đồ cúng cho Kén ăn, giải thích để nó rõ nguồn gốc của bữa tiệc nhỏ này.

- Chiều hôm qua con thấy chị Châu tiếp khách, cợt cợt đủ đởn, khó coi lắm.

- Sao mà y thấy?

- Thì giữa ban ngày, ai chẳng thấy. Bò ăn trong nghĩa địa, con với thằng Cả vào quán xin nước uống... Chị Châu ngồi trong lòng một ông đen thui, râu ria xồm xoàm. Ông ta nựng nịu, hôn má hôn miệng chị. Kỳ quá chừng!... Xung quanh đầy người, sao họ chẳng thấy ngượng?

- Chắc họ quen.

Kén nói nhỏ lại, như sợ người ngoài nghe được.

- Mà không phải chỉ hôn thôi đâu. Con nghe nói ban đêm họ còn ngủ với nhau, ngay sau nhà tắm của quán... lúc nào động thì dất nhau ra vườn bạch đàn, ra nghĩa địa... Chắc là có thực, nhà tắm gì mà to đùng, lớn còn hơn nhà bếp.

- Loạn quá. Mà y cũng biết nhiều chuyện đấy... Sao mấy ông xã cứ để yên?

- Ôi người ta vây ráp, bắt bớ nhiều rồi. Ngoại nằm co

trong xóm vườn này nên chẳng nghe thấy thôi... Không chỉ quán Gió, hai quán Hồng và Tơ Vương kế bên cũng như thế.

- Mà nói quán gì?

- Tơ Vương, Hồng đều là quán treo bảng bán cơm cho xe tải, xe đò. Nhưng người ta nói chính ra thì họ mở để làm những trò lập lờ đó... Ông nghĩ coi, trên cái dốc Găng trở trụi, không nước, vắng teo, xa làng xóm mà chợ quán gì.

- Cũng có lý... có lý!

Nghe khen, cậu bé khoái chí.

- Công an biết cả, họ ra ộp hụi mấy lần, không bắt được quả tang, nên đầu vào đấy... Ngoại biết bà vợ ông chủ quán Gió không?

- Bà ta làm sao?

- Lạ lắm! Già rồi mà bận đồ mỏng tanh, hở lưng hở bụng, móng tay móng chân bôi tím bầm, mặt sơn xanh đỏ như đào hát bội.

- Nhà đó giàu như nhè xã mình đấy.

- Ba con nói gốc tích bà ấy bầm dập... Hồi trẻ bà ta đã từng làm đi nhiều năm ở cây số 9 Cam Ranh, (chỗ đó, thời chiến tranh, nhiều lúc đi đông cỡ tiểu đoàn).

Ông Hiếu chép miệng chặc chặc, như tiếc điều gì.

- Chà, hay quá! Nhưng giữa thời buổi này, người tứ xứ đổ về đây ùn ùn, xô bồ, đâu còn ai biết rõ các thứ ngọn nguồn, lai lịch... Hiện tại dân xã ta kiêng nể vợ chồng tay Gió, bởi gã rất giàu.

- Có chuyện này muốn nói với ngoại mà con sợ.

- Bày đặt, sao sợ?

- Ngoại hứa giữ kín con mới nói.

- Tao hứa.

- Trưa hôm kia con gặp cậu Tòng uống bia trong quán Gió... Cậu ngồi với chị Châu.

- Trời đất!

- Con không nói láo đâu. Ngoại hỏi thử thằng Cả, nó cũng thấy.

Ông Hiếu chơi với. Tòng, con ông, một thằng hiền khô, quê mùa, mà nay lại nhậu nhệch trong cái động âm u ảm thảm như thế.

- Nó có ốm không?

- Dạ không, hai người ngồi gần nhau, chị Châu cầm tay cậu Tòng... Cậu nhậu khẳm, khật khuờng, mặt đỏ lựng, dưới bàn có sáu bảy bãi chai không.

Ông Hiếu quýnh quáng. Ông hoảng khi nghĩ tới những tệ nạn xã hội, bệnh hoạn của thanh niên mà gần đây các đài thường nói đến. Ma túy, si đa, đi điếm. Tuy chẳng hiểu rõ lắm, nhưng ông cũng biết những cuộc ăn chơi như thế có liên quan đến nhiều bệnh nguy hiểm, khó chữa. Mềm yếu, buông thả, rơi tòm xuống hố! Chắc thằng Tòng cũng biết, mà nó lại không sợ... Không phải con một, nhưng nay ông Hiếu chỉ còn một mình Tòng, vì hai chị nó đã theo chồng, ở xa.

- Ngoại hứa với con rồi nha?

Ông Hiếu gắt:

- Nhớ mà, tao bỏ bụng, kín lăm.

-Cậu Tòng biết thì con chết.

Thằng Kén ăn khá mạnh, chỉ chốc lát đã tém sạch số thức ăn đầy vun trong năm, sáu chén tô. Xong nó còn tráng miệng nửa trái thanh long và mấy trái chuối. Nó ành, Kén đứng lên cầm roi cầm nón, đi ngay. Ra thêm, nó quay lại nói:

- Chị Châu tướng ngó dễ thương, hiền hậu mà sao lại làm nghề đó, ngoại?

Ông Hiếu cười buồn.

- Không biết, đúng là nó hiền... lâu nay ngoại cũng nhiều lần thắc mắc như mày... mỗi người một hoàn cảnh.

oOo

Nhà ông Hiếu ở dưới làng, gần biển. Vườn đào của ông

nằm cạnh quốc lộ, gần núi. Hai nơi cách nhau khoảng hai cây số. Do mắt kém nên ông Hiểu chỉ giữ vườn dào vào ban ngày, đêm đến ông về nhà, phần việc đó do Tòng đảm trách...

Chạng vạng, Tòng lên, cha con “bàn giao” vườn cho nhau sau khi ông Hiểu giải thích để Tòng biết tại sao có mâm cỗ trên bàn. Không nói gì, Tòng bưng mâm thức ăn ra thêm, ngồi ăn trong màn đêm buông xuống mỗi lúc một dày, trong tiếng muỗi kêu inh tai.

Ăn xong, Tòng ra giếng rửa chén, rửa chân tay. Trở vào, anh tới bàn sờ soạng tìm quẹt diêm thắp đèn, nhưng anh giật mình vì đụng phải bàn chân của một người nằm trên võng. “Hù, ma!”, tiếng Kim Châu.

- Trời, em làm anh hết hồn!

Tòng mừng quýnh. Đèn sáng. Kim Châu nói, không chờ Tòng hỏi:

- Nay em xin nghỉ sớm, trong người hơi mệt.

- Buồn phải không?

- Mệt, buồn, bả hoải, cứ muốn ngủ.

Tòng tới ngồi sát bên võng, cầm tay bạn.

- Anh mừng quá, tối nay ở đây ngủ, nghe?

- Chơi chút, rồi lên quán... ở lại không tiện.

Tòng ngồi thụp xuống đất, ôm hôn hai bàn tay rồi hôn lên cổ, lên ngực Kim Châu.

- Em thơm quá.

Cô gái cười

- Anh biết mấy nhỏ bạn phê anh thế nào không?... Cao ráo, đẹp trai, tướng sang!

- Sang nổi gì, dân ruộng vườn cây cuốc mà... Em thơm mùi xà bông, mùi áo mới, mùi dầu thơm.

- Mũi chó Tây! Có nghe mùi bia?

- May, không có, anh ghét mùi đó... Phụ nữ mà bưng ly đầy, cười nhả nhổ, cụng ly, thấy nó ghê ghê... Em có để ý không, trẻ con có mùi đặc biệt, giống mùi rạ mới cắt,

mùi bắp non.

- Sao anh lại nói đến trẻ nhỏ?

- Vì anh con út. Trước kia anh rất muốn có một đứa em gái để ấm lòng.

- Con gái làm gì, anh... phận đàn bà bắp bênh, long đong.

- Em không giấu chuyện có con, ngang ngạnh lắm, anh thích.

- Tại sao phải giấu? Em thương bé Lân. Em muốn khóc nó thỏa thuê, trước mặt mọi người, không khóc vụng trộm.

Tòng nói nhỏ vào tai Kim Châu:

- Em ở lại đây luôn... Chúng mình sẽ cưới nhau... Từ khi quen em anh khổ... À, hôm nọ em gọi anh là gì, gì?

- Là “thiên thần của em”!

- Thiên thần! Lạ, cao xa. Em đẩy anh hơi mạnh!... Anh nghĩ về em suốt ngày, lúc cuộc, lúc ăn, lúc ngồi với bạn bè...Thế còn chuyện hôm kia anh nói, tức là anh bảo em đừng làm ở quán Gió nữa, em tính sao?

- Anh quên em góa một con?

- Anh đã nói mấy lần rồi, một con, hai con không thành vấn đề.

- Em lại là tiếp viên. Nhiều người xếp ghế này vào loại lãng nhăng, không đứng đắn... Ba anh, và bà con ở đây chắc khắt khe lắm... Cứ thử thả, chằm chằm, để vài tháng nữa xem sao.

Tiếng xe khách ra vào, tiếng người cười lớn trên quán vọng đến, nghe rõ mồm một. Tòng nói với Kim Châu, suốt tuần qua anh suy nghĩ, dự tính sẽ thực hiện ý định của mình về tương lai cuộc tình hai đứa. Anh sẽ nói với cha những gì, sẽ đối phó ra sao trong trường hợp ông không đồng ý. Anh đã hỏi ý kiến Quảng, bạn thân của anh, nhờ Quảng làm cố vấn, vì anh ấy khôn ngoan, từng trải, có kinh nghiệm trong chuyện hôn nhân. Quảng nói, theo anh, thì kết quả sẽ thuận lợi bảy mươi phần trăm. Một con số khả quan. Hiện giờ, khâu quan trọng nhất là

chọn lúc thích hợp, thưa với ông Hiếu, trình bày, thuyết phục sao cho ông chấp thuận. Tòng nghĩ, chắc ông già sẽ gật đầu. Ông thương con, xưa nay ông chưa bao giờ từ chối một thứ gì khi Tòng xin. Mặc dù vậy, gần nửa tháng qua, Tòng vẫn chưa dám nói. Và kéo dài càng lâu anh càng thấy đây thực không phải chuyện nhỏ, là việc khó nhất từ xưa đến giờ anh mới đụng phải.

- Anh không muốn em làm ở Gió ngày nào nữa... Anh không thích cái mùi bia trong áo em.

Kim Châu cười, cốc nhẹ vào đầu Tòng.

- Anh tưởng em thích sao?... Mà này, về đây, nếu về với anh em làm gì?

- Chẳng cần làm, chỉ anh làm là đủ!... Ờ, thì em đi chợ, nấu cơm, quét dọn, nuôi heo gà... Anh chỉ xin em bỏ một thứ thôi.

- Bỏ?

- Đừng tô vẽ móng tay móng chân.

Kim Châu cười xòa.

- Còn “đừng” những thứ gì nữa?

Tòng nói vội vàng, như sợ Kim Châu giận.

- Hết, anh không cấm em điều nào khác nữa, anh thề!

Kim Châu cù vào cổ Tòng.

- Ông cả thộn! Ông nói lại câu buồn cười hôm trước xem... cái câu làm tôi cười đến bắn cả bia vào áo ông đấy.

Tòng ậm ừ, lúng túng:

-Thôi mà, nhắc lại kỳ.

Kim Châu giả bộ giận, như muốn đứng dậy bỏ về.

- “Không có em thì anh chết!” – Tòng nói và bật cười sằng sặc.

Trong lúc đó, ở nhà mình, ông Hiếu thay bộ đồ mới, thấp ba nén nhang đến khấn vái trước tấm ảnh bà Hiếu, như thường làm trong những ngày giỗ bà. Ông cầu xin bà khôn thiêng hãy phù hộ cha con ông, khai mở tâm trí cho Tòng, đưa con trai độc nhất, kẻ nối dõi tông đường, cái

thằng lớn xác mà khờ khạo; để nó lanh lợi, sáng suốt, không sa vào bài bạc, rượu chè, không rơi xuống vũng bùn nghiện ngập, bệnh tật; để nó biết chọn bạn chọn vợ, biết thế nào là người tốt, kẻ xấu, không dính vào cạm bẫy bọn bất lương; thoát khỏi vòng tay tội lỗi của lũ yêu tinh mắt xanh, mỏ đỏ./

Phù Sa Lộc

Thức trong khuya Hà Tiên

Chia tay em buổi đó
Lòng như cây độc huyền
Lặng im trên giá sách
Thao thức hoài không yên

Đèn trôi vào sâu lắng
Ta trôi vào vô biên
Chắc biển hiểu ta lắm
Nôn nao lời triều lên

Mái nhà tôi

Cái mùa nắng mái nhà tôi
Ban đêm thấy ánh sao và trăng soi
Ngọn gió hẻm thật hiếm hoi
Cũng theo lối đó vào chơi chí tình

Cái mùa mưa mái nhà mình
Ngày đêm cũng vẫn sập sình vậy thôi
Hể trời sùi sụt giọt rơi
Thì lênh láng nước - Biển khơi trong nhà

Con yêu quên mẹ quên cha
Thuyền lớn thuyền nhỏ, ái chà, cứ đưa
Trời mưa - Trời mưa - Trời mưa
Mát chân qua lại - Bếp lò lạnh tanh

Dầu buồn mặt chẳng nếp nhăn
Thản nhiên sống - Bối quá quen mất rồi
Em cười: thơ viết lời khơi
Vá sao nổi - Mái nhà ơi, mái nhà

2002

Sử Mặc

Sa Tăng

Vì đâu
ma quỷ hiện hình
giữa tâm hiền dịu
bất bình
nặng
phang
con mắt
tóc lửa hung tàn
giang tay bóp nghẹt
trần gian
sượng sùng
ôi mịt mù
Ôi!
Trập trùng
bánh xe phong thổ
núi cùng cực
bay
baybaybaybaybaybay (*)
quỷ thi
biện ở chân ngày lưu linh
trong cơn ảm . túy
huê tình
thấy trắng muôn dạng
nằm nghinh
bóng đời .

ba tháng tám không hai

(*) Đinh Trầm Ca

Nguyễn Nhung

Ngược dòng

Hai người đàn bà đứng trước quầy tính tiền của một tiệm thực phẩm Á Châu, họ đang trao đổi với nhau về cách làm món bún chả. Nếu cứ nhìn những thực phẩm khô và rau tươi trên quầy hàng, người ta liền liên tưởng đến những món ăn Việt Nam quen thuộc trên mâm cơm hằng ngày của người Việt

Nhưng kỳ lạ lắm, một người Mỹ, một người Việt, hai người này rõ ràng là một đôi bạn, vì họ đang trò chuyện cười nói riu rít. Người đàn bà Mỹ khoảng chưa tới bốn mươi, đôi mắt xanh hiền hậu với mái tóc vàng óng, nước da trắng lốm đốm những điểm tàn nhang trên đôi má phơn phớt hồng. Còn người phụ nữ Á Đông là một người Việt Nam, dáng người nhỏ nhắn, vẻ mặt xinh tươi, ăn mặc thật giản dị. Hai người lại trao đổi tiếp tục câu chuyện dở dang, người đàn bà Mỹ lắng nghe với tất cả sự chăm chú, hình như bà ta dự định sẽ làm món bún chả vào chiều nay, và bà có vẻ băn khoăn về "bí quyết" để pha một bát nước chấm ngon.

Cứ nghe hai người nói chuyện thì người ta cũng đoán ra bản tính của hai dân tộc đã có tí chút khác nhau khi làm một việc gì. Người Mỹ có thói quen làm theo sách vở, còn người Việt lại chỉ làm theo cảm tính hay bằng sự hiểu biết quen thuộc hằng ngày. Tuy nhiên, cuối cùng thì họ cũng đồng ý với nhau rằng cái lưỡi của loài người là dụng cụ đo lường chính xác nhất, để biết rằng món ăn ấy ngon hay dở, có thể làm hài lòng khẩu vị hết thảy mọi người. Người phụ nữ Việt còn hóm hỉnh bảo bạn, cũng không nên tin hoàn toàn vào cái lưỡi của mình, vì còn tùy theo lúc ấy cái bụng no hay đói, hay khi người không

được khỏe, sự nê nếm cũng vì thế sẽ không chính xác như mình tưởng.

Hóa ra, hai người này là hai người bạn cùng xóm, họ kết thân với nhau cũng chỉ vì có cùng hoàn cảnh khá ngộ nghĩnh. Một người phụ nữ Mỹ có chồng Việt Nam và một người đàn bà Việt Nam lấy chồng Mỹ. Đó là lý do khiến họ tìm đến với nhau để trao đổi một vài khía cạnh khác biệt giữa con người, đối với cuộc hôn nhân dị chủng thì đâu có hòa hợp bao nhiêu, vẫn xảy ra những điều không hiểu nổi về tâm hồn cũng như văn hóa của hai dân tộc.

oOo

Chị có biết không? Tôi gặp nhà tôi khi chúng tôi học cùng một phân khoa ở trường Đại Học Clear Lake. Tôi cũng không hiểu tại sao chúng tôi lại trở thành đôi bạn thân với nhau, rồi cuối cùng hai đứa yêu nhau lúc nào không biết.

Anh ấy sang đây có một mình, tôi nghe anh kể về chuyến vượt biển cam go của anh, và những thảm cảnh xảy ra với những người vượt biển tìm tự do, tôi đã không ngăn được xúc động.. Hồi ấy, tôi đã ngạc nhiên mỗi lần thấy anh chăm chú theo dõi tin tức, khi nghe có những thuyền nhân được vào định cư ở Hoa Kỳ, tôi đã hỏi anh rằng tại sao anh và những người đồng xứ lại có thể bỏ quê hương mà đi. Khi nghe anh cất nghĩa tới hai chữ Tự Do thì tôi hiểu ngay, thông cảm với anh ấy liền vì từ lúc còn nhỏ, mới bắt đầu đi học, chúng tôi đã được biết thế nào là quyền tự do của một con người.

Hóa ra, ở quê hương anh con người bị tước đoạt gần hết những thứ tự do, mà tôi tưởng nó phải được tôn trọng bất cứ ở đâu, nơi nào có con người là phải được hưởng đồng đều như nhau. Ngoài giờ học, hai đứa tôi cùng làm thêm ở thư viện, có lẽ vì có điều kiện gần gũi nhau, nên chúng

tôi trở thành một đôi bạn thân. Nhìn lối làm việc chăm chỉ của anh, cần mẫn, ngăn nắp, tôi thật sự bị rung cảm với con người đầy vẻ chịu đựng đó. Bản tính anh hiền hòa, dường như trong đôi mắt đen kia còn chất chứa một nỗi buồn sâu kín nào đó mà tôi không hiểu nổi, khi anh ngồi hàng giờ nhìn ra mặt hồ sóng lăn tăn, im lặng như có một cõi riêng mà tôi rất muốn chia sẻ.

Người Mỹ chúng tôi là thế. Chúng tôi không chủ trương xâm phạm vào đời sống riêng tư của nhau, nhưng nhìn nét u uẩn trong đôi mắt anh với dáng ngồi lặng lẽ hàng giờ, tôi đoán anh đau khổ mà nếu anh cho phép, tôi rất muốn chia sẻ với anh chút nào cho nhẹ lòng. Anh càng buồn tôi càng băn khoăn, và từ nỗi băn khoăn đó tôi đã yêu anh ấy, rồi khi ra trường thì hai đứa quyết định làm đám cưới.

Vào mùa hè, tôi thường rủ anh đi biển với gia đình tôi. Lúc ngồi bên ghềnh đá, nhìn từng cơn sóng vỗ vào bờ, tôi thường bắt gặp anh chìm đắm trong một nỗi niềm xa xăm, dường như mỗi lần tới biển, anh thường bị ám ảnh vì một điều gì không xóa được trong tâm khảm. Tôi chưa hề xa đất nước này bao giờ, chỉ có những chuyến du lịch ngắn đầy vui tươi với gia đình, cho nên hồi ấy tôi chưa thể thông cảm hết được nỗi nhớ nhà của một kẻ xa quê, mà anh ấy gọi là tình hoài hương.

Thật ra, khi yêu anh, tôi cũng bị ảnh hưởng phần nào lối suy nghĩ của một tâm hồn Á Đông, thì ra nó có nhiều điều phức tạp mà nếu không có tình yêu, người ta không dễ gì hòa hợp được với nhau để trở thành một. Cuối cùng khi hai đứa lấy nhau, tôi mới thực sự thấy đường sự ngược nguồn của những giòng sông. Anh qua đây có một mình, gia đình còn ở lại Việt Nam, cho nên khi chấp nhận lấy anh, là tôi cũng phải chấp nhận luôn việc chia sẻ gánh nặng vật chất với gia đình ở bên kia.

Tuy nhiên, tôi có nhận thấy điều này, khi cho rằng chia sẻ chỉ là tự nguyện và tùy theo khả năng, chứ còn lúc

biến nó thành bốn phận thì nặng nề quá. Tôi thẳng thắn bày tỏ với anh điều này, nhưng không ngờ tôi thực sự bị "xốc" khi anh phản kháng lại tôi ngay lập tức, mà nếu không khéo thì cuộc hôn nhân có mời bị tan vỡ. Biết làm thế nào bây giờ, vì người Mỹ chúng tôi nghĩ khác. Tôi không ích kỷ để bỏ mặc anh với những điều trần trở vì gia đình ở bên kia, nhưng tôi cũng không thể bằng lòng khi anh phải lo lắng quá nhiều như vậy.

Hình như người Việt của chị có quan niệm hướng về gia đình, và những người thân yêu của họ. Cũng vì thế mà đi hơi xa mức giới hạn của họ trong đời sống gia đình của người khác. Cái này chị cho tôi nói hết nghe, vì theo tôi nó có hợp lý và cũng bất hợp lý theo cách nhìn của một người Mỹ. Nó có cái hay vì nó biểu hiện được sự chia xẻ và tình thương yêu của một gia đình thuần nhất, nhưng mà... biết nói thế nào nhỉ, ăn nhiều quá cũng mất ngon, mà nói nhiều quá cũng có thể lỡ lời, nhưng theo tôi mình phải tìm ra một giải pháp để quân bình giữa hai cái với nhau, để không vì được cái này mà lại mất cái kia đó mà.

Từ ngày lấy anh ấy đến nay, tôi thấy mình đổi khác nhiều lắm. Một cuộc hôn nhân dị chủng, nhưng giờ đây ngôn ngữ không là vấn đề nữa vì chúng tôi đã có thể hiểu nhau sau khi cùng nhau ngồi xuống nói chuyện, thành thật bày tỏ cho nhau hiểu nỗi khó khăn vì khác biệt tư tưởng, và cách hành xử sao cho dung hòa với nhau để gia đình hạnh phúc. Cuối cùng thì anh ấy cũng làm đầy đủ giấy tờ để mang gia đình sang bên này, sau khi nói với tôi rằng nếu không làm được điều đó, anh cảm thấy như mình có lỗi, khi việc ra đi tìm Tự Do của anh, là do sự hy sinh của tất cả người thân trong gia đình. Chúng tôi đã hoàn toàn hiểu nhau, và tôi cũng hiểu khi chấp nhận làm vợ anh, là tôi cũng phải hy sinh phần nào chút riêng tư để cùng anh ấy làm tròn bốn phận.

Ba anh ấy đã qua đời, nhưng mẹ anh ấy lại thật hiền.

Chúng tôi đã một lần về thăm nhà ở Việt Nam, nhìn bà cụ già ôm mấy cháu nội hai giòong máu vào lòng, nụ cười móm mém, đôi mắt bà đầy những thương yêu, tôi nghĩ mình không thể ích kỷ để chỉ lo cho hạnh phúc của riêng mình, mà phải cùng anh ấy giúp đỡ mẹ anh và những anh em của anh. Bây giờ mẹ anh và hai cô em gái đã sang đây, mới đầu tôi cũng hơi lúng túng khi không biết giải quyết thế nào để cuộc sống đừng bị xáo trộn. Nhưng chị à, nhà tôi anh ấy cũng thật tế nhị, cho nên vì thế mà chưa có gì đáng tiếc xảy ra. Hai cô em đã đi làm, họ sống chung với mẹ trong một căn chung cư hai phòng ngủ, và bây giờ khi tôi muốn đi đâu xa mà không dẫn con theo, có thể gửi bé út cho bà nội và hai cô trông giùm.

Hồi gia đình anh ấy chưa sang, tôi chỉ hay làm thức ăn theo lối Mỹ để cả nhà cùng ăn. Sau này, anh ấy dẫn tôi và các con đi ăn nhà hàng Việt Nam, tôi lại đam thích những món ăn Việt. Thế là tôi đề nghị anh ấy chỉ dẫn, và cho tới khi gặp chị, tôi mới hoàn toàn thực hiện được cho thật hoàn chỉnh. Đàn ông mà chị, anh ấy nói hồi còn ở nhà, anh ấy có bao giờ phải lo gì đến việc bếp núc, đã có mẹ, chị hay em gái làm tất cả. Người Việt của chị hình như quý con trai hơn con gái, cho nên cách đối xử cũng hơi bất công đấy nhé! Tôi không hoàn toàn đồng ý chuyện này đâu, vì con trai hay con gái cũng là người mà thôi, có lẽ vì vậy mà người ta khó có thể tìm được cái họ gọi là dân chủ ở nước chị, vì trong phạm vi nhỏ bé gia đình, đã không thực hiện được sự tự do dân chủ rồi, huống gì cho một quốc gia thì chuyện ấy lại càng khó.

Tuần trước, chị chỉ cho tôi làm món chả cá Thăng Long theo kiểu Hà Nội. Chị biết không? Hôm ấy nhà tôi ngạc nhiên lắm, vì anh không thể ngờ tôi lại có thể làm được một món ăn cầu kỳ như vậy. Cá ướp nghệ, riềng, mẻ, mắm tôm, thêm ít gia vị mà nướng trên lửa than thơm phức, sau đó lại rắc thìa là sắt nhỏ lên mặt trước khi ăn,

cùng những thứ rau phải có để ăn kèm với bánh tráng cuộn lại, chấm nước mắm chua ngọt hay mắm tôm chanh ớt. Tuyệt lắm chị à, nhưng lúc phải pha chế món mắm để ăn với nó, thì thú thật với chị tôi ớn quá. Sao lại có thứ mắm gì nặng mùi quá sức như vậy, tôi không đủ can đảm để làm món đó ở trong nhà, vì nó sẽ bám vào thảm và đồ đạc, cho nên tôi phải nhờ chị giúp là vậy.

Người ta bảo " tình yêu đi qua bao tử ". Mới nghe thì có vẻ nặng mùi vật chất, nhưng công nhận từ hồi tôi biết nấu nướng, thỉnh thoảng hay làm những món ăn mà chồng tôi thích, tôi thấy hình như anh ấy thương tôi nhiều hơn, hạnh phúc nhiều hơn. Thứ nhất là được ăn ngon, thứ hai là anh ấy cũng nhận thấy được tình yêu của tôi dành cho anh ấy và gia đình, đã phải bỏ nhiều thì giờ hiếm hoi trong cuộc sống vật lộn với vật chất của xứ Mỹ, khi thực hiện những bữa ăn tốn kém khá nhiều thì giờ như vậy. Lũ con tôi mê món cơm chiên với chả giò nhất hạng, người Tàu cũng có món này nhưng chúng không thích vì nó trộn nhiều bắp cải và món cơm chiên thì nhiều dầu quá.

Cuối tuần này là sinh nhật lần thứ bảy mươi lăm của bà nội chúng nó, tôi định nhờ chị chỉ cho tôi làm món gì là lạ, chắc hẳn bà cụ sẽ ngạc nhiên lắm , và sẽ không thể quan niệm rằng con dâu người Mỹ không biết chiều mẹ chồng như con dâu Việt Nam, phải không chị?

oOo

Đúng ra tôi không thích lấy chồng ngoại quốc đâu, nhất là lúc còn ở quê nhà, người xứ sở tôi hay nhìn những người phụ nữ lấy chồng nước ngoài với cái nhìn không đẹp. Đừng trách họ nghe chị, vì thời đó họ còn bảo thủ lắm, tư tưởng phong kiến vẫn ít nhiều còn tồn tại trong những gia đình Việt Nam. Với lại, hồi đó là thời kỳ chiến tranh, đa số những người đàn ông đến nước tôi chỉ

đi tìm đàn bà để giải quyết sinh lý, ít có những cuộc tình trọn nghĩa yêu thương. Cho đến bây giờ, trên xứ sở này, vẫn có nhiều gia đình phản đối con cái khi kết hôn với người nước ngoài.

Điều ấy cũng dễ hiểu thôi, vì nói cho cùng thì sự khác biệt về phong tục cũng như văn hóa dễ đưa đến sự đổ vỡ. Tôi công nhận điều này không phải là họ hoàn toàn sai, vì chính tôi lắm lúc cũng vẫn ngược nguồn với nhà tôi để trở về với những gì của dân tộc, nhất là về mặt tư tưởng thì thật sự có khác nhau đó, khi tôi đã được ảnh hưởng nó từ hồi còn thơ bé.

Đôi khi người ta vẫn có cái nhìn thiên cận khi đánh giá một sự việc hời hợt bên ngoài, chứ thật ra tôi rất cảm phục những người phụ nữ Mỹ như chị. Chị có thể thay anh làm được tất cả những việc đòi hỏi sức khỏe của người đàn ông, sửa chữa nhà cửa, xốc vác nhiều việc nặng nhọc mà người đàn bà xứ tôi không làm được, vì quan niệm đàn bà " chân yếu tay mềm". Thế nhưng những việc nấu nướng, khâu thùa, vá may tỉ mỉ thì công nhận người đàn bà Á Đông có năng khiếu hơn, và họ thường tự hào về điều đó.

Bây giờ tôi kể lại chị nghe chuyện tại sao tôi lại kết hôn với nhà tôi nghe, cái ông David " gà tồ" lúc nào cũng hay cười nói huyền thuyên vui vẻ đó. Người nhà tôi thường trách tôi tại sao lại ly dị với người chồng Việt Nam, để kết hôn với một người Mỹ, nhưng câu chuyện này nó dài lắm, tôi chỉ tóm gọn để chị hiểu tại sao tôi thương yêu ông David nhà tôi nghe chị.

Chị còn nhớ những thập niên trước, lúc làn sóng những người đi tìm Tự do ào ạt bỏ quê hương ra đi, chắc chị đã nghe anh kể chuyện và cũng thông cảm với anh lý do tại sao lại có những người phải bỏ quê hương, xứ sở ra đi. Tôi là một trong những người ấy đó chị. Bây giờ chuyện đã cũ, nhưng nhắc lại tôi vẫn bàng hoàng và tưởng như cả đời mình chẳng bao giờ quên nổi những ô nhục, đốn

đau mà mình phải chịu. Tôi là người phụ nữ không được may mắn vì chuyến vượt biển của tôi đã gặp tị hải tặc Thái Lan, và cũng như bao phụ nữ trong chuyến tàu hôm ấy, tôi đã bị chúng nó làm nhục. Chị là người phụ nữ, có lẽ chị thông cảm cho một người đàn bà khi bị tước đoạt những gì cao đẹp nhất, do sự đòi hỏi thô bỉ của đàn ông, không do sự dâng hiến của tình yêu. Bởi vậy khi được cứu thoát, và cho đến lúc được định cư ở xứ này, tôi vẫn bị ám ảnh vì những bất hạnh đau đớn đó. Thú thật với chị là trước khi gặp David, tôi cũng có yêu thương một người cùng quê, anh ấy là người bảo trợ cho tôi từ đảo sang, dù rằng tôi có nói với anh những điều nhục nhã mà tôi cũng như những người phụ nữ gặp phải trong chuyến đi ngày đó.

Anh ấy nói với tôi là hoàn toàn thông cảm và cho đấy là nỗi bất hạnh của người con gái Việt Nam, nỗi đau chung của cả một dân tộc chứ không phải cho riêng ai. Thế nhưng nói một đằng mà đến khi sống với nhau lại không phải vậy, chỉ vì những lời đàm tiếu thiếu tế nhị của những người cùng hoàn cảnh với chúng tôi. Mỗi khi nhắc nhau về những chuyện cũ, họ vẫn hay nói ra những điều đau đớn riêng tư của người khác, không biết với ý đồ gì, nhưng cũng chỉ vì quá khứ cứ quẩn quýt họ hoài, mà không nghĩ là lại lôi kéo chúng tôi trở lại niềm đau cũ. Họ hoài niệm dĩ vãng của họ, nhưng cũng hay nhớ đến dĩ vãng của người khác, như lại làm vết thương mủn mủ khi nó đã thành sẹo. Điều đó thật là kỳ cục phải không chị?

Thật mệt mỏi cho một số người hẹp hòi hay đàm tiếu trên nỗi bất hạnh của người khác. Chính vì thế mà làm cho cuộc hôn nhân của tôi tan vỡ, vì tôi cũng không chịu nổi vẻ mặt buồn rầu, đóng kín trong sự im lặng riêng tư của người chồng cũ. Anh ta thương tôi chứ không phải không, nhưng chính vì không bỏ qua được cái đau khổ của dĩ vãng, nó chỉ là chuyện chẳng ai mong đợi, để mỗi

khi nghe ai nói đến vấn đề này, anh lại có mặc cảm như tôi làm điều gì xấu xa vậy.

Tôi có một quan niệm. Đời bình thường chưa chắc gì tránh khỏi lầm lỡ, huống gì đây chỉ là một tai nạn cho những người phụ nữ Việt Nam, mà hoàn cảnh đất nước đưa đẩy đã phải tội tình gánh chịu. Cuộc sống đâu phải một mặt nước phẳng lặng, cho nên khi có xung đột trong gia đình, tôi vẫn phải cúi đầu chịu đựng nỗi cay đắng một mình. Cho nên giải pháp cuối cùng là chia tay cho nhẹ lòng. Đồng ý là khi tan vỡ, tôi cũng đau khổ vậy, nhưng nhờ thế tôi mới có cơ hội biết rằng đời vẫn có những người đàn ông tốt, không quẩn quanh mặc cảm, đầy thành kiến với thứ dĩ vãng buồn khổ, mà đứng ra cần phải gạt bỏ để vươn lên những điều tốt đẹp.

Tôi gặp David khi đến một cơ quan xã hội để nhờ giúp đỡ tìm việc làm. Không hiểu sao tôi kể cho ông ấy nghe hết những gì xảy ra trong đời tôi, và chị biết điều gì xảy ra không? Ông ấy đã khóc khi nghe tôi kể hết những bất hạnh tôi phải chịu. Ông ấy nói rằng chính đất nước ông cũng phải chịu trách nhiệm trước những bất hạnh này, vì đã không hết lòng giúp đỡ người anh em bé nhỏ của mình, để gây ra bao thảm cảnh cho người dân Việt Nam. David đưa tôi đi nhà thờ, sinh hoạt với người bản xứ, giúp tôi quên đi quá khứ tủi hờn để hòa nhập vào một xã hội hoàn toàn hướng tới tương lai. Những gì xảy ra hôm qua là dĩ vãng, những gì hôm nay là hạnh phúc và sự hiến tặng của Thượng Đế trong mỗi ngày cho con người, và những gì sắp tới sẽ là những khám phá kỳ thú hơn.

Tại sao lại cho rằng việc kết hôn với một người ngoại quốc là một sự lầm lẫn để không tìm được hạnh phúc. Mỗi dân tộc đều có những cái hay cái dở, cái xấu cái tốt, vậy thì tại sao không dung hòa với nhau để tìm ra điều tốt để theo, điều xấu phải loại bỏ để cuộc đời tươi đẹp hơn. Từ ngày lấy David, không bao giờ tôi nghe ông ấy nhắc nhở những riêng tư của tôi trong quá khứ. Và vẫn

rất hân hoan khi giới thiệu tôi với gia đình, bè bạn. Họ chấp nhận và yêu thương tôi, khiến tôi tự tin và tự nhiên tâm hồn cũng theo chiều hướng đó mà thích yêu thương, chia sẻ với mọi người.

Tôi đã đưa David về thăm quê hương, bởi vì anh ấy muốn nhìn rõ sự vươn lên của một đất nước sau chiến tranh ra sao. David cùng công nhận với tôi một điều, tất cả những mặt nổi của bên ngoài không giúp gì cho người dân bao nhiêu, đất nước vẫn còn quá nhiều người nghèo, đời sống vẫn rất là thiếu thốn và thấp kém. Chúng tôi không chú ý bao nhiêu đến chính trị, nhưng cũng không khỏi băn khoăn khi đất nước thiếu người lãnh đạo tài giỏi, thì sự hiểu biết thấp kém của họ sẽ làm dân tộc khó ngóc đầu lên với thế giới.

Chuyến trở về quê hương của chúng tôi vừa qua thực sự làm tôi xúc động lắm chị à. Tôi với David đi thăm những chỗ nuôi trẻ mồ côi hay khuyết tật, thật sự ái ngại cho đời sống của chúng nó, chỉ mong rằng mọi người đều nghĩ tới nỗi đau chung, mà bỏ đi phần nào nỗi buồn của dĩ vãng, giúp cho những con người vô tội ấy được sống một cuộc sống tối thiểu no ấm để làm người. Mỗi người đều có một quê hương như ai cũng có một mẹ vậy, tôi vẫn giữ trong lòng những cái đẹp của dĩ vãng trên quê hương, nhưng đồng thời tôi cũng phải mang ơn xứ sở tôi đang sống, đã giúp tôi có cơ hội để nhìn lại quê hương của mình, bản thân mình mà biết cái gì phải quên và cái gì phải nhớ.

À quên. Chị hỏi tôi về món bún chả để ăn vào ngày sinh nhật bảy mươi lăm của bà mẹ chồng phải không? Nhưng chị muốn làm theo kiểu nào, vì quê tôi có tới ba miền Trung, Nam, Bắc, mỗi nơi cũng dùng thịt heo để nướng nhưng lối dùng gia vị thì có khác nhau tý chút. Người Nam hay cuộn tròn miếng thịt bên ngoài một miếng mỡ heo xắt mỏng, họ ướp đường nhiều hơn nên khi ăn có vị ngọt ngọt. Còn người Bắc lại dùng thịt pha mỡ, họ chỉ

ướp củ hành và chút nước mắm ngon với tiêu thôi. Riêng người miền Trung thì không thể thiếu ít hột mè cho miếng thịt thơm và bùi hơn đó chị. Nhưng với tôi, kiểu nào cũng ngon hết, nếu mình gửi vào đó cái tình của mình đến với những người mình yêu thương và muốn phục vụ, phải không chị?

Lê Văn Trung

Làm sao qua hết Chùa Cầu

Ta chưa qua hết Chùa Cầu
Là chưa qua hết bể dâu lòng người
Hồn thiên cổ bóng trăng soi
Rêu in mái lạnh vọng lời trăm năm
Người xưa đâu? Bước thẳng trăm
Sông Hoài bến cũ thuyền không trở về

Ta qua chưa hết cơn mê
Dấu chân ai tự nghìn xưa đá mòn
Là chưa qua hết Hội an
Mà nghe sâu thẳm những vãn cổ thi

Chưa qua hết nỗi sầu này
Làm sao qua hết sâu dày trần gian
Còn nguyên huyền bí Hội an
Cuộc tìm kiếm ở tận ngàn năm sau

Ta chưa qua hết Chùa Cầu
Làm sao qua hết nỗi đau nhân tình
Cái vòng hệ lụy quấn quanh
Ta đi tìm bóng dáng mình thuở xưa

Hội an, nét cổ thư mờ
Hồn rêu phong tự bao giờ hỡi em

Tháng chạp Tân Tị 2001

Thay Nhà cảm ơn bạn bè *

(tặng Phạm Văn Nhân)

Xin cảm ơn bạn bè đã tới
uống chút rượu mừng trong ngày cưới ta
dù lũ mây về rừng cao núi thẳm
dù đứa què chân dù đứa mù lòe

Xin cảm ơn bạn bè đã tới
dù một giây phút lại ra đi
dù áo hành quân còn đầy vết bụi
dù nắng mưa còn rát mặt rát mày

Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới
tới từ Khe sanh, Alưới, Dakto
để cho ta vui trong ngày đám cưới
rồi lũ mây đi không lời hẹn hò

Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới
đã chúc mừng hoan hỉ đã say sưa
đã bắt tay ta đã cười đã nói
rồi lũ mây đi cũng rất tình cờ

Xin cảm ơn bạn bè ta đã tới
đã uống cùng ta một chén rượu mừng
dù xa xôi, dù đò sông cách trở
lũ mây đã về nhớ về đông

Xin cảm ơn bạn bè ta lần nữa
đưa trên đồi cao đưa dưới chân đèo
có đứa nào ngày mai đám cưới
không biết bạn bè còn được bao nhiêu?

*

Bài thơ này đã xuất hiện trên tạp chí Bách Khoa vào đầu năm 1970. Hơn 30 năm sau, bài thơ làm thay cho Phạm văn Nhân ngỡ đã mất lại đến đất Mỹ như món quà về tình bằng hữu và tình văn chương của bạn bè còn trong nước.

PVN bồi hồi lắm tôi hiểu. Và tôi đề nghị anh đi bài thơ cũ. Để nhớ lại một giai đoạn mà " có đứa nào ngày mai đám cưới. Không biết bạn bè còn được bao nhiêu? "

Riêng Lê văn Trung từ lâu mong mỗi được xuất bản một tập thơ trong đời. Chúng tôi, những bạn bè cũ của anh, đang tìm cách để giúp niềm mơ ước của anh được toại nguyện.

Đó cũng là mục đích của Thư Quán Bản Thảo (THT)

... Trên 30 năm rồi, nay có lại bài thơ cũ của người bạn thơ một thời còn ở trong nước, thật cảm động và cảm ơn bạn còn nhớ đến anh em.(PVN)

Hồ Thủy Giũ

Con Người

Tình Yêu Và Loài Chim

Hồi còn thanh niên (miền Nam) ngồi quán cà phê một mình là một cái thú nhưng chẳng biết giải thích thế nào cho ổn. Đối diện với nỗi cô đơn lại hi vọng nó là anh em một nhà với sự sáng tạo! Ở trong đám đông cũng thế, thích mình đứng ngồi tách biệt hẳn ra để có thể dõi theo những suy nghĩ riêng tư của mình, có lẽ rất ghét nói chuyện tầm phào, chuyện vui đùa tiểu lâm ngoại đạo do kẻ khác đến quấy rầy. Mình với đám đông hình như có độ lệch, lạc lõng, lạc điệu! Nhất là đám đông đó chẳng có gì hấp dẫn, người ta gặp nhau chỉ vì một thủ tục, một nguyên cớ gì đấy! Còn mình thì có lẽ chưa tìm ra được điều gì để dự định, để sắp tâm thực hiện. Lúc nào mình cũng như đang tìm kiếm một điều gì, một ý tưởng nào đó để tự phần chấn cõi lòng, tìm kiếm một khát vọng tự do cho bản thân... (Nếu được tự do rồi thì mơ ước sẽ bay lượn như người ngoài hành tinh để nhìn xuống thế gian?). Các cô nhận thấy đó là một anh chàng cá biệt, đâm ra cảm, muốn đến lân la tìm hiểu. Nhất là vì sao em xinh tươi như thế này, anh lại không biết để ý? Em cảm thấy anh kỳ lạ, còn em thì chậm tự ái. Anh sống có vẻ ích kỷ? Chẳng muốn gần con gái? Anh cũng điển trai, như sao hơi buồn buồn...? Vì sao? Thôi không dám! Con người kì cục.... Ừ, thế chẳng sao!

Nhưng không! Bẵng đi một thời gian khá lâu, có vợ rồi thì cũng ngồi quán cà phê một mình để tìm cảm hứng nào đó, không gì thú vị bằng được vượt ra khỏi mọi sự ràng buộc để lại đối diện với chính mình, từ đó mà nảy sinh ra một ý tứ gì đó trong đầu óc. Vợ đâu biết chồng

như vậy! Muốn sáng tác ra một cái gì đó. Bài thơ, bài văn hay bức vẽ? Nhưng sáng tác được, cái ấy phải thật đẹp, thật tốt, thật hay! Không phải có ý nghĩ là làm được ngay! Lại cần phải dốc tâm, dốc sức và thời gian.

Lúc vợ tôi chẳng may qui tiên rồi cũng ngồi quán cà phê một mình, như để thăm cái nỗi đau rằng mình đang cô đơn, cô độc, không còn người tình, tâm hồn hụt hẫng, thiếu vắng, thậm chí trống trải... Không còn ai để chia sẻ những cảm giác bình thường nhất, chưa kể đến những mỹ cảm thăng hoa trong nghệ thuật của cái đẹp, cái hay trong cái lặng lẽ thăm thẳm của bầu trời đêm muôn điệu ánh sao lấp lánh! Thiếu người tình là thiếu tất cả. Cảm thấy thân thể khô đi, già héo một nửa! Với lũ con canh cánh, bên cạnh, ngày lại càng già thêm, quần quanh trong đời sống, quần quanh trong cái vòng sinh-lão-bệnh-tử... để mà lo toan! Lo lắng! Những ý tưởng sáng tạo giống như mỏ kim cương bị vùi lấp. Ô! Phải cần những nỗ lực, đột biến để cứu sống sáng tạo! Nhưng biết làm thế nào? Phải quay lại từ đầu, tìm kiếm lại từ đầu. Để khai thác những gì quý giá. Từ lâu ta đã vô tình, ta đã chôn vùi chính ta! Ta đã làm cái mà ta không muốn. Ta hãy tiếp tục, giống như làm lại từ đầu. Giống như đang yêu! Chỉ có tình yêu mới là động lực khơi dậy tất cả.

Ngồi trong quán cà phê một mình! Hình ảnh những kẻ như mình cũng rất chán! Mình là thế đó! Vậy nên uống cái thứ nước nâu đen sòng sánh, ngọt ngào và thơm lừng người ta chế sẵn như để tích lũy vôi vàng sự tỉnh thức nào đó như một dữ liệu cho bộ nhớ, rồi trả tiền ngay đứng dậy rời khỏi quán, vì không chịu đựng nổi. Ta sẽ về nhà làm việc, rồi suy tư gì thì suy tư! Nếu vậy thì đời ta lại ghé quán cà phê? Nếu thêm uống cứ mua một bịch về là xong, uống cả tháng! Còn “người hùng, chịu chơi” thì hẳn dám làm những gì gai góc nhất đối với hẳn. Cứ thỉnh thoảng ghé vào quán cà phê một mình xem sao,

hãy quan sát cái cà-phê-một-mình, như từ thuở còn thanh niên đến giờ. Chưa bao giờ mời em nào cùng ngồi cà phê với mình! Nói nào ngay chỉ có độ 1 – 2 lần với cô vợ mới cưới. Mà nàng rủ thì mới đi cùng nàng! Nàng thích đấy chứ! Nhưng sao chỉ ngần ấy. Sao mà ít tâm sự cho ra trò. Tâm hồn cứ chững lại, nghiêm trang lạ lùng! Sao không có gì để nói cùng em gái!

Cái thú cà-phê-cô-độc của tôi rất ngăn ngủ này vẫn thường cố tình lập lại, để trải qua sự cô đơn rõ mồn một, không lấm lẩn gì nữa. Đối với một bức tường! Như bích-diện-thiên-sư thì ngộ đạo! Còn mình thì không! Mình lại muốn tìm kiếm tình yêu! Lại muốn hiểu rõ tình yêu là gì (vào cái tuổi gần buổi hoàng hôn). Nhưng bây giờ vẫn là sự cô đơn chết người, có nghĩa là vô nghĩa. Còn ta với mọi người? Xong ngay...! Với một lòng kiên trì, bền vững. Còn ta với ta là ai? Ta với ta là ai thì không thể xong ngay được! Ta đi tìm tự do trong chốc lát nơi đây, để thấy xung quanh nhân loại, nhân loại trông thấy ta! Một kẻ thoát li? Gọi là để thư giãn cũng không đúng! Cà-phê-một-mình! Đàn ông cô đơn khi ngồi uống cà phê một mình trông không còn đáng yêu! Có thể là đáng thương hại! Hình ảnh chẳng có gì hấp dẫn, đáng chán!

- Chỉ một mình ông thôi à?

- Thực tình có thể rủ thêm một người bạn đồng giới, sẽ hết cô độc...

- Nhưng để nghĩ tới em? Em đây đôi khi là Em đã qui tiên hoặc là Em đang còn sống ở cùng một thành phố với ông. Ông cần cả hai?

- Ô! Tôi cần có tình yêu để sống!

Các bạn có thể cùng tôi nói ra được trăm thứ tình yêu, chủ thể đối với khách thể. Có tình yêu trang trải trăm nơi mới có vui sống, lạc quan, mới có sáng tạo, trong đó phải có Em của tôi!

Giống một cây xanh, mặc dầu cổ thụ nhưng dòng nhựa hai chiều bên trong luôn thông thoáng cây đó mới tiếp

tục đâm chồi, nảy lộc, trổ lá non, đơm hoa, kết trái. Cây vạn niên, cây cổ thụ, như cây đa vẫn kiên cường vững chãi vươn lên cùng trời đất rộng, tỏa bóng mát cho mọi người và là nơi chim chóc đến trú ngụ! Cây cổ thụ vẫn còn nhựa sống vẫn còn tình yêu cho mọi người. Cây cổ thụ vẫn ngân nga, cất cao tiếng hát trong gió, vẫn là nơi để ánh trăng lồng vào, vẫn là nơi ánh mặt trời lấp lánh và đón gió muôn phương, cùng với bộ rễ ngày càng bám chặt, luôn sâu, sợ gì gió bão. Nhưng than ôi! Rồi cũng có ngày cây sẽ tàn, cây sẽ sụp đổ. Đó là lẽ vô thường! Từ những quả hạt của nó, các cây con sẽ mọc lên tiếp nối cuộc sống của tổ tiên. Còn xa ngày ấy, chỉ biết hôm nay cây vẫn bền vững khao khát cuộc sống, đến mùa xuân lại đâm chồi nảy lộc, qua khỏi mùa hè, rồi đến mùa thu cây cũng rất lãng mạn để buông rơi những chiếc lá vàng khô chấp chới trong gió đậu xuống những bãi cỏ non, cây mỉm cười trải qua mùa đông trong lớp bãi già như áo giáp! Cây không sợ sương sa giá rét. Cây tích lũy nội lực và đem cống hiến hết vào mùa xuân giữa đất trời bao la bát ngát, cây mỉm cười kêu gọi tình yêu đến quanh mình để hiến tặng hoa trái của mình.

Cây xanh vạn niên cổ thụ là một bài học cho hàng chục cây thuộc chủng loại khác mà số phận chắc ngắn ngủi hơn. Đó là do cái gen của nó. Còn tương lai vẫn luôn thuộc về các nhà khoa học! Nhưng bài ca của cây xanh vạn niên vẫn còn đó tự bao giờ!

Tôi đã trông thấy một cái quán nhỏ nằm sát bên đường, trong khi tôi lang thang không biết làm gì. Một cái quán có bán cà phê. Tôi xuống xe gắn máy, dắt vô trong lề cỏ rồi vào ngồi ở một cái bàn thấp. Một vị trí sáng sủa để nhìn ra ngoài đường vì tôi thích thế..., sao cho tầm mắt không vướng bận cây cảnh. Tôi gọi chủ quán một li cà phê đá và hai liều thuốc WH. Tôi cầm muống khuấy đường cho tan, đánh cho đến khi li cà phê nổi bọt, rồi

nhắc nhẹ từng viên đá trong suốt bỏ vào. Li cà phê lạnh dần, khuấy muống rào rào, lại nổi nhiều bọt hơn. Có lẽ là một li cà phê ngon? Tôi nhâm nhi cà phê, đốt một điếu thuốc.

Bên dưới hiên nhô ra ngoài lề cỏ là những chiếc lồng chim bằng mây hoặc bằng tre đan, lớn nhỏ đủ cỡ. Những con chim được nhốt nuôi trong đó: sáo, chúc miều, họa mi, sơn ca, bạch yến, hoàng yến... và hai chị loan lớn khiến mọi người chú ý với bộ lông màu lục, xanh dương, mỏ đỏ và dài, đẹp đến ngỡ ngàng! Hỏi thăm chủ quán. Hai cô loan này đến từ rừng Nghệ Tĩnh! Bỗng dừng nhìn những con chim trong lồng tôi cảm thấy lòng dịu lại, bớt đi hẳn cái cảm giác đau khổ cô đơn khó chịu. Cái cảm giác mà tôi thường có lâu nay. Mà sao tôi vừa cảm ghét vừa dễ thương cả chính mình...! Những con chim mới ngây thơ làm sao, mới yêu đời và sinh động làm sao. Nhưng ở trong lồng, những cái nhảy nhót, những tiếng hót của chim. Tôi tiếp xúc với sự sống hồn nhiên giống như sự sống ở trong tôi! Cõi lòng lắng dịu, hòa đồng với sự sống đang diễn ra quanh mình. Chim và người. Bỗng nhớ tới những bức tranh của J. Miró, chỉ là những mặt phẳng tạo hình với màu sắc, không có chiều sâu không gian cổ điển. Chim, những ngôi sao, mặt trăng, đàn ông và đàn bà. Vâng, Tôi tạm quên đi người thiếu phụ mà tôi vừa từ biệt để ra về! Người thiếu phụ – cứ trông như một thiếu nữ – mà tôi mới đến thăm để an ủi nàng phải dứt khoát ly hôn với người chồng phản bội và bạc ác, ý hẳn muốn đẩy nàng đến chốn bụi đời để chiếm đoạt tất cả. Nàng là con người tự trọng, tự do và trí thức, nàng vốn là sinh viên cao đẳng sư phạm âm nhạc! Nàng và tôi đều là hai kẻ cô đơn, nhưng thực tình chưa hiểu nhau là mấy! Chúng tôi chỉ là đôi bạn thương nhau vì hoàn cảnh. Và chỉ có thế!

Giữa người và chim hình như có sự đồng cảm về sự sống, sự yêu đời và chắc là có niềm vui vẻ trước một buổi mai

tươi đẹp. Giữa người và chim... tôi còn cảm thấy hết trống trải, hết nhớ thương ai cảm thấy lòng thanh thản tạm thời! Bỗng dưng tôi cảm thấy yêu cái chỗ ngồi nơi đây, từ chỗ ngồi này cũng có thể trông thấy các cô cậu nhạc sĩ, họa sĩ vào ra qua cửa Hiển Nhơn đằng kia vì trường nghệ thuật nằm bên trong Đại nội. Chỗ đầu ngã tư ngày xưa có một quán xép nơi mà một nhà giáo, nhà thơ siêu thực (NK) đã từng quen ngồi! Giờ đây tôi tiếc nuối chính bóng chàng và cả hình bóng cái quán đó nữa. Và bao nhiêu văn nhân, nghệ sĩ đã từng ngồi đó. Cũng như cái quán cà phê Tôn ngày xưa cách đây không xa, nơi những anh nhà giáo như tôi thường ngồi... Cà phê Dung – người đẹp – Cà phê Lạc Sơn – bình dân cho học sinh, sinh viên, nghệ sĩ. Nơi đâu chất cà phê cũng sánh đậm nổi sao bơ, mùi thơm hấp dẫn và vị ngọt ngào; và màu vàng mơ những chiếc bánh in đậu xanh ướt được gói cẩn thận trong giấy bóng. Bao nhiêu nghệ sĩ, văn nhân nổi tiếng của đất thần kinh cổ đô đã từng ngồi mòn ghế ở những quán đó. Đến nay sao không còn một cái ghế xưa nào cả. Vật đổi sao dời! Và con đường Trần Hưng Đạo những chiều năm xưa nam thanh nữ tú bát phố để gặp nhau, để chỉ đi tới đi lui cùng nhau trao đổi chuyện trò mà thôi, phần đông giới lãng du vào văn chương đều không thiếu mặt, nhất là chiều thứ bảy, chủ nhật. Con trai Huế hồi đó hầu như ai cũng biết lãng du vài trăm bước vào chỗ văn thơ. Có người thành đạt, còn lắm người phải rời xa nhưng vẫn còn nặng nợ, cầm cây bút lên đã thấy nặng lòng ngàn cân nhưng vẫn muốn luyện lại vài chiêu thức xem sao! Cho nên trong túi họ ngày nay vẫn còn văn thơ chắc là dễ thương dễ cảm. Và đó là một niềm vui cho những chàng trai xứ Huế mà thuở ấy mới kịp cầm điếu thuốc kẹp giữa hai ngón tay mình đã thấy run rẩy!

Một mình tôi, thì thôi, uống hết li cà phê đá này rất nhanh chóng. Để từ giã nổi cô đơn của mình mà ra về.

Nhưng rồi vẫn âm thầm đối mặt! Và nhớ có em, người thiếu phụ trẻ đáng xót thương, với đứa con nhỏ mà tôi vẫn thường tìm gặp em, đem tới những món quà nhỏ để tặng em, cảm thấy niềm sung sướng được chia xẻ sự đau khổ thiếu thốn tinh thần của em. Em bao giờ hết cô đơn, mặc dù có tôi ở cạnh em?

Tôi trở lại quán cà phê với những tiếng chim. Những con chim đủ màu sắc đang cất tiếng hót! Lũ chim bây giờ là bạn của tôi. Ta gặp nhau ở sự sống mà thiên nhiên ban tặng! Và nghĩ như vậy lòng ta thật thanh thản!

Tự do! Con chim nào cũng khao khát tự do. Nếu người ta mở cửa, con chim sẽ hót vang kì diệu gọi tới cho người mở cửa (hữu ý hoặc vô tình) để bay vút lên không gian! Nó sẽ bay đi tự kiếm ăn và tìm bạn tình, rồi cùng nhau bay ngang trời cất tiếng hót xuống cho thế gian! Chúng tặng loài người bài ca bất tận của tình yêu. Loài người sẽ tự hỏi mình cơ sao hay bắt nhốt loài chim.

Tôn Nữ Hoài My

(Võ Tấn Khanh)

Khi về lại Phan Rang

Như giọt khối theo tháng ngày lây lất
Rơi muộn màng trên lối cũ ngu ngơ
Tôi mở cánh cửa tình không chất ngất
Lòng rưng rưng nghe một chút không ngờ

Ngàn thơ đại ủ trong từng khe lá
Cũng động cành bay kiếm bạn quên xưa
Và điệu hát đã chia đời buổi nọ
Chợt bùng lên quay quắt, nhặt khoan đưa

Sương nắng gọi chưa mờ hơi thở biếc
Tình thiên thu trăm bến rộng xa nguồn
Tôi đã tát cạn đời mình không tưởng tiếc
Cầm bằng như gió tạt qua truông

Người độ ấy đã qua mùa khôn lớn
Đường trăm năm đời mấy bạn chia xa
Tôi thấp tuổi hong trên bờ nắng muộn
Nghe giọt tình ngấm nhẹ mấy lần da

Cây nhớ lá đã đôi lần khóc gọi
Đường nhớ chân từng lớp cuội rang sầu
Chim nhớ bạn quần quanh tìm, cánh mỗi
Tôi nhớ người như núi thăm sông sâu

Tay trút rộng xuống vương đời hẹn cũ
Lời tình khô không sống đủ hiên lòng
Người đã lạ, trăm năm dù cổ thụ

Như giọt chiều rơi hút giữa thỉnh không

Vòng ráng dọi trên chớp đời phai nhạt
Tôi bạc phờ trông cuối mạn thu xưa
Gọi thầm gió chỉ nghe lời xao xác
Vang âm sâu qua mấy bận mây mưa

Thôi đã lỡ, dẫu trăm đời, cũng đợi
Vạn lần không như một lần không
Trên nỗi nhớ đã cao mù đụn khói
Ngọn buồn đưa hiu hắt tạt qua lòng.

Tôn Nữ Hoài My là bút hiệu của Võ Tấn Khanh vào khoảng thập niên 60. Trong TQBT 9, bài thơ: Mưa Trong Nỗi Nhớ của anh, vì lý do kỹ thuật, tòa soạn viết lộn tên là: Tôn Nữ Trà Mi. Nay xin đính chánh lại và thành thật xin lỗi bạn. Bài thơ trên TQBT trích lại từ số báo thật cũ: Tuổi Ngọc của nhà văn Duyên Anh, trước 1975. (PVN)

Tuấn Diệp

Thầy thuốc và bệnh nan y

“Bác sĩ cứu con, bác sĩ cứu con...” tiếng kêu thảm thiết của Nguyễn... vẫn còn văng vẳng bên tai tôi, mặc dù nàng đã qua đời hơn hai năm. Tôi còn nhớ rõ lần đầu tiên Nguyễn cùng chồng đến phòng mạch để khám nghệt và đau mũi bên trái. Nguyễn năm ấy vừa được 23 tuổi, lập gia đình đã 2 năm và đang mang thai 6 tháng. Tổng trạng nàng rất tốt. Vì đây là đứa con đầu lòng và hơn nữa lại là con trai, nên hai vợ chồng đều cùng nở một nụ cười thật tươi khi tôi hỏi đến bệnh sử về thai nghén của nàng.

Vừa nhìn qua chiếc kính phóng đại của đèn khám mũi, tìm tôi hồi hộp đập mạnh, không dám tin vào mắt mình. San Jose là một xứ của bệnh dị ứng, mỗi khi một bệnh nhân đến khám nghệt mũi, tôi thường có thói quen nghĩ đến dị ứng trước. Nhưng lần này thay vì một màng mũi trắng trắng hoặc ửng đỏ, hơi sưng với chất nhờn bao quanh, là một bướu thịt bề mặt sần sùi, nhiều chỗ rướm máu, độ lớn khoảng bằng đầu đũa ăn cơm nhô ra từ bên trong xoang mũi trái. Vì là bác sĩ gia đình, tôi phải khẩn cấp gửi Nguyễn đến bác sĩ chuyên môn Tai, Mũi, Họng để giải phẫu và định bệnh bằng sinh thiết.

Mặc dù đã nhiều năm trong nghề, đã nhiều lần chứng kiến cảnh sống nay chết mai, nhưng tôi vẫn không tránh khỏi xúc động khi được bác sĩ chuyên môn báo cho biết kết quả xét nghiệm. Nguyễn đã bị ung thư ác tính màng xoang mũi, một loại ung thư rất hiếm. Tuy nhiên Nguyễn và gia đình cùng tất cả các bác sĩ điều trị đều vui mừng vì sau khi giải phẫu và phóng xạ trị liệu, sinh thiết trở lại như bình thường. Nguyễn thở dễ dàng, không còn bị nghệt hoặc đau mũi như trước nữa. Nhưng không được

bao lâu, khoảng 5 tuần sau, mủ lẫn máu chảy ra mỗi ngày một nhiều đến nỗi ban đêm nàng phải lấy bông gòn nhét vào một bên mũi. Lần này Nguyễn cũng cùng chồng đến phòng mạch. Vừa thấy tôi bước vào phòng khám Nguyễn vụt đứng dậy, chạy tới bầu vào vai tôi, ngược đôi mắt mệt mỏi của thiếu ngủ và hoảng sợ, run run giọng van xin: “Bác sĩ cứu con, bác sĩ cứu con”. Tôi lặng người đau xót thầm nghĩ nếu chuyện này xảy ra cho chính bác sĩ, bác sĩ có khác gì con. Lương tâm lúc đó không cho phép tôi trấn an nàng bằng câu nói đầu lưỡi “con sẽ không sao”. Cố gắng giữ không cho nước mắt đang dâng lên mi đừng lẫn xuống má, tôi quàng tay ôm vai nàng xiết mạnh trong thông cảm và lắng sang hướng khác: “Để bác sĩ gọi hẹn ngay với bác sĩ ung thư đang điều trị cho con”. May mắn cho Nguyễn đứa bé trong bụng vẫn lớn mạnh và cũng đã đủ ngày tháng nên bác sĩ sản khoa quyết định cho sanh mổ. Không lâu sau đó Nguyễn thấy đau bụng từng cơn, ói mửa nhiều và ngay vết mổ như có một cục bườu lớn bằng trái chanh nổi u lên. Nguyễn tưởng là vết mổ bị làm độc. Nhưng sau khi khám lại thấy có thêm 2 hạch lớn nơi cổ trái, và 3 bướu nữa độ lớn bằng trái cam trong bụng. MRI cho thấy ung thư đã di căn cùng khắp. Tôi chỉ biết lặng nhìn Nguyễn chết dần mòn trong tuyệt vọng và sợ hãi. Nhưng phải nói Nguyễn vẫn còn may mắn, những cơn đau bụng dữ dội đã được chế ngự bằng morphine, chích mỗi 2 giờ một lần và tinh thần nàng cũng vì vậy như tê liệt không còn cảm thấy hoảng sợ khi thức giấc trong những ngày cuối cùng. Nguyễn đã ra đi nhưng tôi không thể nào tránh khỏi ngậm ngùi cho tình trạng quá mỏng manh, yếu ớt cũng như bất lực của thân phận con người. Chỉ trong vòng 6 tháng, một cô gái đầy sức sống của tuổi hai mươi đã thành người thiên cổ giữa một nền y học gọi là tân tiến nhất thế giới. Còn tôi, bác sĩ gia đình cũng không biết phải làm gì để có thể ít nhất giúp nàng với được nỗi lo sợ

khủng khiếp của một người đang sống hạnh phúc với cảnh vợ chồng son vừa mới có đứa con đầu lòng đã phải phấn đấu trong tuyệt vọng dưới lưỡi hái ác nghiệt của tử thần.

Nỗi buồn chưa kịp nguôi ngoai thì một bệnh nhân bị ung thư nữa đến khám. Bác Lê... 65 tuổi, đạo Phật, làm nghề chăm sóc hồ bơi tư nhân. Bệnh sử của bác rất khác thường và thật thú vị. Bác biết mình bị ung thư phổi và được bệnh viện đề nghị điều trị nhưng bác từ chối vì bác đã chứng kiến cảnh cô cháu gái cũng bị ung thư phổi phải trải qua những giây phút đau khổ, mệt nhọc như thế nào dưới ảnh hưởng của phóng xạ trị liệu, cuối cùng cũng không cứu được. Bác chấp nhận cái chết tự nhiên. Bác đến với tôi vì chúng nhức đầu. Vừa ngạc nhiên vừa khâm phục trước sự bình tĩnh hiếm có của một người đang đương đầu với cái chết, tôi tò mò tìm hiểu. Và bác tâm sự:

“Lúc vừa hay tin bị ung thư, tôi choáng váng sững sờ, hai chân mềm nhũn không còn đủ sức đứng vững. Tự nhiên nước mắt tuôn chảy, lòng se thắt lại khi nghĩ đến vợ con sẽ sống ra sao. Tôi là chủ gia đình, là người làm tiền nuôi sống ba miệng ăn. Đem lại, nằm trần trọc không thể nào chớp mắt được, hết ý nghĩ này đến ý nghĩ khác cứ liên miên nối tiếp ủa đến. Khi quá mệt mỏi thiếp đi thì liền giật mình choàng dậy vì những giấc mơ chết chóc ghê rợn. Không biết địa ngục như thế nào nhưng tôi tin chắc không thể hơn tình trạng tôi đang sống. Sáng dậy như người mất hồn, lúc nào cũng đắm chiêu vì buồn vì tủi vì lo sợ, một nỗi lo sợ khủng khiếp không bút nào tả nổi. Tôi cố gắng niệm Phật nhưng không thể nào tập trung tinh thần được. Cuối cùng tôi quyết định đến chùa Diệu Pháp gần nhà để cầu xin được chết trong êm thấm. Có lẽ nét ủ rũ buồn thảm hiện rõ trên nét mặt, vừa thấy tôi sư trụ trì vội đến thăm hỏi. Sau khi lắng nghe sự tình, với một giọng trầm ấm, truyền cảm, sư hỏi tôi có biết ai

trên trần thế này là không chết. Sự bắt đầu chỉ dạy. Phương pháp thật đơn giản, nhìn thẳng vào chính mình với lòng thành thật, bất cứ một ý nghĩ, một giao động gì nổi lên liền ý thức, biết sự có mặt của nó, biết nó đến, biết nó đang ở với mình, và biết nó đi. Điều chính yếu là phải thật thức tỉnh, đừng để cho nó dùng những khả năng sẵn có của con người như trí suy nghĩ, óc tưởng tượng, tách rời mình với thực tại, tách rời mình với nhịp “SỐNG” của mọi loài chung quanh đang thật sự biến chuyển từng giây, từng phút và chính mình đang là một phần tử dự phần vào sự ‘SỐNG’ thực ấy và chỉ tham dự được trong một khoảng thời gian hạn hẹp của kiếp làm người mà thôi.

Phải thú thật, phương pháp tuy rất đơn giản nhưng lúc đầu thật khó vì ý thức đã ngủ yên quá lâu ngày và đã quá quen sống không thức tỉnh, cứ để cho suy nghĩ lôi cuốn đi mà không hay biết. Nhưng với thời gian và kiên trì, ý thức lần lần thức dậy, chủ động, sức lôi cuốn của suy nghĩ hết mãnh lực. Thất kỳ diệu an bình đến với tôi lúc nào không biết và mọi vấn đề như sáng tỏ trước mắt. Thì ra bấy lâu nay tôi như người mộng du, không ý thức mình đang làm gì, để cho suy nghĩ, giác quan, óc tưởng tượng, tình cảm, thói quen, phản xạ, bản năng... lôi đi hết ngày này qua ngày khác: đã làm tôi có khác gì những con múa rối, bị chúng giết dây đóng tuồng. Khổ đau hoảng sợ khi hay tin bị ung thư chỉ là do ý nghĩ thù dật. Thì ra “ý thức” đã phá tan màng dây che phủ an bình và trong sáng sẵn có nơi mọi người. Tôi vui sướng đến chảy nước mắt và thâm cảm ơn căn bệnh nan y của tôi vì nếu không bị nó làm hoảng sợ, có lẽ không bao giờ tôi được như ngày hôm nay an bình, tự tại, khám phá thêm khả năng thực của mình, phân biệt rõ thế giới do mộng tưởng xây dựng đến rồi đi, ngăn chặn không cho mình gia nhập vào thế giới thật bên ngoài luôn luôn biến chuyển. Chỉ tiếc một điều khi vừa bừng tỉnh thì thời gian

còn lại của mình quá ngấn ngủi”.

Ung thư của bác Lê phát triển rất nhanh. Hai tháng sau bác gọi lấy hẹn vì thấy trong người như đuối sức. Bác quá gầy yếu, vợ phải địu một bên nhưng vừa thấy tôi gương mặt xanh xao mệt mỏi tươi tỉnh hẳn lên, với một nụ cười hiền hậu bác gật đầu chào tôi. Ngay hôm sau tôi nhận được điện thoại của vợ báo cho biết bác đã ra đi thật êm ái nhẹ nhàng vào lúc nửa đêm.

Không như cái chết của Nguyễn, lần này tôi thật sự cảm thấy nhẹ nhõm không còn nặng trĩu với mặc cảm con người sao quá mỏng manh yếu ớt và bất lực, không còn bị ray rứt vì làm bác sĩ mà chỉ biết lặng nhìn bình nhân giã giụa trong hoảng sợ, tủi buồn dưới đe dọa của thần chết. Bác làm tôi mỉm cười thấm thía về câu chuyện mà tôi không nhớ đã đọc trong cuốn kinh Phật nào.

Có hai ông bạn thân, một thì giàu có phú quý, một thì nghèo khổ. Một hôm sắp sửa phải đi xa trong một thời gian khá lâu, ông bạn nhà giàu đến từ giã bạn, thấy bạn mình đang nằm ngủ mê vì say rượu, quần áo rách mướp, xốc xếch. Quá thương tâm, ông móc trong túi lấy ra một hòn ngọc quý nhét vào ché áo bạn mong rằng khi tỉnh dậy bạn mình sẽ thoát ra được cảnh túng thiếu. Sau cuộc hành trình xa trở về, vội vàng đến thăm bạn, ông lấy làm ngạc nhiên thấy bạn mình vẫn sống nghèo khổ như xưa. Hỏi ra mới rõ bạn mình không biết là có hòn ngọc quý trong ché áo.

Thật tội nghiệp, tôi nào có khác ông bạn nghèo, có hòn ngọc “Tỉnh Thức” mà lâu nay như người ngủ mê, thỏa mãn với những thú vui hời hợt nông cạn giới hạn trong giác quan và suy nghĩ, không nhận ra khả năng thật sự của con người như tảng băng trôi ngoài biển khơi, phần to lớn chìm sâu dưới mặt nước, đã bị lãng quên và chỉ sống bằng phần nhỏ bé nổi bên trên mặt. Từ đây tôi và bình nhân sẽ thực tập, sẽ từ từ vén màn vô minh che phủ để cùng nhau có dịp ung dung trên con đường “sinh, lão,

bình, tử” với một tâm an nhiên, tự tại, rộng mở, trong sáng, một tâm cảm nhận sự vật đúng như nó là, một tâm hoà nhịp cùng vũ trụ.

Tháng V, 2002

.

Toại Khanh

Nụ cười Tuyết Lãnh

Ba nghìn thế giới vo tròn
Nhỏ lên giọt mực chỉ còn trang thơ

Dấu tích

Mười năm sau giữa tịch liêu
Vết người...là một mái lều vắng không

Chỉ là

Và chỉ là hạt bụi
Một hôm bỏ về xuôi
Đêm nào trên mái phố
Nhớ non xưa ngậm ngùi

Tên Mình

Mười năm xóa dấu trên thân phận
Vẫn cứ mù khơi một cội nguồn
Đã là mây trắng không cố quận
Những vui buồn thôi cũng mù sương

Nguyễn Lê Uyên

Bão xa

(tặng Phạm Văn Nhân những ngày ở trại)

Nửa đêm, Ngọ bật ngồi dậy, lúi từ hóc sạp chai rượu lừng nửa, giờ cao ngang tầm mắt, giầy lát nghe than: “Đất trời đến buồn thảm, sứt sùi, rìn rít như bà già khóc chồng”. Tiếng than của Ngọ rớt sau cây đèn hột vịt vụn thấp ngọn. Gian sạp tối âm u, Bóng Ngọ mờ nhạt, lay lắt trên vách, không rõ nét, gần tiếp vào những cuốc, xẻng, xà beng và những vật dụng linh tinh khác chất chồng sát vách.

Nghe hấn lảm nhảm, thăm thì, nhưng Trọng vẫn nằm im trên những thanh mò o đập bẹt ra làm vạt, nghe bằng nửa lỗ tai, không nhúc nhích. Gió đập lật phật trên tấm bạt nhựa, bao quanh trại. Thỉnh thoảng vài hột mưa hòa theo giỡn múa lớp cộp rồi biến mất. Mưa và gió không dữ, chỉ hiu hiu, lắc cắc như tiếng trống chầu ở đám hát bộ, ai đó đang đánh rao, đã mỏi tay. Những người nông dân có kinh nghiệm gọi đó là gió rao báo bão, bão xa, không biết sẽ đổ ập tới lúc nào.

Lúc xế chiều, khi dọn dẹp lại căn lều, Trọng thấy ông chủ thầu móc túi xìa cho Ngọ năm chục bảo “đạp xe ra chợ mua cuộn dây nylon về néo bốn góc bạt, che ximăng khỏi bị ướt”. Ngọ cầm tiền thót lên chợ ngay. Thay vì mua dây, hấn mua cặp vịt và mấy chai rượu. Và thay vì cột néo dây, hấn lăn mấy hòn đá to gần đó, đè kín lên chung quanh tấm bạt, phúi tay đứng chữi thề: “Đù má, dây nhợ thì ăn thua gì với bão. Phí. Để tiền uống rượu còn sướng miệng hơn”. Lúc ngồi nhổ lông vịt, Ngọ còn chữi luôn cả Trọng: “Ông thì dẹp mẹ nó cái sĩ đi. Mình đi làm thuê để kiếm sống chứ có đi ăn cắp, móc túi ai

đâu mà lúc nào ông cũng làm bộ làm tịch”. Rồi hấn lên giọng triết lý: “Nghĩ cho cùng, ở đời chẳng có cái nào cũng xách đi để làm thuê cho những thằng có tiền cả. Công chức thì làm thuê cho nhà nước, cho dân. Còn như ông và tôi đây thì đang làm thuê cho thằng đi bợm này, việc có gì phải kè né như chó sợ roi chủ nhà. Ông nên nhớ rằng cuộc đời không phải cứ thế mà trôi qua. Rồi cũng sẽ có ngày mình làm chủ, mình giàu có như ai”. Ngộ nói, Trọng chỉ im lặng nghe, không cãi. Riêng khoản này, hấn va chạm nhiều với cuộc sống, từng lên voi xuống chó. Có lúc hấn cũng đã là ông chủ nhỏ, vì vút trên xe riêng, cũng biết nấn bóp nhân công dưới tay; nhân tình, nhân nghĩa với nhiều loại đàn bà con gái khác nhau. Nghĩ và không kềm được, Trọng bật cười lục khục trong cổ. Ngộ dừng tay: “Ông cười gì? Tôi nói như vậy, không phải hay sao?”. Trọng giả tảng: “Phải. Chỉ thấy hồi chiều hai con vịt còn ngoác mỏ kêu lạp cạp, giờ nằm im một phép dưới tay ông”. “Trời đất! Vậy sao không đi tu?”. “Tu không xong. Không có duyên đến cửa Phật...”. Ngộ bắt quàng, lên giọng: “Thấy chưa? Cuộc đời đầy dẫy yêu tình. Người quay ra ăn thịt người rồi đeo mặt nạ giả bộ nhân từ, rao giảng đạo đức cho thiên hạ. Tôi đã từng chứng kiến, từng sống với bấy quỉ dữ đó nhiều như kiến. Ngán tận xương tủy. Hiền lành, chân chất như ông có ngày chúng nhai sống nuốt tươi chứ chẳng chơi!”. Trọng chưa từng bị ai ăn tươi nuốt sống, kiểu như Ngộ nói, chỉ mới đứng ngoài mà nhìn cũng đủ ngán ngẩm và mệt mỏi nhiều, chứ không cần đợi tới Ngộ nhắc lại trong không khí hào hứng vì sắp sửa được nốc rượu vào bụng. Như nhiều người nói, Ngộ vừa thuộc loại lưu manh có hạng, vừa như con tắc kè biết ẩn mình trong lùm cây. Trọng không tin, và cố hình dung Ngộ là một người tốt, không thuộc loại bỉ ổi một cách quá đáng. Hai năm trước, Ngộ trúng thầu xây dựng nhà máy sản xuất bao bì cao su với giá rẻ, rẻ đến cả bên chủ đầu tư

cũng phải tự hỏi: tại sao hấn lại làm thế? Ngộ thấy tay nghiêng người sang cái đám ngu ngơ: “Lũ khốn đó thì biết cái đéo gì. Chúng chỉ muốn mình trúng giá cao để có cớ móc túi mình. Một công trình tám chín trăm triệu, thì cũng phải ới ra hơn trăm, bảo sao chất lượng được. Mà làm cho tốt thì sao nó có thể nhanh chóng hư hỏng để dỡ ra, làm lại? Có làm thì mới xơi lụi được. Chỉ cần tiền, chẳng biết từ đâu rơi xuống”. Nếu như lời Ngộ nói, thì hấn cũng chỉ là kẻ làm thuê đánh mướn, và có đủ mách khéo để móc hầu móc họng thiên hạ. Và vì vậy tay chủ đầu tư đã không ngần ngại trả đũa bằng cách thanh toán cù cựa, cù nhây, nay một chút, mai một ít, đủ để vào quán thù tạc, chén anh chén chú với bạn bè anh em. Và rồi hấn sập tiệm như đã được báo trước.

Trọng và Ngộ không phải vào loại thân thiết. Tình cảm ở dưới mức vừa phải. Nhưng hấn hàm ơn anh nhiều. Nhiều nhất là chuyện nửa đêm gõ cửa cầu cứu đến nhà thanh minh dùm với vợ con chuyện mèo mả gà đồng của hấn. Bụng dạ anh luôn nghĩ tới những điều tốt cho mọi người nên không nỡ chối từ. Hậu quả là vợ Ngộ bắt đầu nhìn anh bằng cặp mắt của kẻ đồng lõa, tội phạm, còn Ngộ thì luôn miệng: “ông là vị cứu tinh của đời tôi”. Cái ơn ấy, không ngờ hấn để bụng, chờ dịp trả. Vì vậy khi thấy anh nằm chèo kheo ở nhà, hấn rủ rê: “Làm cứt gì mà buồn bã thế. Thất nghiệp thì khối thằng ra đấy chứ đâu phải mình ông? Chịu khó ra quán cóc tán phét vài bữa là có chuyện làm ngay”. Trọng cười: “Làm như thể mấy cái quán cóc đó là trung tâm tìm kiếm việc làm không bằng?”. “Đúng vậy. Đủ thứ chuyện trên trời dưới đất đều xuất hiện mỗi sáng. Ông muốn biết thằng Mèo xích cuội thằng Do Thái xơi gọn Palestine ra sao cứ tới đó. Các tay ấy bình luận chuyện Mỹ, Iraq còn tài tình hơn các nhà chính trị, rồi nào là mấy tay đại gia dẫn đầu vào phòng ngủ bị đám các bà đánh ghen ra sao, cứ ngồi đó mà nghe”. “Vậy thì có chuyện khỉ gì để làm kiếm tiền

kia chứ?”, anh hỏi. “Ông ngu bỏ mẹ, xin lỗi, ông chẳng hiểu gì tất. Đâu phải toàn chuyện ba lằng nhằng đó. Chán chuyện thế giới, chuyện xe cán chó, chuyện bà này nhảy rào ngủ với ông nọ ra sao, chúng lại quay ra nói chuyện làm ăn, mảnh mung. Nhờ vậy ta mới có được thông tin để mò tới. Mấy cái quán cóc đó là những hãng thông tấn vỉa hè đó ông ơi. Bỏ ích và đáng tin cậy lắm”.

Anh cứ tưởng Ngọ nói cho có nói, không ngờ sau đó ít hôm, Ngọ lò dò chân thấp chân cao đẩy xe vào cổng, nồng nặc mùi rượu: “Nè, ông có chịu đi với tôi không? Xa một chút, hẻo lánh, nhưng được cái khá tiền. Ngày đổ đồng sáu chục ngàn, mà việc thì nhàn nhã”. Anh hỏi việc gì. Ngọ nói: “Làm bang bù, khuân vác vật liệu xây dựng. Nói là khuân vác bang bù, chớ thiệt ra là cho xuống xe cút kít, mình chỉ đẩy sơ sơ ra bãi xây dựng thôi, là cái tay chủ thầu nói sơ qua vậy; mà có khi thấy bản mặt ông, hấn không để ông làm vậy đâu. Hấn còn trẻ và biết điều. Từ kho ra tới nơi thi công không đẩy vài trăm mét. Tôi quen với tay đó. Để tôi nói với chả, ông làm đốc công, chấm công, ghi ngày công thôi. Dầu gì bụng ông cũng đầy chữ nghĩa, chả đang cần người như ông”. Nghe Ngọ rủ rê, coi bộ có thể kiếm tiền dễ dàng, anh giải thích vắn tắt với vợ mấy câu, rồi thu xếp mớ áo quần cũ nhét vào túi xách, ngồi sau yên xe để Ngọ đèo đi.

Việc đầu tiên anh làm ở cái công trình Ngọ giới thiệu là chặt đá bỏ vào chiếc thau nhựa to hơn cái thùng, bưng đặt gần bàn nhậu: rót bia, thay đá cho một nhóm gần chục người, như một tiếp viên nhà hàng thực thụ. Cái đám ấy còn trẻ. Trẻ hơn anh đến vài chục tuổi. Nhưng ở đây, họ là những ông chủ. Khi làm xong một khúc việc, anh trở ra ngồi trên đồng đá chểnh mảng nhìn xuống phía lòng hồ khô khốc, đang chờ xây để chứa nước, dẫn vào mấy đám ruộng cháy nắng phía bên kia dãy núi đá vôi. Thỉnh

thoảng có tiếng gọi ra lệnh: “Hày, cho đá rót bia chớ cha. Bộ tính lên đây làm thơ hử?”. Những tiếng cười lục khục cuốn bước chân sườn sườn của anh liêu xiêu về chỗ đám đông. Họ không màng để tâm, coi anh như một người được tạo hóa phân công làm cái việc phục dịch cho họ. Mọi người cắm đầu uống bia như những con lạc đà đi trong sa mạc nóng rát hàng tháng trời, chưa được giọt nước nào trong cổ. Ngồi bên mép góc bàn, bộ dạng nửa như người dưới tay, nửa như đồng sàng. Cả đám cúi mặt mà uống và nói những chuyện trời đất đầu đầu. Mãn, họ khật khưỡng kéo nhau ra chỗ ngày mốt sẽ thi công hoa chân, múa tay, ôm nhau cười ha hả, rồi leo lên đóng kín cửa xe, đông thẳng, bỏ lại phía sau một đám bụi đất mù mịt cả góc rừng. Trọng lững thững thu dọn lon ống vắt bữa bãi xuống nền đất mà không biết mình đang làm những phần việc gì tại chốn này? Những chiếc lon rỗng bẹp dúm, queo queo, không còn chiếc nào nguyên hình dạng: có chiếc hai đầu thun lại như bánh xe đồ chơi con nít; chiếc bẹp dúm khúc giữa, chiếc vặn xoắn như thể chúng là nơi để các tay trẻ kia trút bỏ nỗi bức tức gì đó. Thấy anh ngơ ngác, bần thần trước đồng bãi bia, Ngộ bước lại vỗ vai: “Xong xuôi cả rồi. Ông được nhận việc từ hôm nay. Lương công nhật khởi điểm ba mươi ngàn đồng ngày. Công việc như tôi đã nói. Còn trong quá trình làm việc, ông khá lên, mọi chuyện suôn sẻ thì sẽ tăng dần. Bữa nay chỉ là buổi ra mắt, OK?”. Hà, chặt đá, rót bia cũng là cách thể hiện chút tài mọn trong buổi đầu thử việc đối với một lão già, anh nghĩ bụng một cách cay đắng,

Nhìn bản mặt căng căng của Ngộ, Trọng linh cảm sẽ có chuyện không hay, không biết sẽ đổ xuống đầu ai, anh hay Ngộ. “Sao? OK chứ?”. Không “OK” với hấn sao được khi anh đã giải thích với vợ con rằng: ba bốn năm nay cứ phải ngồi rờng ở nhà cũng đã thấy ngán. Đi với Ngộ như cái cớ cho đầu óc thanh thản, kiểu đổi gió; ngồi

ngón mãi đóng sách tây tàu đến nhàu nát, mấy đĩa nhạc cũng bắt đầu sườn sượt, giừn giựt, rột rẹt đến thê thảm. Nói chung là chân tay, đầu óc thừa thãi, rỗng nhiều. Vợ anh không ngăn cản, cũng không khuyến khích, chỉ nói một câu nhỏ nhẹ: “Ông hãy coi chừng Ngọ, tay đó không vừa đâu”. Trọng trấn an: “Bà yên tâm, tôi cũng đã trọng tuổi rồi”.

Và giờ này Trọng đang ở một xóm rừng cách xa làng xóm; đêm nằm nghe gió lướt thướt réo trên ngọn cây, chim thú cất tiếng rê dài như than, như oán; muỗi mòng vo ve suốt đêm ngày, đôi lúc cũng cảm thấy thanh thản, như bước lui dần ra khỏi chốn tục lụy trần ai, đôi khi cũng thấy hiu hắt như bị bỏ rơi, bị tù đày biệt xứ.

Ngọ thì bình thản như không, có lẽ hắn đã quá quen với những cảnh ngộ như thế này, chai lỳ, trơ trác, trơ đến độ khi tiếng máy xe chìm khuất bên kia đèo, Ngọ phun bãi nước bọt chửi: “Đù má chúng sẽ biết tay ông, còn bao nhiêu chửi, nem chua chúng đều tẩm bỏ lên xe. Bần tiện đến thế là cùng. Việc lớn không tiếc lại đi tiếc chuyện vặt. Rõ cái giống đàn bà nhà quê, dơ dáy”. Ngọ lờ đời, chú ý đến từng chi tiết một. Anh thấy trong đôi mắt Ngọ hình như đang bắt đầu lóe lên một tia chớp hằn học, dữ dội; bắt đầu những toan tính kiểu nợ đời. Anh biết phận mình, không buồn nghĩ ngợi lung tung như Ngọ. Bởi mọi chuyện đến với anh đều khá đột ngột. Ngay cả chuyện đột ngột bùng nổ như nổ bom nổ mìn lần đầu tiên được thử thách để được công nhận làm người thực thụ.

Ngoài kia, thỉnh thoảng gió lại rít lên trên ngọn cây, rồi đột ngột im bặt.

Ngọ kéo cổ chân anh:

- Ông Trọng, dậy đi. Gió hiu hiu, ghê bỏ mẹ. Bão sắp tới rồi đấy!

- Tới thì mược kệ nó, tôi với ông có cần được đâu?

- Sao nghe ghê quá đi mất, Thà là ằm ằm lên hay không là gì cả. Đằng này cứ hiu hiu nặng trĩu, vẻ như cầm tảng

đá to sắp sửa xán xuống đầu tụi mình vậy. Dậy đi, làm hợp rượu lấy tinh thần chống bão!

- Chống với chả chế – Trọng gắt – Hồi chiều ông bảo đề cứng bặt phủ xi măng rồi còn lo nỗi gì?

- Không phải chuyện đó. Xi măng khô ướt thì dính dính gì tới mình. Có điều tôi thấy như trời đất sắp sập tới nơi rồi. Sập thiệt chứ chẳng chơi!

Trọng quay mặt vào vách:

- Vỡ vắn.

- Ông dậy mà lắng tai nghe này. Nó ùng ùng, ục ục xa lắc như đau thắc, như giận dữ, chực trút xuống đầu mình. Kiểu ề ạch, khuông khuổng của đàn bà lần đầu tiên đau đẻ, mắc cỡ, không dám rên la!

Trọng nghĩ: hần cũng có đầu óc, cũng biết liên hệ, véo von ra trò, bèn nhỏ nhẹ an ủi:

- Khéo tưởng tượng.

Tuy nói cứng, nhưng bụng dạ vẫn thấy lo lo, không biết bão tới thiệt thì vợ con ở dưới xuôi sẽ xoay trở ra sao. Chái nhà sau đã rệu rã, lở mà sập xuống... Nghĩ và anh ngồi bật dậy, hươ chân xuống nền đất tìm đôi dép. Ngộ xìa ly rượu về phía anh, nói:

- Làm một ly lấy tinh thần.

Trọng gạt tay Ngộ và bước ra ngoài. Trời đầy sao, không gợn mây. Bầu trời không đen, không xanh, không xám mà tái tím, hâng hâng đỏ trong nền đen thẫm đến quái dị của một thế giới nào lạ hoắc, treo lơ lửng trên cao. Cây cối đứng im phăng phắc như những chiến binh trước giờ xung trận. Tất cả đều căng thẳng.

Ngộ theo ra, đứng sau lưng tự lúc nào, lên tiếng:

- Hay mình bỏ quách, dông về dưới, ở đây biết nhà cửa thế nào?

- Muốn đi cũng không được. Người ta đã giao việc cho mình, không thể bỏ nửa chừng.

- Vậy ông ở lại. Tôi về.

- Đi đâu giữa rừng núi khuya khoắc thế này? Gần bảy

chục cây số chứ ít sao? Rồi nửa đường bão đổ tới ông tính sao?

- Bụng dạ tôi không yên. Như ngồi trên đồng lửa.

- Biết thế.

Ngọ quay trở vào lều. Còn một mình, Trọng đứng ngó trần ra phía bờ hồ sâu hoắm, tối đen. Những tảng đá nhấp nhô. Những lùm bụi lúp xúp ven bờ trải thành hàng dài trong bóng đêm, tối nhờ nhờ nom như những hình nhân đứng dạng chân cầu khẩn thánh thần. Xa hơn, dãy núi đá vôi quẹt hình vòng cung, nhô thẳng lên cao, ngạo nghễ. Những âm thanh ùng ục đầu đó xa lắc vọng về rất mơ hồ. Rồi tiếng miễn tác gọi bầy hoảng hốt, xé rách màn đêm. Tiếng dội gờn gợn, kéo dài trườn men theo các hóc núi làm đầy thêm nỗi bồn chồn, nao nao. Anh cứ đứng như vậy và nghĩ miên man cho tới khi bầy gà rừng te tát trong rừng sâu.

Trời sáng dần. Phía đông, một quãng đỏ bầm núp sau đám mây màu tro lửa. Vài hột mưa rớt lác cắc trên đầu không ướt áo rồi ngừng bật. Có lẽ bão đang tới thật, anh nghĩ bụng, lan man tới chuyện tay chủ thầu kia có lo lắng gì đến hàng chục tấn sắt thép, xi măng phơi trần trên bãi, có thể bị gió đánh bật, sũng nước? Giờ này vợ con ra sao nhỉ? Và những chủ nhân của những căn nhà ọp ẹp, xiêu vẹo? Những kẻ ở gầm cầu, vỉa hè?

Trọng buồn bã trở về lều nhóm lửa. Những que củi đốt nổ lép bép, xô bóng anh nhảy múa chập chờn trên vách bạt nhựa.

Ngọ thì đang khoanh tròn trên tấm vật, thù lu tựa con trăn no mồi.

Trời sáng bảnh. Mây vẫn vũ đến giữa trưa thì tan dần rồi bật nắng. Gió hiu hiu ve vẩy trên những cành lá rừng. Bão xa dần và chuyển hướng đầu đó. Bão đi về hướng nào, thì ở đó không ai mong đợi, nhưng dẫu sao nó không trút những tai ương xuống nơi này đã là điều phúc cho mọi người.

Sau buổi lễ khởi công, với những nghi thức cần thiết phải có, những ngày tiếp theo, nhân công bắt đầu ùn lên công trường. Xe xúc, xe lu... bò lổn nhổn trong lòng hồ, loay hoay như những con bò cạp trong chiếc chậu đất. Khói bụi mù mịt cả một góc rừng. Ngọ được tay chủ thầu giao việc chấm công và giám sát công trình. Trọng chỉ ngồi trong kho ghi chép nhập xuất vật liệu. Công việc khá nhàn nhã, trôi chảy, nên anh có đủ thời giờ để nghe và quan sát mọi chuyện chung quanh.

Thông tin đầu tiên phát ra từ miệng Ngọ:

- Cùng với đám lu, xúc, tải... ở mé bên kia đường, chỗ đám cây và bằng lăng đó có bốn cái quán vừa dựng lên sáng nay. Hấp dẫn.

- Thì cũng cũng chè nước, bánh kẹo bột ngọt, mắm muối...

Trọng nói chưa hết câu, Ngọ đã chặn lại:

- Ông như đứa con nít. Ba cái thứ ông nói chỉ là chuyện vặt, chuyện đời thường. Tôi muốn giới thiệu ông cái khác kìa.

- Khác gì?

- Nữa, ông lại ầm ớ hội tề nữa rồi. Nói mẹ nó ra, đó là khoản các em. Một đội quân môi son, má phấn, nước hoa thơm phức đang chờ phục vụ phe ta. Cũng có bia bọt, đèn ngọn xanh ngọn đỏ, mờ mờ ảo ảo và những thứ chỉ có bóng tối mới biết được. Cuối tuần, nhận tiền công, tôi đưa ông ra đó chiêu đãi một chầu mồng.

- Thôi, dẹp đi, tôi không ham. Tiền bạc kiếm từng đồng chưa đủ nhét bụng còn bày vẽ này nọ. Liệu hồn, lần này vợ ông mà biết thì đừng hòng kéo tôi nói đỡ.

- Chuyện của tôi, ông khỏi lo - Nói và Ngọ bỏ đi.

Anh nghĩ Ngọ nói cho có chuyện nói, nói để khoe sự hiểu biết, lém lỉnh của mình. Không ngờ mấy ngày sau,

một cô gái chừng trên ba mươi, không xấu, không đẹp, nhưng rất có duyên mờ đến ngay chỗ lán trại chứa vật liệu. Trọng quan sát cô ta: không thấy bôi son trát phấn. Mái tóc dày, đen thả lưng lửng dưới vai, có vẻ nhà quê, chơn chất. Ban đầu anh cứ tưởng là công nhân của công trường, bèn hỏi, giọng cha chú:

- Ở đội nào mà giờ này còn lững thững như dạo chơi vậy, rảnh dỗi ư?

Cô gái rụt rè:

- Dạ không. Chú cho hỏi thăm: anh Ngọ ở chỗ nào chú hả?

- Cô tìm Ngọ?

- Dạ.

- Hẳn xuống lòng hồ. Giờ này đông đúc, biết tìm đâu ra. Cô cứ nhẫn nại.

- Dạ, thôi cũng được, để khi khác – nói và cô ta cảm ơn lí nhí trong cổ rồi quay đi.

Ba chiếc xe bọc bịch trở tới cùng một lúc, chìa ra lệnh xuất kho. Tay lái xe có bộ ria cong vênh, nháy mắt:

- Bố khá đấy. Già vẫn còn duyên nhớ! – Nói và hẳn vỗ vai anh.

- Cậu nói gì cơ?

- Con nói bố vợ được một em xinh nhất chốn này!

- Em nào? – Tôi hỏi.

- Thì em vừa nãy, vừa tâm sự với bố ấy. Bố còn giả bộ.

- Láo. Cô ta tìm Ngọ...

- Hà, cái lão chết tiệt...

Những chiếc xe nhận hàng quay đi, ném trả lại chỗ anh đứng một đám bụi mù mịt, như thể anh đang ở trong chốn mê cung. Thôi rồi, cái tay Ngọ này, anh lúng búng trong họng, nói không thành tiếng, giật mình chui vào lều, rút trà ra chén mà không hề đụng tới.

Đám lái xe đồn um lên rằng, mới mờ sáng cái ông Trọng già còm, râu tóc xồm xoàm như giống người hoang dã, đã được cô em ở gốc bằng lăng vào chăm sóc. Cứ mỗi

lần lặp lại thì chúng thêm thất vài chi tiết giạt gân hơn, đến độ anh phát cáu với Ngọ trong bữa ăn chiều:

- Ông thì lúc nào cũng mang tai họa tới cho người khác.

Ngọ phẩy đôi đũa đang cầm trên tay:

- Ui dào, ba chuyện tầm phào, cho nó vui, đã chết chóc ai đâu mà ông la toáng lên vậy?

- Chưa chết thật, nhưng tôi đây không quen cái cảnh đó.

Ngọ lúng búng miệng cơm đầy:

- Rồi sẽ quen dần, cảm thấy vui nữa...

- Vui cái con khỉ.

- Con nhỏ đó không như ông nghĩ đâu – Ngọ thêm – Coi vậy mà tình nghĩa, không như tụi chó má kia đâu.

Trọng bỏ mạnh chén cơm xuống mặt bàn gỗ sần sùi, bước ra ngoài với tâm trạng rệu rã mệt mỏi tận cùng.

Chiều xuống thấp dần rồi đen thẫm, chỉ còn nhìn thấy những ngọn đèn leo lét nổi lên quầng sáng mỏng manh từ các lều trại của nhân công quanh khu lòng hồ. Những âm thanh không rõ ràng dội lộn cộn như lớp sóng nhỏ xô dạt bờ kè. Ngồi trên đồng đá lổn nhổn, anh cảm thấy gai lạnh nơi sống lưng, không phải nổi run sợ mà như là sự hoảng loạn tâm thần khi Ngọ phun ra “... cảm thấy vui nữa”. Anh bắt đầu run lật bật. Lát sau Ngọ trở ra, miệng phì phèo đốm thuốc lá cháy đỏ, lập lòe như ma trời:

- Xin lỗi ông chuyện hồi nãy. Tôi cứ tưởng ông đến chốn này ... mà ông làm sao vậy? Thôi rồi, ông bị sốt rồi – Nói và Ngọ vực bạn đứng lên, kéo vào lều.

Chưa bao giờ anh bị lạnh như lần này. Lạnh từ ruột gan lạnh ra; cả chân lông, chân tóc cũng run rẩy, răng gõ lập cập. Hai hốc mắt như đóng băng. Ngọ lôi tất cả những gì có trong lều đè đắp lên người, mền, chiếu, bạt nhựa và hình như cả những bao xi măng rỗng nữa. Vẫn không ấm lên mà càng như bị ngâm sâu dưới đáy thùng đá. Ngọ chạy đi đâu đó rồi lại trở về, cạy răng anh đồ vào thứ chất lỏng đắng ngắt.

Qua cơn lạnh dữ dội, khắp người lại nóng um như bị bỏ

vào chảo rang cát. Trọng hất tung tất cả những thứ đập chụp lên người. Cổ họng khô đắng. Ngó xách bình nước kê vòi vào miệng anh, lầu bầu:

- Bỏ mẹ, ông bị sốt rét thiệt rồi!

Ngọ nói gì đó nữa, tiếng nói như những viên sỏi nhon hoắc tự trên tầng cao liệng xuống, đầu đau buốt, mắt hoa lồi, đẩy anh vào nơi chốn tận cùng tối tăm, tận cùng uế khí.

Không biết đến ngày thứ mấy thì Trọng mới tỉnh lại. Khi mở được mắt ra, căn lều vắng ngắt như thể nơi này chỉ có mình anh tới cất lều để chạy trốn ai đó. Trọng cố ngẩng đầu, xoay nghiêng ra phía bên ngoài, nhưng thấy người nặng trĩu, ê ẩm. Mọi vật trong gian lều liên hồi nhẩy múa, không định rõ. Đầu ong ong. Hai tai cứ vo ve, lít chít như chiếc radio phát trật tần số. Những âm thanh ấy còn khó chịu hơn là lạnh hay nóng tới tột cùng lúc trước. Trọng phát hiện có mùi gì đó như mùi khói củi bay ngược về phía anh, không thơm nồng như khi anh tự nấu cơm đun nước mấy ngày trước mà hăng hắc, khai nồng mùi nước tiểu trẻ con thấm lâu ngày dưới nền đất. Tiếng lao xao từ rất xa vọng về mơ hồ. Không rõ đang giữa trưa hay chiều, hay sáng?

- Chú ngồi dậy, uống chén thuốc – Giọng đàn bà cất lên.

Trọng hé mắt ra, nhưng chỉ thấy khoảng trống đen. Cái giọng kia lại cất lên:

- Chú ráng ngồi dậy – Nói và cái bóng đen chập chờn ấy đỡ xốc đầu Trọng dậy, kê chén thuốc, vỗ về như dỗ dành đứa em nhỏ.

- Không đắng đâu. Thuốc của đồng bào dân tộc. Toàn rễ cây và lá rừng, hơi nhân nhẩn thôi. Chú uống hết ấm này là thấy đỡ ngay mà.

Trọng ực một hơi rồi ngã phịch chiếc đầu nặng trĩu xuống gối làm bằng thân gòn kê thêm lớp áo quần. Tiếng bước chân lệt xệt xa dần. Trọng thiếp đi, cho đến khi có bàn tay mát lạnh đặt lên trán và tiếng reo, vui,

trong như tiếng trẻ thơ:

- Mát rồi, chú mát rồi. Chú ngồi dậy húp chén cháo rồi uống ít ấm nữa là khỏi ngay – Vẫn cái giọng quen thuộc cất lên.

Lần này thì Trọng mở được mắt, nhìn được rõ ràng mọi vật chung quanh. Cô gái đang đứng bên mép vạt, sát dưới chân anh chính là cô ta, người đã tìm hỏi Ngọ.

- Tôi bị đã mấy ngày rồi? Ngọ đâu?

- Li bì gần cả tuần. Chú mê hoảng la khóc làm cháu sợ hết hồn. Thuốc của đồng bào hay lắm. Anh Ngọ vừa làm phần việc của anh, vừa thay chú xuất kho, nên cứ chạy lên chạy xuống hồ. Chú húp chén cháo kéo nguội. Mấy ngày rồi chú có ăn uống gì đâu.

Trọng gượng ngồi dậy, dựa lưng vào cột lều bằng cây rừng, hai tay run run đỡ chén cháo. Tay run quá làm cháo sánh ra ngoài.

- Chưa được, chưa được. Để cháu – Nói và cô ta bưng chén bốn từng muỗng nhỏ cho người bệnh, kiểu mẹ chăm sóc con.

Ăn đâu hơn ba bốn muỗng, tự dưng nước mắt Trọng chảy ra. Anh chống hai tay xuống vạt, không hiểu tại sao mình có thể khóc dễ dàng như vậy? Và vì cơ gì? Trọng thấy ban đầu cô ta có vẻ hơi ngạc nhiên, bối rối. Rồi như không thể kềm lòng, nước mắt cô cũng chảy xuống, lặng lẽ. Những giọt nước mắt lăn tròn của một già, một trẻ nơi góc rừng heo hút, bụi tung ngất trời.

Ý Yên

Màu xanh cho quê hương

Hãy mang về nữa, chim lành
hãy tha về nữa một cành ô-liu
trong cơn đau xót trăm chiều
chờ xem nước đã xuống nhiều hay chưa?

Chim ơi theo gió ngàn xưa
xin một lần hỏi: còn mưa, quê mình?
cho người sau chuyến phiêu linh
tìm về trong một bình minh khả hoàn

Chim ơi vỗ cánh lên, ngoan
hãy đưa mầm sống tới khoang tàu này
một tàn lá, một cành cây
ngắt đi, và chấp cánh ngay trao về

Cho ta trên biển nào nề
trong cơn hồng thủy tứ bề nguy nan
cho ta biết giữa nhân gian
còn quê ta đó khuất ngàn nường dâu

Nghĩa Lộ, 7-1977
(Quà tặng Quê Hương)

Trần Yên Thảo

Trả áo

Bóng đầu chợt dẫm lên hình
con chim sâu nhỏ giật mình bay xa
áo tu trút lại chùa xa
phớt lờ tiểu đệ bỏ qua đại đồng

Tình si

Từ khi nếm trả đòn thù
đã đôi ba lượt tung dù toan đi
đâu ngờ si kẻ tình si
tôi mê muội đứng hồ nghi đất trời

Đất quê

Tạ ơn công đức muôn loài
đất vui chơi rộng đến ngoài vô biên
bây giờ tôi rất bình yên
chia trong trời đất cội riêng đất trời

Gương thiên cổ

Hóa từ bóng gió hình sương
tóc thiên thu xoa trước gương Vân đài
non cao đơn độc dài dài
tình em khuất núi từ ngày sơ sinh

Phàm tình

Núi khai trăm mạch xuống rừng
từ vô thủy đã chưa từng đầy với
lạch nguồn cá nhớn nhỏ bơi
hóa ra cố sự ở nơi phàm tình.

Nguyễn Đức Nhon

Cuộc Hành Hương Xa

Ngõ ngang tôi gặp lại tôi
Cái thời khát sữa nằm nôi đái dầm
Vạch đường sinh tử trăm năm
Nắng chưa kịp ráo chỗ nằm nhân gian
Tình thì chưa hợp đã tan
Còn khơi nước mắt cho tràn bờ mi
Ta và em đã quên đi
Cái mùa thu chết từ khi trăng tà
Buồn vì ngày tháng mau qua
Mà đường thì vẫn còn xa ngút ngàn
Bình rượu bể đóng tro tàn
Địa ngục nằm dưới Thiên Đàng nằm trên
Ta nằm ở giữa chên vênh..!

Bài Ca Dao chiều

Dặm ngàn sông núi ngăn ngơ
Đường quanh mấy nẻo chiều tro bóng tà
Chập chờn giữa đỉnh đồi xa
Khói in mấy nóc chòi pha sắc buồn
Nắng chiều thoi thóp bên hiên
Gió ru nhẹ cánh con chiền chiện bay
Véo von giữa đất trời này
Biết đâu rồi cũng một ngày chia xa!

Đỗ Hồng Ngọc
(Đỗ Nghê)

Ta

Khi mắt mũi kèm nhèm
Là áp thấp nhiệt đới
Khi bản thân rã rượi
Là áp thấp gần bờ
Khi huyết áp tăng cao
Là bão từ nổi dậy
Từ phía mặt trời xa...

Vũ trụ chùng nhỏ lại
Còn chút xíu trong ta!

Em

Anh nheo mắt cận thị
Để nhìn em cho rõ
Tuổi dậy thì
Chỉ thấy một làn sương

Anh nheo mắt cận thị
Để nhìn em cho rõ
Tuổi chớm già
Chỉ thấy một làn sương

Anh nheo mắt đi nheo mắt lại
Chỉ thấy một làn sương
Không vết hằn năm tháng
Trên khuôn mặt em...

Dốc núi

(*tặng SB*)

Rồi người bỏ đô thành
Về dựng nhà dốc núi
Nghe róc rách Tà Dôn
Nghe rì rào Tà Cú
Những sớm mai thức dậy
Nhấp ngụm trà phơi sương
Những chiều hôm bảng lảng
Tình tang mấy nhịp đờn
Bàn bè năm ba đứa
Gối đầu vầng trăng sông
Rửa tay mà gác kiếm
Sao bằng chốn vô thường?

Cao Vị Khanh

Và em

Giữa lưng chừng hạnh phúc

Người nay xa xôi người bên kia trời

Người nay xa xôi người bên kia đời ()*

Bên kia trời. Bên kia đời.

Khi tôi cúi đầu té nhủi lên đồng giây thường bỏ bữa bãi sát be thuyền đêm hai mươi chín tết năm đó, ngay chính lúc đó, tôi bỗng có linh cảm như mình vừa bước trệch ra khỏi đời nhau, mãi mãi. Ờ... mà để chừng cũng không hẳn vậy đâu. Chắc là tôi có phong phanh một điều gì đó từ mười lăm hai mươi phút trước, khi trong đêm mù mịt bỗng nghe một tiếng nấc nhỏ, của em. Tôi đã dò theo bóng tối với tay bóp nhẹ lên vai em. Đầu xương vai lạnh ngắt. Không đứng mà tôi tưởng như em không còn đó nữa. Ở bên tôi, chỉ là một cái gì đang lao xao... rạn vỡ.

Trong chòi lúc đó còn thêm mấy người khách khác. Ai nấy đều ngồi bó gối lặng thinh, giường tai chong mắt rán nghe ngóng cho bằng được hết mọi động tĩnh khả nghi để chực hờ bỏ chạy. Không khí trầm trọng đến nỗi làm tôi mới vừa áp miệng vào tai em định nói một lời trấn an đã phải nín khựng. Trong bóng đêm, vừa lúc em quay mặt lại. Môi tôi trở tới cọ vào môi em, bất ngờ. Em giữ môi lại, cạ sát. Nụ hôn rất bỗng, mẫn mẫn. Mặt em ướm đầm nước mắt lặng lẽ, khóc từ bao giờ...

Hồ như có một điều gì không nói được biến thành cái hôn với, nấn nịu đến tội tình. Nghĩ vậy rồi thôi. Tôi cũng mệt đến độ buông xuôi theo lời giải thích dễ dàng nhất cho mình. Chắc tại em quá lo lắng...

Rồi người dẫn đường tới.

Em đi dựa bên tôi, bước nặng. Rồi bờ sông và chiếc ghe xấp. Bóng người lơ nhô. Đêm bịt mắt. Hàng dừa nước kêu lạo xạo. Vừa lúc tôi dang tay kéo em lên miếng ván cầu, tôi đột ngột nghe tiếng em, tha thiết như tiếng cầu kinh mà dứt khoát như lần sao rụng. *Anh đi trước...* Chơi với. Em còn nói gì nữa mà gió bạt mắt làm tôi không nghe được. Rồi người ta xô nhau ùa xuống ghe như một bầy cướp biển. Tôi vuột tay em, té nhào vào khoang thuyền, ngoi lên được thì không còn thấy em đâu... Ghe bỏ bến thật nhanh. Tôi vuột tay em, lần đó. Bãi bờ lau lách...

Bên kia trời. Bên kia đời.

Bên kia trời.

Bên kia biển, bên kia núi, bên kia sông... Ở bên kia một hữu thể nghĩa là ở bên kia một một ngăn chia hữu hạn. Nghĩa là có một bên kia để còn hy vọng.

Bên kia đời.

Là hết. Là thôi. Là mãi mãi. Đời làm gì có bên kia để ở bên này mà mong mỏi. Lỡ, trễ, vuột, mất. Hoặc có hoặc không. Chỉ một lần. Rồi thôi.

Bên kia đời là ở bên kia một định mạng. Là ở bên kia một duyên số. Là ở bên kia một hạnh phúc.

Người nay xa xôi người bên kia đời ()*

Khi tôi trở về từ một trại giam sau khi đã bị phao tin lầm là mất tích trong ngày tháo chạy, em đã lập gia đình với người bạn trai hàng xóm. Anh ta đeo đuổi em khi còn ở trung học. Nhà cửa bị tịch thu, cha bị tù đưa ra ngoài Bắc. Mẹ yếu đuối, buồn lo đến bệnh hoạn rồi mất đột ngột bỏ em lại với hai em trai nhỏ dại. Em theo lời mẹ trốn lấy chồng như một lối thoát. Nhà con một lại khá giả, anh con trai tốt bụng và hết mực say mê, bảo trọng em và gia đình hết lòng. Em bỏ đời em sống đời người khác...

Tôi trở về mà in hệt như biệt xứ. Thành phố nơi tôi làm việc năm năm bỗng trở nên lạ hoắc. Ở quê thì gia đình bị xếp vào thành phần đối tượng, anh em thất tán tù đầy, ba tôi đã nhấn dừng về. Tôi sống lây lất, trọ nhà một người quen cũ. Rồi tôi gặp lại em, một buổi chiều khi đang đi vác mướn cho vựa trái cây, gần khu chợ cũ. Bên kia đường, con nằng xế nhuộm tóc em vàng hoe, áo bà ba bằng vải phin trắng, chiếc quần sa-teng đen gió thổi ngược dán sát cặp chân dài rù quến, đôi guốc đông thô không giấu được vẻ kiêu sa. Em gọi tôi. Tiếng kêu hốt hoảng vượt ra từ một quá khứ bí bùng, ra bộ bình tĩnh lắm mà sao tôi nghe được trong đó hết cả những xôn xao.

Buổi chiều đó, trong chiếc quán cóc xập xệ che nghiêng một bức tường vôi lở, giữa hai ly chanh đá, chúng ta đã cố tình giải bày hoàn cảnh riêng của mình mà thật ra có ai tra vấn gì ai đâu. Em đã giải thích cuộc hôn nhân của em. Tôi đã biện minh cho sự tránh mặt của mình từ khi trở lại thành phố cũ. Làm như gặp lại nhau, cả hai đều tự thấy có lỗi dù không ai bắt bẻ ai điều gì. Làm như cả hai đã phạm phải một lời nguyên nào đó dù suốt mấy năm quen biết nhau chưa ai kịp nói một lời hẹn thề nào hết. Tôi nói, giả cười. Em vừa nói vừa khóc. Giọt nước mắt kềm giữ vụng về thả lăn trên gò má đỏ hồng, đọng lại như một giọt sương lẻ muộn. Em kéo sụp chiếc nón lá. Nắng ngoài kia bỗng chợt xiên ngang làm ửng sáng mấy hàng chữ lộng. Một câu thơ của ai đó.

Chân người có vui những chiều cuối phố

Chân người có nguôi những chiều mưa rơi ()*

Ở thuở đó vui thiệt em há. Em chưa tới hai mươi, đẹp mỏng mảnh như lá cỏ non và tinh anh như một con sóc nhỏ, thường đạp chiếc xe kiểu Nhật hai cái bánh nhỏ xúu chạy ngang ngôi nhà tôi ở trọ, những sớm những chiều có gió hây hây thổi ngược mở tóc em bung ra thành một

vốc tơ huyền. Dáng em thanh thoát làm nhớ con hạc gầy bay ngang vầng trăng cổ. Tôi mới ra trường, xa nhà, bất chợt thấy em lần đầu là đã muốn làm thân. Vậy mà tôi quen em cũng chỉ là chuyện dung rủ. Xe hư, tôi ngang qua bất ngờ, ghé lại gần giùm sợi giây sên trở chứng. Em áy náy lục tờ giấy trắng trong cặp cho tôi lau tay, miệng cười bối rối. Tôi ngó lên thấy da mặt em mỏng đánh, chạy lảng xãng những đường chỉ máu đỏ hồng. Rồi cặp môi em tươi rói, ướm rịn như lớp phấn hoa đọng sương, hai nửa vành môi trên đầu lại đều đặn y hình trái tim vẽ khéo. Cặp mắt pha màu hạt dẻ chấp chới những tia nhìn cũng lạ. Như ngơ ngác ở đâu đâu lại như cận kề bên cạnh. Thiệt nhanh tim tôi nhảy hột một nhịp. Tự dưng tôi quên mất mình là khách lạ, thấy chừng như quen em đã lâu rồi... Em vô tình qua lại sau đó. Tôi cố tình đón đợi chào hỏi. Lúc thì buổi sáng giả đồ như có việc đi sớm khi em đến trường. Lần thì bữa trưa làm bộ về trễ để gặp em tan học. Ngày nghỉ lại thả loanh quanh mấy khu phố chợ ngóng đợi một tình cờ. Có bữa phơn phớt một nụ cười như mây. Hôm khác băng quơ mấy lời mưa nắng. Không biết cái gì xui khiến làm tôi linh hoạt khác thường. Mà em láu lỉnh cũng chẳng vừa. Cái đầu nhỏ xiu mà bén nhạy không ngờ. Em đùa giỡn chọc ghẹo tôi như chú mèo giỡn chuột. Lúc thì em gán tôi cho cô bạn này khi thì cặp tôi cho cô bạn khác. Ban đầu em gọi tôi là ông xưng tui. Rồi đổi lại gọi chú xưng tên. Rồi vượt miệng gọi anh lúc nào không hay nữa... Vậy đó, vậy đó rồi mình trở thành một cái gì rất cần thiết của nhau, gặp ít cũng thấy thiếu mà gặp nhiều cũng thấy thiếu. Em bãi trường làm tôi thấy ba tháng hè sao mà đằng đằng. Mới gặp hôm qua đã thấy nhớ ngày mai. Từ giã về rồi còn quày quả trở lại tại bỏ quên cái này hay mượn lộn cái kia. Ngày tư ngày tết tôi chần chờ đợi cho tới chiều ba mươi mới vội vã nhảy lên chuyến xe liên tỉnh chót để về quê thăm cha mẹ...

Những chiều cuối phố. Những chiều cuối phố.

Những chiều mưa rơi. Những chiều mưa rơi.

Ồ, đã có bao nhiêu góc phố chiều mình đưa đón nhau. Bao nhiêu hạt mưa còn lấp lánh tới bây giờ khi cuộc tình đã tanh. Cái gì cũng làm thành kỷ niệm hết em. Đã có lần nào em nhớ lại. Những chiều cuối phố. Những chiều mưa rơi... Ở đó.

Thành phố nhỏ như chiếc khăn tay. Yêu em, tôi yêu luôn thành phố đó, vì em. Tôi biết ơn luôn những con đường đã nhẫn nại đưa đón em khi tôi chưa tới đó. Tôi thương luôn hàng cây me già sụ đã che em mưa nắng khi tôi còn ở một chỗ nào khác. Chiếc cầu sắt rỉ sét. Lề cỏ cháy vàng. Bực thạch sập nát. Và sóng nước. Và đảo xa. Tôi thấy tôi thân thiết không sót một cái gì đã in dáng em qua, ngay từ khi tôi chưa biết. Chiếc xe bán đậu đỏ bánh lọt góc nhà bưu điện mà lần nào ở trường về em cũng ghé lại cho được, mấy cái sạp bán cốc ổi xoài chua dầm nước cam thảo vàng lừm mà lần nào đến trường em cũng tạt qua gói ghém nhét đầy cặp, rạp chiếu bóng hát nhạc Ấn Độ inh ỏi mà lần nào đi ngang em cũng háy mắt hình mũi uốn éo bàn tay giễu cợt... Tôi thấy tôi thương luôn những dãy phố lầu lầu hông chợ, những ngõ xóm lầy lội vàng hắt bóng điện câu, khu bến xe mới ám bụi đỏ như chu sa, bãi chợ chiều hoang tịch... và cả ngôi trường nằm lọt thỏm giữa cánh đồng mông quạnh... Cái gì có dính dáng chút hơi hướm em đều bắt tôi đem lòng yêu mến. Mà không yêu mến sao được. Khi khói sóng ở đó đã làm mất em hồ thu, khi gió lạnh ở đó đã làm môi má em hồng đào, khi đất đai cây cỏ mùa màng thời tiết ở đó đã làm em nhan sắc. Từ một lúc nào không biết, tôi thấy trong tôi hình ảnh em đồng hoá với phố xá, ruộng vườn, kinh rạch của một vùng đất mới đã cứu mang tôi, tên lãng tử đã vướng chân vì một sợi tóc bay hoang.

Ta thương em cuộc đời tan vỡ

Ta thương em đời cuốn theo dòng ()*

Liên tiếp mấy ngày sau, cứ gần xế em lại xách giỏ đi chợ chiều. Ngang vừa trái cây em ngừng lại hỏi thăm tôi sức khỏe mà con mắt thì ngó xuống thấy buồn còn hơn vạt nắng rớt lại ngoài bến nước. Có một lần trước khi bỏ đi em đưa vội cho tôi tập giấy mỏng mà miệng thì nói trống không. *Đọc đi rồi trả lại.* Tôi mới ngó qua em đã quay lưng, hai bờ vai còn thấy run run. Toàn là thơ tôi đã làm khi chúng ta yêu nhau. Có những câu chưa thành bài tôi đã viết bung thừa trên vách nhà trọ, trên bao thuốc lá hay trên những trang sách đọc dở dang, tôi đã quên lửng mà em đã thu góp rồi nắn nót chép lại lúc nào không hay, gìn giữ từ mấy năm nay. Tôi không khóc mà tự dưng nước mắt bỗng cay cay, không phải tại mấy câu thơ tìm lại mà chính tại sự ân cần quá đỗi của em, đã có lần vừa diều vừa dỗ tôi làm thơ *tại em muốn làm anh bất tử.* Có những bài chính tay em đánh máy rồi gửi cho những tờ báo ở Sài-gòn, rồi náo nức chờ đợi thay tôi... Cả đến cái bút hiệu cũng là do em chọn lựa bằng hai tên của chúng ta ghép lại. Tôi biết không phải tại háo danh mà chẳng qua là cái lối yêu đương tới-nơi-tới-chốn của em vậy thôi. Giống y như cái nháy mắt cho bằng được ở ngay sau lưng của mẹ vì không nỡ để tôi buồn xo giữa chợ, y như nụ hôn em nhận vùng vắng vắng đằng sau góc phố mà hai con mắt lại lim dim như để biểu tôi yên tâm. Em yêu hết mình hết mảy. Em yêu là cho là hiến là dâng. Là phủ dụ là trùm bọc. Hình như em có khám phá ra một chút tài vật nào đó của tôi và yêu luôn cái tài vật đó. Tôi không để ý tới nó thì em lo vậy thôi. Có lúc tôi thấy em còn muốn già hơn tôi nữa. Em chu đáo hơn một người vợ đã cưới xin. Lần nào gặp nhau cũng phải giáo đầu mấy cái chuyện mập ốm, rồi là chuyện thuốc men cơm nước... làm như không biết chính em mới là thực phẩm cần thiết nhất của tôi... Mỗi lượt trốn nhà tới thăm

là ba phần tư thời giờ đã lo thu vén mớ quần áo sách báo vắt bừa bãi trên sàn nhà, cột lại tấm màn cửa sổ, quét bụi cái kệ sách, thay nước thay hoa cho cái bình trên bàn viết còn nguyên mấy nhánh hoa dại từ lần gặp trước. Em đi lại, em nhăn mũi em hít hà tay em thoăn thoắt dẹp chỗ này sửa chỗ kia. Làm như em cứ sợ có một lúc nào đó tôi sẽ chìm lấp dưới cái đồng hồ độn kia. Mặc dầu em cũng thừa biết tôi có để ý gì đến cái mớ vật dụng thừa thải đó đâu. Tôi chỉ cần có em thôi. Tôi chỉ thấy tôi và em trong cái cõi riêng rất thân ái của mình.

Cái cõi riêng đó, buổi chiều đó, bỗng đâu dừng lại giữa đời, biến biệt tôi và em với cõi nhân gian. Trong lòng tôi có cơn mê hoảng nào làm mà mất. Trong một chốc, tôi bỗng quên hết, cái thế giới nhục nhằn chung quanh. Tôi chỉ còn thấy cái cõi mượt mà của chúng ta, những ngày tháng của chúng ta, những đau thương và nước mắt, những mặn nồng và tiếng cười, những nghiệt oan và uất ức... Tôi còn thấy nhiều thứ nữa, những hy vọng và những nắm mồ, những hẹn hò và những thất tán, những đường mật và những gặt gẫm... Tôi thấy nhiều thứ lắm đến nỗi mắt tôi như hoa lên trước đời ảo hóa, cả tôi và em phút chốc cũng có cũng không. Tại sao? Tại sao cuộc biển dâu này? Tại sao em? Tại sao tôi? Tại sao cuộc nghiệt oan này? Và tại sao lại là em với tôi phải chịu riêng nỗi đau chung này? Rồi... không đứng mà tôi bỏ chạy theo em. Và ngay khi chiều sắp sửa vào tối, khuất sau một gốc cồng cỗi, tôi dang tay níu em lại. Một thoáng, cả hai sững nhìn nhau... rồi buông mình vào lòng nhau... bật khóc. Em khóc. Tôi khóc. Nước mắt không kèm nữa chảy nhọt nhòa ra đêm...

Vậy rồi chúng ta đi lại với nhau, sau đó, như đời chưa kịp trở trêu. Như em chưa thuộc về người khác. Và tôi vẫn là người tình si bạt mạng. Chúng ta xe lại liền vo vòng tình bị đứt khúc tức tưởi. Mặc kệ những đổi thay và những

xáo trộn xung quanh, chúng ta tìm đến nhau tự nhiên như hai kẻ sống sót cuối cùng sau cơn hồng thủy.

Những ngày. Những tuần. Và tháng. Và năm. Khi đi xóm. Lúc tàn buổi chợ. Căn gác đậu nhờ như cái lồng chim tội tàn gá đỡ dưới mái nhà lợp tôn của người bạn ngó thẳng ra khu nghĩa trang thành phố, em ghé lại, lẩn lút như bóng chim ngoài nội. Lần đầu, cơn mưa bóng mây bất chợt, em tới như giọt nước e dè, một chút ngỡ ngàng, rồi em nhìn tôi chăm chăm, con mắt mới đó đã mừng đỏ, chợt bật khóc oà khi đặt mấy ngón tay thon suốt lên bàn tay xương xẩu bầm dập của tôi. Có một cái gì đó tương phản với những ngón tay đã có lúc búng nhảy trên những phím serenade cùng em. Em khóc ngọt ngào như nước mắt đã chực hờ đâu sẵn. Nước mắt trước chưa kịp khô nước mắt sau đã chảy tiếp lên lồng ngực tôi, nóng hổi. Đôi gò vú đã đàn bà độn hồng dưới lớp áo tơ mỏng đánh. Áo may từ thời con gái kích tà tức tưởi làm bung chiếc nút ngực, thắc thỏm. Tôi miết em sát rạt vào mình nghe da thịt râm ran mà sao thấy lòng chuỗi xuống bình an như chạm vào thánh thể. Sao tôi vẫn thấy em nhỏ nhắn, mỏng manh và trong suốt như tờ giấy pelure chép thơ ngày trước. Tôi vuốt tóc em, vỗ về em mà như vỗ về chính tôi đừng khóc. Tôi nói thầm với em mà như nói thầm với chính tôi *bên kia đời, đã bên kia đời rồi em*.

Thuở đó tôi nghèo quá, tù về theo bạn bè đi vác mướn bữa có bữa không. Lần nào ghé lại em cũng tay xách nách mang. Khi thì mấy ký gạo cho tôi nấu cháo cầm hơi những ngày thiếu việc, lúc thì xấp vải trắng cho tôi may thêm cái áo lành lặn, rồi gói thuốc Samit em mua đâu ngoài chợ trời kèm theo bịch cà phê đá những buổi trưa nắng gắt, chai nước mắm và gói tiêu sọ cho tôi gửi về gia đình khi tết nhất... Lòng em tấm mẩn như cái cò cái vạc. Mà cái lao đao nhất, em ơi, chính là con mắt bồi hồi giấu sót nỗi đam mê cay đắng. Con mắt những lần sau không khóc nữa. Con mắt chỉ lặng lẽ nhìn tôi, hàng lông

mi chấp chới cả triệu điều không nói được. Con mắt xốn xang một khát vọng bị kềm giữ đến đại người. Em đến không ngờ. Mà em đi cũng không kịp bịn rịn. Đã có lúc tôi gọi em là hạc. Như Hạc. Cái tên nghe như một thú nhận ngậm ngùi về tình trạng quẩn bách của tình ta. Em đến em đi, thấp thoáng như hạc nội mây ngàn không hò không hẹn. Mà làm sao hẹn hò cho được khi em có cả trăm ngàn thứ bốn phần chẳng buộc vây quanh. Em len lách, tránh né, san sẻ mở ngày tháng làm vợ hờ với giờ phút làm tình nhân đắm đuối. Tôi biết sự khó khăn của em, sự dằng co của em, cơn mê và hồi tỉnh. Em ghé thăm tôi, những sớm nắng những chiều mưa, điếm đạm như biết rất rõ điều mình muốn và bối rối như biết điều mình muốn là một điều bất khả. Em lao đao tội nghiệp trên sợi giây tình đung đưa trên ghẹo. Em tối hăm hở như một điều quyết đoán để khi về lại buồn tênh như lỡ sót một điều gì. Giọt mồ hôi lấm tấm dính bệt mấy sợi tóc mai rồi rã khi môi chúng ta cuống quýt tìm nhau. Và cũng chính những sợi tóc mai đó bỗng trăn trở lênh dên khi chúng ta thờ thần buông nhau ra, tê tái. Một chút gì đó của lễ thói xả hội làm kèn cựa cơn đam mê nóng sốt, nửa muốn tung hê nửa lại dùng dằng. Cuộc tình vô vọng, cần đắng nửa-ở-nửa-về làm chúng ta cứ nửa tỉnh nửa mê. Bàn tay đôi môi cứ thương nhớ giục gĩa mà những con mắt lạnh buốt ngó dọc ngó ngang ngoài đầu ngõ làm em co ro như cô bé bán diêm của Anderson. Mà lòng em thì cũng y như lòng cô bé bán diêm trong buổi chiều đông trước lễ, em cứ phải ghé lại để quẹt cho tôi những diêm lửa tin yêu trong cơn hấp hối của tình người buổi đó. Dẫu sao, đó là những cơn mơ tuyệt vời khi cuộc đời chỉ còn là ác mộng. Nhớ lắm em ơi, mấy đầu móng tay thôn thôn nửa vành nguyệt khuyết đã xuýt xoa từng vết chai sạn trên đầu vai tôi, lau khô vết máu trên từng vết trầy xước cánh tay tôi, vuốt luồn vào mớ tóc khô rối tôi mà vỗ về... Nhớ lắm em ơi, những giọt nước mắt em

đã nhỏ xuống đời tôi, cứu rồi...

Có bao giờ em nhớ tình ta

Có bao giờ gối chần nhạt nhòa ()*

Đã có lần em kể tôi nghe về những giọt nước mắt lặng lẽ trong đêm khi người chồng sức tỉnh quơ tay vò vĩnh. Và... giọt nước mắt tức tưởi ngay tối tân hôn khi lần đầu em phơi mở tấm-thân-mảnh-dẻ-đã-hứa-giữ-cho-tôi cho một-người-không-phải-là-tôi. Cơn đau xé thịt còn râm ran hoài như một nỗi tiếc không thôi. Em nói mà mắt nhìn thẳng tôi, trời ơi cặp mắt ba đào làm hồn tôi thủy táng. Tôi hiểu hết những lời em không nói. Tấm thân đàn bà của em như trái non chín tới đâu phải không có những thôi thúc thường tình khi chung đụng với chồng. Vậy mà sao những giọt nước mắt trái phận cứ ngược xuôi khi gối chần xô lệch. Có phải cuộc tình đầu đời như cái bột son trên gấn cổ, còn đó như một khều gọi dai dẳng vào tấm lòng chung thủy của em. Em ngồi đó, trên cái ghế độc nhất kê sát cửa sổ, đằng sau em mặt trời chiều bầm đỏ như một niềm vui gượng gượng. Tôi nghe đau nhói giữa lồng ngực như ai đó đã bắn suốt một đường tên. Tôi khụy chân xuống úp mặt vào giữa đùi em, chết lặng. Giọt nước mắt kềm lại như hạt mưa hè dậm dật sau mấy tầng mây nóng sốt. Em ôm lấy đầu tôi, bất động và hoang hồn xuống ngoài kia, chết điếng. Cả hai đã ngồi vậy thật lâu, thật lâu. Cho tới khi tôi đưa em về, con trăng héo uốn cong vòng như một lần môi trêu ghẹo.

Sau lần đó, có lúc chuyện đi lại cũng thưa bớt như một cố tình dần ra xa, cơn đấm đuổi. Nhưng lần nào gặp lại rồi cũng chỉ thấy hối hả hơn, hơi thở gấp, tình nhân. Chúng ta quay quắt trong cơn đau đại của ngón tay nấn nín. Và tôi và em tan nát trong một tự chế đến nghẹn ngào.

Mà có phải chúng ta bội bạc gì nhau cho cam. Hai lần liên tiếp tôi từ chối chuyển đi khi em đã chạy vạy gỏi gắm. Có điều gì như điều thương khó trong mắt em đã cầm giữ tôi lại, dù ở lại chỉ để được cay đắng nhìn thấy nhau, đôi lúc. Em đã cần nhần về sự gần bướng của tôi nhưng em ơi trong con mắt buồn rầu tới xót ruột đó tôi thấy có điều gì in như lời cảm ơn nhỏ nhẹ giống khi xưa em đọc thơ tôi mà thấy mình trong đó. Chúng ta yêu nhau, chia sẻ luôn cả sự yếu đuối của mình em hả. Dầu vậy tôi rất bằng lòng có mặt để thờ trút cùng em cơn hấp hối của tình. Làm sao tôi đành đoạn bỏ đi khi cơn đau nhớ ém nhem mỗi lúc một trầm kha, nổi ray rứt từng xẻo và em... em run rẩy như một cọng cỏ may giữa ngày gió lớn... Cùng lúc chung quanh em, xã hội đang biến thành rừng rú. Em bơ vơ, bơ vơ. Ở lại, tôi có làm gì được cho em, mặc kệ, tôi vẫn thấy yên lòng. Chúng ta đã mất hết, chỉ còn nấn nín lại chút tình, sao tôi không ở lại và bằng lòng đi trên nỗi đắng cay mình để em còn được một chỗ tin cậy, và tôi, tôi còn được yêu dấu em muộn màng, dấu sao. Có đáng gì đâu em cuộc trốn chạy đó, loay hoay kiếm tìm gì ở bên kia khi ở lại bên này, em với hạnh phúc tôi.

Ngày tháng qua, tình cũ bén hơi như chất men làm dậy lên thứ rượu cường toan chuốt say những tình nhân buồn rầu. Chúng ta sẫm soi mỗi tình tuyệt vọng lộng lẫy đến không ngờ.

Hai năm đời thất ngật, em quyết định ra đi với tôi, lần thứ ba, sau khi chính quyền hăm he tập trung lại đám tù mới cải tạo về. Em gom góp chút tư trang mẹ để lại mua chỗ trên chuyến đi đêm hai mươi chín tết, năm đó. Giọng em run rẩy mà chắc quyết, rạch ròi cái chuyện sợ lại mất nhau, lần nữa. Chúng ta không ai xúi biếu ai, vừa rợn

ràng vừa râu rỉ chuẩn bị cho chuyến đi. Một tuần trước ngày hẹn, em đến mang cho tôi chiếc áo lính nhuộm đen mua ngoài chợ trời, dặn dò kỹ lưỡng về mấy chỉ vàng may dấu trong đinh áo. *Anh mặc cái này để phòng hờ rủi ro thất lạc còn có chút đỉnh mà xoay sở tìm em.* Em nói gọn băng. Giọng ồm ồm buồn. Tôi không lạ gì cái tánh hay lo xa của em, gật đầu cho em yên lòng rồi với tay lấy cây đàn guitar cũ gảy vài đoạn nhạc xưa như vẫn thường làm mỗi bận em ghé thăm. Tiếng giầy tơ trầm hờ ồm ồm gác trống. Cuối năm trời im, đêm lạnh thủy tinh. Em ngồi thu mình trong chiếc áo len đan trên góc chiếu trải sát vách nhà, tóc buộc vén sau ót, dáng hờ hững xa đầu mà môi mắt dường như ân cần ở lại. Tôi đàn lang bang không đầu không đuôi. Một lát, không dừng nhạc chuyển sang một tình khúc rất quen làm em buột miệng hát theo... *Dựa vai nhau cho nhau yên vui ấm áp cuộc đời. Tìm môi nhau, cho nhau rã nát, rã nát tim đau. Vừa đôi tay, ước muốn từ đây. Tóc rối bạc màu vết dấu tình sầu. Nhìn em, nhìn em giây phút, muốn nói yêu em...* (**) Mấy ngón tay tôi bấm trên giây đàn chột đau buốt. Giọng nhạc trôi nổi quây trở lên mở kỷ niệm, trôi chìm. Con trăng tháng chạp xanh mướt trên môi em ướt rượt. Tôi buột miệng hát theo em... *Cho tôi xin em như gói mộng. Cho tôi ôm em vào lòng. Xin cho một lần, cho đêm mặn nồng. Yêu thương vợ chồng...* (**) Có phải tại lời ca? Hay tại màu trăng lạnh? Hay tình cảnh bức thiết của chuyến đi? Hay chính nỗi tuyệt vọng của chúng ta đã khiến tôi bỏ đàn vòng tay sang ôm cứng em vào lòng khi có một bóng nước long lanh nào đó chột lặn tròn ra cuối khóm. Em lả người, khựng chịu. Tôi đỡ em nằm xuống chiếu. Và chúng ta hôn nhau, môi quấn quít nồng nàn, tay quấn quít thương nhớ. Xin cho một lần, cho đêm mặn nồng. Yêu thương vợ chồng. Điệp khúc dội lại trong đầu tiếng kêu ca của tình yêu bị ức hiếp. Năm ngón tay xoắn đuôi tóc cuốn ngược như bật võ một ghen

ngào. Môi cào môi, rúc rửa. Tay sục sạo, tìm nhau. Đêm hừng hực, đỏ trắng lên mình em, lênh láng. Bỗng nhiên... bỗng nhiên, giữa lòng ta, mở tờ vò kềm giữ chẳng chịt bấy lâu bỗng đứt bật trước cái viễn ảnh của chuyến đi sống chết. Hàng nút bóp bật tung theo. Trắng rớt ngọc lên mình em, sóng sánh. Ngón tay tôi vô thức luồn vào chiếc khóa của cái áo nịt viền ren. Ngực trần. Đêm mở ra, thanh tân. Sâu dưới. Đêm khép lại, tận cùng. Trong nhau. Đêm vỡ sao, ràn rụa.
Có một lúc con trăng trở tối, mà trong tôi, rực rỡ ngọc ngà em.

Lần đầu. Lần chót. Đêm trao thân tặng dữ thay lời tạ tình không nói được hay tại sự chọn lựa quá đốn đau mà em thế bù cho lời từ già. *Dẫu sao hãy cho nhau sống một lần.* Em hay tôi, ai đã nói trong cơn mê sáng.

Rồi thôi. Tôi đi. Em ở lại.

Bên kia trời. Bên kia đời.

Mãi nhiều năm sau, giữa lưng chừng một giấc ngủ vùi, tôi cứ hay giật mình hốt hoảng ôm chầm lấy cái gối trống bên tôi, có dấu vết đã khô của những giọt nước mắt ứa ra khi nào không biết. Tôi sống vật vờ cùng với chiếc bóng tôi, những sớm mai mù mờ, những chạng vạng đồng thiếp... chỉ để hỏi han lục tìm những chuyến người đi những chuyến người đến, đâu đó, trên mặt đất này...

Rồi nhiều năm sau nữa... tôi vẫn hỏi han vẫn lục tìm... Em đã ở lại, không phải bên kia trời. Em ở lại, đến tận bên kia đời như để đền bồi ơn nghĩa. Ở lại, em với hết tình tôi.

Nhiều, nhiều năm sau nữa, khi đã biết chắc đau khổ là

cái gì rất thật, tôi cứ lục tìm trong trí nhớ tôi, vẫn còn nguyên vẹn đó, con trăng trắng chạp xanh và lạnh, rọi bát ngát trên thân xác em trần truồng cái bóng hạnh phúc lập lờ như một niềm bí ẩn. Hạnh phúc có phải là cái cho đi, cho hết.

Chỉ còn lại em, với niềm bí ẩn của riêng em.

(*) *Quê hương là người đó, thơ của Du Tử Lê và nhạc của Phạm Đình Chương*

(**) *Niệm khúc cuối, Ngô Thụy Miên*

Cao Vị Khanh

Rượu tiễn, HXS

Này anh chút rượu cầm hơi
Chút men cầm giọng, chút lời cầm
nhau
Chút cười cợt, chút ghen ngào
Chút nao nao tiếc, chút bào hao buồn
Chút hờn, chút giận, chút thương
Anh đi. Tôi ở. Cũng tuồng Xuân Thu

Rồi hai con mắt thiết mù
Đắm đắm trong cỏi ao-tù-thiết-thân (*)

() chữ mượn của Hoàng Xuân Sơn*

Đỗ tình

.....

Còn đây, một nỗi yêu chiều
Giữ cho sạch nhé triệu điều nghiệt oan
Về ta, đỡ giấc ngủ ngoan
Dang tay giữ ngọc gìn vàng, cho nhau

Nguyễn Bạch Dương

Gọi

Gọi nhau tha thiết sang bờ
Tôi do dự đến bây giờ mất em
Nhặt hòn cuội trắng lên tìm
Dấu chân đã mất, cánh chim dặm ngàn

Tôi về vay mượn trái ngang
Khắc lên bia mộ chấm thang cuộc tình
Tôi về sông rộng mộng mênh
Loa tay tôi gọi một mình tôi nghe

Tôi về đóng gỗ kết bè
Rừng cây che gốc không che đủ buồn
Tôi đi lần phía đầu nguồn
Trời ơi! Núi đá đâu còn nguyên sinh

Tôi đi về phía một mình
Gặp con se sẽ chết: nhìn trần trần

SG. 2001

Nguyễn Lê Tuấn
(1943-2003)

Cho những mùa xuân phai

Những kỷ niệm làm sao nhớ hết
kỷ niệm buồn thao thức đó em
ngày tháng qua lòng ngỡ đã quên

Em yêu dấu, xuân này hội ngộ
lòng thêm vui trí nhớ xuân xưa
dù trong đời qua nhiều bão tố
dù nỗi niềm chưa cạn tuổi xuân

Nói sao hết đau thương mất mát
năm tháng kia u uất tủi hờn

Đời mỗi đứa xa nhau mỗi ngã
biết về đâu thấp nén hương xưa
hay chỉ thấy mây trời xa biển
và nắng vàng hiu hắt xuân mưa

Giữa hai ta mong ngày gặp gỡ
mong mùa xuân vui giữa đoàn viên
nói cho nhau nghe hết nỗi niềm...

Phải không anh chia lìa đổ vỡ
tình của anh trải xuống tình em
phải không anh tháng ngày khổ sở
lòng em đây trói buộc ưu phiền

Phải không anh phút giây chờ đợi
tình thiên thu mãi mãi bay xa
phải không anh đắng cay đau vợi

trong sâu thẳm hồn em khó nhòa

Giữa hai ta còn gì nuối tiếc
khóc mùa xuân phai bạc mái đầu
ôi! mùa xuân cây đời lưu luyến
bóng thời gian lướt như bóng câu.

Nhóm chủ trương TQBT và bạn bè xin thấp nén nhang vĩnh biệt nhà thơ Nguyễn Lệ Tuân. Nguyễn Lệ Tuân mất ngày 28 tháng 2 năm 2003 tại nhà riêng ở Sài Gòn vì chứng bệnh đau màng óc. Anh sinh năm 1943 tại Chợ Lầu, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận. Thuở sinh tiền, anh là người rất hiền lành, mộc mạc, và chơi bạn rất chí tình. Một câu thơ anh làm như lời trăng trối hôm nay: Mai ta chết xác tan vào lòng đất. Ta chỉ xin nằm cát trắng quê nghèo. Dựng một lều thơ trông ra cửa biển. Để hồn ta mãi mãi được quạnh hiu.

*Trước 1975, anh xuất bản 2 tập thơ: Quê Hương Không Quê hương. Và: Quê Hương Máu Và Nước Mắt.
Vĩnh biệt anh, nhà thơ Nguyễn Lệ Tuân.*

Minh Nguyễn

Con heo đất

Đã bốn giờ chiều ngày thứ bảy, chỉ còn hai giờ đồng hồ nữa phòng triển lãm tranh của Ngạc sẽ kết thúc. Anh bước tới đứng bên cửa sổ nhìn ra đường. Dư âm cơn mưa từ lúc xế trưa còn lưu lại chút không khí dịu mát. Lâu lắm rồi anh mới có dịp đứng ngắm nhìn buổi chiều nơi thành phố. Ngạc nghe thềm bước chân đi rong chơi dưới bầu trời có cơn mưa sũng ướt; thềm dất dừ dầm ba đứa trẻ sống lại với tuổi thơ, nghịch ngợm bên các vỉa hè, đá từng chiếc lon thay cho quả bóng hoặc chơi trò chơi trượt patin bằng móng trên nền xi măng nhẵn bóng trong cơn mưa. Đâu rồi hình ảnh thân thương của một thời thơ ấu nhớ nhung đến cảm động?

Đối với Ngạc, anh chẳng phải là con người phụ bạc hoặc dãi bôi lại chính cái thành phố đã một thời ôm ấp, gìn giữ, nuôi sống mình lớn lên; song đời sống lúc nào cũng như chiếc trống vô hình đợi chờ cơ hội ghì xiết, bắt anh chạy theo đến hụt hơi.

Cũng may, trong lần trở về thành phố, anh nhận lời làm cuộc triển lãm, nhờ đó gặp gỡ lại hầu hết bạn bè thân quen. Tuy nhiên trong kinh nghiệm sống từng dạy cho anh bài học: sau những cuộc vui là nỗi buồn phiền.

- Thưa chú!

Đang bận thả hồn vào với bao điều, Ngạc giật mình quay lại trong tiếng gọi nơi cô bé. Anh ngạc nhiên nhận ra một cô bé gái xinh xắn, quàng nơi cổ chiếc khăn màu đỏ. Đôi mắt nai đen của cô bé sáng long lanh, nhìn thấy chợt có cảm tình.

- Em muốn gì hả cô bé?

Chớp chớp hai hàng mi cong, cô bé gái e ngại nói:

- Cháu có đến muộn lắm không?

- Không đến nỗi muộn.
 - Cháu muốn đi xem qua phòng tranh, được chứ?
- Ngạc nhìn cô bé gái cười dễ dãi:
- Vẫn còn đủ thời gian đấy!
 - Có phải chú là họa sĩ?
 - Thì tạm coi như vậy!
 - Cháu rất say mê theo dõi hội họa..
 - Tốt!
 - Cháu đã tới xem qua nhiều phòng tranh, đọc từng bố cục và phân biệt được từng gam màu. Té ra hội họa không hẳn là thứ ngôn ngữ bí mật, mặc dù có đôi chút phức tạp, đòi hỏi người xem phải vận dụng trí tưởng tượng,
 - Hay nhỉ?
 - Cháu đọc sách thấy thương nỗi khổ nỗi của Modigliani ở đất Ý xa xôi, lúc đương thời có khi không được vài xu ăn bánh, phải sống vất vả trên các vỉa hè Paris, chú tâm vẽ nét thơ ngây nơi trẻ con. Hoặc ông VanGogh, với Hoa diên vĩ, Sau cơn mưa... vẽ tranh trong một căn phòng tồi tàn, đời sống nghèo khó bủa vây khiến ông đâm ra quần trí tự sát bằng khẩu súng ngắn. Sự xúc động đã thật sự đến với Ngạc. Anh không thể ngờ cô bé loắt choắt thế này lại có được sự hiểu biết, đồng thời còn dành cả tấm lòng ngưỡng mộ đến với các bậc thiên tài. Hẳn cô phải được giáo dục tốt trong một gia đình đặc biệt nào đó, hoặc ít ra trong số bố mẹ, anh chị em có liên quan tới văn nghệ.
- Ngạc hỏi hơi đột ngột:
- Em bao nhiêu tuổi cô bé?
 - Cháu mười bốn.
 - Em học ở trường mỹ thuật chẳng?
 - Bố cháu nói con gái chọn cái nghề ấy không nên.
 - Tại sao?
 - Cuộc đời hầu hết của người nghệ sĩ thường gắn liền với sự lãng mạn.

- Vậy bố em là ai, làm nghề gì?

Sau một thoáng suy nghĩ, cô bé gái nhỏ nhẹ nói:

- Bố cháu là người “yêu” văn nghệ không kém. Chú cứ tưởng tượng xem, mỗi tháng đôi ba bận, phòng khách nhà cháu thường xuyên biến thành nơi bàn bạc, thảo luận thơ văn rất xôm trò. Khi thì đủ mọi loại chuyện văn nghệ được các người bạn của bố cháu đề cập đến. Cứ mỗi lần như thế, cháu lại nép mình sau lớp cửa, lén nghe những lời khen chê đủ cả. Đôi lúc cao hứng, có người còn mang thơ của mình ra ngâm nga cho mọi người nghe để có thêm ý kiến. Thú thật cháu rất mê thứ không khí ấy nhưng vì còn nhỏ nên không được phép tham dự.

Gật gù chiếc đầu, tỏ ý cảm thông lời cô bé, anh hỏi:

- Vui nhỉ. Thế nhà em có ở gần đây không?

- Dạ, rất xa chú ạ.

- Cháu hay tin chú triển lãm khi nào?

- Một phần cháu đọc tờ giới thiệu trên báo, một phần nghe bạn bè bố cháu khen ngợi, nhắc nhở tới tên chú nhiều lần.

- Vậy bố cháu chắc đã tới xem phòng tranh này?

- Cháu nghĩ có đấy.

- Còn tại sao mãi tới hôm nay cháu mới ghé đến?

- Cháu vừa phải thi hết học kỳ. Và hôm nay mới là môn thi cuối.

- Thì ra vậy. Thôi, mời chày đi xem phòng tranh, nhớ trở lại cho chú biết ý kiến nhé!

Ồi! Cô bé quàng khăn đỏ. Hình như trong mắt em chứa đựng một vực sâu thăm thẳm tri thức? Em mang hình ảnh ngây thơ nơi những thiên thần mọc cánh trên đôi vai, ban phát mọi hồn nhiên, ân sủng của thượng đế? Bởi chẳng em đã tới đây, mang theo màu sắc lẫn hơi thở làm sinh động nghệ thuật, làm dậy lên mở cảm xúc nơi bất kỳ người nghệ sĩ nào. Đó chẳng những là thứ chất liệu mà còn có thể xem chúng như mùa sống phong phú làm mẫu mớ cho sự sáng tạo.

Trong khi cô bé mãi mê đi xem phòng tranh. Ngạc bận phải giải quyết các thủ tục cho kịp lúc phòng tranh đóng cửa. Đến khi quay trở về, anh thấy màu đỏ, chiếc khăn quàng bay phất phơ bên cửa sổ, thì ra cô bé đang chờ anh.

- Em vẫn chưa về ư?

- Muộn lắm rồi, nhưng cháu cần gấp chú.

Vừa nói cô bé vừa trao cho anh mảnh giấy. Ngạc nhìn phớt qua đó, đọc một cái tên con gái và một địa chỉ. Anh chưa hiểu cô bé muốn gì.

- Có nghĩa gì đây cô bé?

- Đề nghị chú mang tới nhà cho cháu bức “ Hoa cà phê cuối mùa ”.

- Em chọn bức tranh đó sao?

- Dạ.

- Những bức khác hấp dẫn hơn nhiều?

- Theo cháu, bức tranh ấy mới chính là ngôn ngữ riêng của chú.

Như trái phá cực mạnh chọt nổ vang thứ âm thanh chất chứa làm chao đảo mọi sự vật. Ngạc không thể tin vào tai mình, anh có cảm tưởng như bị trúng một cú đánh trúng tim, làm chao đảo. Ở đây đích thủ đáng gờm ấy không phải ai xa lạ mà chính là cô bé quàng khăn đỏ đứng trước mặt nhìn anh thân thiện. Không ngờ cô bé đọc rõ nội tâm của Ngạc ẩn dấu trong họa phẩm. Và thế là cái gút của một câu chuyện dù đã được che đậy kín đáo, cũng đã bị khám phá ra vào phút cuối. Tuy nhiên, điều làm cho Ngạc sung sướng khi chiếc đinh của cả phòng tranh, sau hơn hai tuần lễ bị người thưởng ngoạn quên lãng, cuối cùng chọt đến với một cô bé học trò. Đã đến lúc chưa khi anh phải nghiêm chỉnh nhìn lại sự sáng tạo của người nghệ sĩ, bởi vì từ trước tới nay Ngạc hay nhìn người chọn mua tranh dưới góc độ một cái nhìn điều cợt lẫn ngờ vực? Mà không nghi ngờ sao được, khi những điều gửi gắm, tâm sự được nâng niu dồn hết tâm hồn vào

đó nhưng ít được ai ngó ngang đến. Ngược lại với những đùa giỡn bằng xảo thuật màu mè lại được nhiều người xiển dương tán tụng. Thử hỏi, vậy con mắt nhìn ngắm nghệ thuật hiện thời được đặt sau ót hay trước trán?

Dù sao cũng nên cảm ơn cô bé đã là người đến kịp lúc, giúp anh nhìn rõ lại sức lao động, đồng thời đánh thức anh dậy sao cơn ngủ đông khá dài.

Buổi sáng thành phố được tắm gội trong cơn mưa. Lá me rụng vàng dưới chân giống như xác hoa giấy rắc trong mùa lễ hội nào. Ngạc đứng nép mình dưới hiên nhà ai chờ đợi cơn mưa đi qua. Đến khi cơn mưa vừa dứt hạt, anh vội rời chỗ trú tìm tới địa chỉ của cô bé quàng khăn đỏ, tình cờ gặp nhau trong ngày bế mạc phòng triển lãm tranh của mình.

Con đường Ngạc cần tìm đang nằm trước mắt, còn ngôi nhà cô bé thì rẽ vào cuối ngõ cụt. Ngạc gõ nhẹ vào chiếc cổng mấy tiếng. Một lát sau có những tiếng động leng ken khua lên từ sọt xích sắt.

- A! Chào chú. Cháu ngờ chú không còn nhớ tới cháu nữa chứ.

Ngạc thấy vui trong nụ cười cô bé, anh nói.

- Nếu không nhờ cái địa chỉ rơi ra từ xấp giấy tờ lẫn lộn thì chưa chắc giờ này chú đã tới gặp cháu. Nhưng để bù lại chú có mang theo bức tranh do cháu vẽ.

- Cảm ơn chú nhiều lắm.

Cô bé mở rộng cửa mời anh vào nhà. Ngạc bước theo sau cô, lúc đi ngang qua khoảng sân rộng, anh chú ý tới mấy giò lan đang trổ nhánh rất đẹp. Ngạc cũng là con người đam mê thú chơi lan, nhiều khi anh bỏ ra hàng giờ để chăm sóc chúng, chỉ đôi khi vì quá bận rộn với công việc cho chuyển đi xa, đến khi trở về việc làm đầu tiên nơi anh không ngoài những chậu lan. Có thể xem việc chơi lan của Ngạc giống như chuyện vẽ tranh của anh hoặc hơn thế nữa.

Ngạc được mời ngồi nơi phòng khách, gian phòng không mấy to nhưng trần thiết khéo léo khiến cho người lạ có cảm giác rộng rãi và ấm cúng. Ngạc chú ý nhìn trên chiếc kệ với hơn trăm đầu sách chọn lọc kỹ. Một tủ chè có vách ngăn dùng một phần làm kệ trang trí nhiều tượng điêu khắc, phần còn lại để dăm ba khung hình gia đình. Ngoài các thứ trên anh nhận ra trên tường treo bốn bức tranh sơn dầu, qua đó anh nhận ra pano trừu tượng được vẽ bởi họa sĩ trẻ khá nổi tiếng...

Sau giây lát ngắm nhìn, Ngạc tự nhiên nhớ tới chuyện cô bé đã kể về ông bố cùng nhóm bạn. Phải chăng đây chính là căn phòng mà họ hay làm bàn về văn chương chữ nghĩa? Ngạc cố nhìn xem trong gian phòng đó lưu lại điều gì chứng tỏ họ có quan hệ hoặc quen biết với nhóm bạn anh không? Song cuối cùng anh chẳng thấy điều gì đặc biệt. Họ là những ai nhỉ?

Vừa ngồi xuống ghế Ngạc liền hỏi.

- Cháu ở nhà có mỗi mình ư?

Khẽ nhún vai một cách duyên dáng, cô gái nói.

- Mẹ cháu vừa chạy ra chợ.

- Sáng nay cháu không phải tới lớp?

- Cháu tới lớp buổi chiều. Ngày chẵn cháu mới có giờ học thêm.

Bức tranh do Ngạc mang tới được cô bé treo tạm trên một chiếc đỉnh thừa, thành thử trông không được cân xứng lắm. Kể từ đây bức tranh thay đổi chủ, tự nó đã có đời sống khác. Tuy nhiên anh có thể tin cậy gửi gắm một phần tâm hồn mình lại nơi đây cho cô bé chăm sóc. Kể ra bức tranh có được sự may mắn của nó khi không bị lọt vào tay nhà giàu keo kiệt hoặc biển lận nào đó.

Ngạc cảm thấy tâm hồn mình thật yên ổn, anh thầm ném cái nhìn để bày tỏ sự biết ơn đến cô gái.

Cô gái không muốn để cho anh chờ đợi lâu nên đứng lên.

- Chú cảm phiền chờ cháu trong giây lát.

- Cháu tự nhiên. Hề gì.

Còn lại một mình, Ngạc hít thở từng ngụm khói thuốc. Anh ước tính tới công việc phải làm, sau khi đã giao bức tranh và rời khỏi thành phố ngay trong buổi chiều. Có điều chắc chắn anh sẽ không bỏ lỡ cơ hội, thể hiện một lần trên khung vải nét mặt hồn nhiên, rạng rỡ nơi một tâm hồn nghệ sĩ qua cô bé quàng khăn đỏ này.

- Bộp.

Tiếng vỡ vụn vang lên nghe khô khốc từ vật thể nào đó bị vô tình làm rơi xuống đất. Cô bé đã đụng đổ vật gì chẳng? Căn cứ vào âm thanh vừa phát ra Ngạc đoán vật đánh rơi nếu không phải lọ đất, tượng đất, thì ít nhất cũng là vật đựng chi bằng đất nung?

Cô bé đã trở lại chỗ ngồi. Cô thần nhiên ngồi vuốt lại những tờ giấy bạc cho thật ngay ngắn, mặc dù nó hãy còn rất mới. Nhìn mười ngón tay nhỏ xinh cô bé gái, Ngạc chợt biết điều gì vừa xảy ra do tiếng vỡ. Ít ra trong mớ tuổi thơ của mình, Ngạc cũng đã từng dành dụm từng đồng bạc nhét vào con heo đất. Có thể những đồng tiền dôi ra ấy do lần nhịn ăn quà sáng, nhịn mua chiếc kẹo, nhịn mua chiếc áo mới... Nghĩ tới điều đó Ngạc càng thấy đau lòng tràn dâng sau cơn xúc động.

- Cô bé...

- Gì cơ chú?

Ngạc định nói với cô điều gì, song anh vội dừng lại kịp. Dù sao con heo đất cũng đã bị đập vỡ, tiếng vỡ ấy vô tình xoáy vào tim anh những hình cảnh bi thương. Không! Nhất định anh sẽ không nhận một đồng nào của cô bé trong sự mua bán này. Nội việc vừa xảy ra ngay trước mắt anh đây cũng là món tiền vô giá nói về tâm hồn say mê nghệ thuật rồi còn gì? Chỉ tội nghiệp cho cô bé, không hiểu cô nhịn nhục bao nhiêu lần ăn quà, bao nhiêu lần thèm muốn nhìn người khác vui chơi, bao nhiêu lần??? Bên tai Ngạc tiếng vụn vỡ từ con heo đất lại vang lên khô khốc làm choán ngập tâm trí anh lúc

này.

Ngạc vụt đứng lên, nhìn cô bé gái lần cuối rồi đi thật nhanh ra phía cửa.

Cô bé ngạc nhiên gọi theo.

- Chú! Khoan đã cho cháu gửi...

Tiếng gọi nơi cô bé cùng với tiếng vỗ từ con heo đất tạo nên thứ âm thanh làm dâng trào xúc động nơi tâm hồn nghệ sĩ mà anh hằng mong hưởng tới trong tương lai.

- Tạm biệt cô bé quàng khăn đỏ. Chú tặng cho cháu đây?

Ngạc bỏ đi như chạy...

Nguyễn Như Mây

Cửa trăng

(tặng Nguyễn Quang Dương)

Nửa đêm, tình đến nghẹn ngào
trăng bên khung cửa tạt vào chút sương
gác say tiếng rộng đêm trường
người tan trăm nỗi đau thương một mình
trách lòng từ thuở sơ sinh
đã mang trong máu chút tình nhân gian
guồng tơ kéo nhẹ đêm vàng
mối dây oan nghiệt ngõ ngang cuộc chơi
quay nhanh, tay vẫn là đời
ngón em đầy đủ vạn lời xót xa
nửa đêm hồn lảng nghe qua
mưa âm thầm ướt mái nhà trong tim

Trần Phù Thế

Ta cười ta

Ta cười
ta tuổi
sáu mươi
Kẻ không chết yếu thành người sống lâu

Đưa tay
sờ tóc
sờ râu
Se se cọng bạc hai màu trắng đen

Ta cười
ta đủ
sang hèn
Bơi trong cùng khổ bon chen kiếp người

Sáu mươi
tuổi chẳng
ơn trời
Coi như thua sạch tuổi trời tay không

Ta cười
ta nợ
núi sông
Sấy tay mất nước lưu vong xứ người

Ta cười ta
một trận cười
Trăm năm hồ dễ mấy người như ta.

Trần Hoài Thư

Đời đầy chuyện ngạc nhiên

Một

Mùa hạ, thường thường vào giờ ăn trưa, ông Nguyễn vẫn quen lái xe từ hăng ra bờ kênh, cách hăng khoảng một dặm đường. Trưa nay, ông cũng có thói quen như thế. Ông khóa cửa phòng làm việc. Rồi xuống thang máy. Ngoài kia nắng tháng bảy nhìn đến loá mắt. Những bụi hoa huệ trắng, hoa hồng đỏ khoe sắc. Hàng cây trên bãi đậu xe đứng im bất động. Ông rồ máy. Và mở lại một bản nhạc yêu thích. Xe lăn bánh trên đường. Tiếng hát cũng lăn theo chở ông về một cõi nào của dĩ vãng. Nơi đó là quê nhà. Nơi đó là tình tự. Nơi đó là tuổi trẻ của ông.

Ông tìm lại chỗ ngồi cũ bên giòng kênh đào. Ông tự dành cho mình một niềm vui thầm kín. Trên đầu là chim chóc hót vui. Dưới kia, là một mặt nước êm đềm. Và bóng mát toả xuống cùng với một vài mảng nắng đậu trên bàn. Và gió mát cũng hây hây thổi. Những đoá hoa hôm qua còn nụ bây giờ đã hé nở. Búp hoa vàng đại bên cạnh những đoá dâm bụt vươn lên trên mặt nước. Ông chậm rãi sửa soạn buổi ăn. Vẫn là những món ăn quen, quá quen. Nhưng hôm nay, đặc biệt vợ ông còn dúi thêm một bịch nho tươi. Tự nhiên ông nói thầm: Cám ơn má nó.

Buổi trưa chói chan trên con đường nhựa chạy dọc theo kênh đào. Người ta chỉ thấy bóng một chàng thanh niên Á Châu đang thả bộ cùng với giòng xe cộ dập dềnh. Lối

dành cho bộ hành quá hẹp nên mỗi khi xe chạy qua là cậu phải ép sát vào trong gần những lùm bụi rậm ven kênh. Ông đoán cậu là người rất xa lạ với vùng này. Cứ nhìn cách cậu lê bước chân mệt nhọc thì biết. Nếu quen thuộc, không ai lại khờ dại phải lội bộ cả một con đường dài đến hai dặm không có một trạm xe *bus* dừng như thế. Nhưng ông không cần bận tâm. Mặc thiên hạ làm gì thì làm. Ông đang cố tận hưởng những giây phút êm đềm của một buổi trưa hè. Hãy bỏ qua một buổi sáng liên hồi chuông điện thoại. Hãy bỏ qua những tiếng đồng hồ như thể phát sốt hay những ưu tư về một tương lai không chắc chắn khi thấy giá cổ phần của công ty mỗi ngày mỗi sụt xuống đến mức thê thảm. Đời là của riêng mình. Niềm vui này đâu phải tìm ở đâu xa. Ông muốn nằm ngay trên băng ghế để nhắm mắt một lát. Thiên nhiên cây cối vây phủ, những đám mây trắng thấy thấp thoáng qua kẽ lá, và nghe đâu đây tiếng dội ầm ầm của thác nước khi chảy xuống đập. Ông thích thú nhìn đám vịt con lông vàng mượt đang bơi theo mẹ ở giữa giong. Ông lắng nghe tiếng chim nào đó đang hót như khuyến dụ cô bạn mái.

Ông bỗng chú ý đến một chùm bông súng đang nở e ấp giữa mặt nước. Kỳ lạ. Ở xứ Mỹ này, lại có bông súng sao. Bông dâm bụt chưa hết ngẩn ngơ bây giờ lại bông súng đại. Thì ra thiên nhiên ở bất cứ nơi nào cũng giống nhau. Quê hương xa cách ngàn trùng bỗng nhiên thu hẹp vào trong một đám bông lạc loài giữa con kênh xứ người. Những búp bông màu hồng nhạt nở trên cọng thon thon vươn lên từ đám lá phủ một khoảnh nhỏ giữa mặt nước đầy bèo. Có bông nở rộ. Có bông vẫn còn e ấp búp. Những cánh mềm mại nằm hứng lấy mây trời giữa màu xanh trong của nước và màu xanh đậm của bèo lục bình. Ông ngạc nhiên không biết chúng có mặt từ lúc nào. Chúng có lẽ cũng như ông, tự nhiên trôi dạt đến một phương trời lạ lẫm. Nào ai biết đôi khi chỉ cần một

bụi chuối con, hay nghe lại tiếng gà gáy vào sáng sớm, hay thấy lại nụ bông súng lạc loài, là cả một tiếng gọi kỳ bí nhưng oà vỡ cả con tim mình. Ông nhớ lại một lần trong năm đầu tiên ở Mỹ, hai vợ chồng ông đang chạy xe trong một khu lạ. Khi qua một ngôi nhà bên đường thấy bụi chuối bên hè. Chuối con nép bên chuối mẹ. Không hiểu sao, ông phải dừng xe lại. Vợ ông mở cửa xe, bước về phía bụi chuối và khóc đến nỗi người đàn bà Mỹ phải ra hỏi và ngộ ý tặng bụi chuối con.

Giờ đây, lại thêm một lần quê hương trở lại. Có phải là buổi sáng nước rút và buổi chiều nước dâng mà một vùng bông súng đã trang điểm côi đằm lầy. Loài bông hoa đồng nội. Loài bông ít ai nhắc đến. Nhưng là loài bông tỏa ra lòng từ tâm bốn cõi. Mùi hăng hắc của phèn chua lẫn mùi ngậy ngậy của cọng súng hay chất ngọt dịu thanh thanh của cánh bông mềm. Khi ông đói khát, ông đã ngắt cọng súng để lót lòng. Khi ông bắt được con cá rô cá sắt trong vũng bom đào, ông lội ra đằm tìm bông, tìm cọng súng mang về nấu canh, kho mặn. Có khi bè cả bè tràm trở về trại từ rừng, ông lội giữa vùng bông súng. Bông không tỏa hương thơm như bông sen, nhưng bông mềm như môi người đàn bà, mịn như da thịt của người thiếu phụ trẻ, để ông phải áp bông vào môi vào miệng mình. Có khi ông lội vào sâu trong rừng, ông thấy cả một vùng mênh mông súng và súng. Lá súng phủ ngập đằm không thấy đâu là mặt nước. Và trên vùng lá xanh che mặt là những búp bông vươn cao, vươn cao như cả một vườn tiên cảnh không ai biết đến. Ôi, những thân súng thon dài, mềm mại, giữ gìn những chiếc lá xanh kỳ lạ không gai sắc, không nham nhỡ, mà ngược lại như lụa là, thỉnh thoảng là chỗ tựa của con ếch, con nhái, để từ đó bông hoa nở rộ hồng cả một vùng. Có khi trong buổi hoàng hôn, màu lá đã trở nên thắm tối, còn lại là một rừng bông màu hồng nhạt, hay màu trắng bạch, không lay động. Trong khi ven đằm là vùng cỏ tranh vàng như

kim loại. Lúc ấy, trên bầu trời quá đỗi hiu quạnh, những cánh chim chiều chậm rãi bay qua, và thỉnh thoảng nghe vọng lại từ đâu đó tiếng bìm bịp kêu rời rạc.

Cám ơn đời đã cho ông còn có con tim mà rung động trước cảnh đẹp, để ông nương tựa mà sống. Và cám ơn một loài hoa đầm lầy hoang dã. Chúng cho ông suy nghĩ về triết lý nhân sinh. Rằng càng trong tăm tối, càng thấy nở lên màu nhiệm những bông hoa quý. Như trong cõi đời rách lăm than, miếng đường chia nhau. Vị ngọt sẽ phải lịm hoai đầu lưỡi. Hay ống điếu thuốc lao chuyễn nhau. Khói thuốc sẽ phải ngậy ngắt cả đời. Hay như người học trò đưa lưng gánh dùm bó trầm cho vị thầy cũ của mình trong trại cải tạo. Tình nghĩa thầy trò đến đó là cùng, làm sao có thể tìm được ở chợ đời. Hay như viên thuốc hiếm quý mà người bạn tù biếu tặng. Và cả một người con gái áo vá vai, khăn sọc vắn che cả mặt vì sợ nắng, nhưng ông cũng có thể nhận ra đôi mắt đẹp và hiền khi nàng chống chiếc xuống cũi trên giòng Kênh Một. Đôi mắt ấy phản ánh nỗi xót xa khi thấy ông khốn khổ bè cả bè trầm to lớn ngược giòng. Tại sao em lại xót thương tôi, dúi cho tôi vắt cơm và miếng thịt quý giá vô cùng. Tôi thấy lòng em qua đôi mắt ấy rồi. Ràn rụa. Đỏ hoe. Em nói nhanh: Ông nhận dùm em đi. Mau lên. Xem chừng họ thấy...

Rồi nàng chống xuống đi giữa vùng hoa súng đỏ và trắng. Hai vai áo vá lợp. Ông nhìn theo tự dưng nước mắt như chảy. Bóng ấy càng lúc càng mất dần. Nhưng rõ ràng cái bóng ấy sẽ không bao giờ mất trong tâm trí ông. Và giờ đây ở xứ Mỹ này ông nhớ đến một bóng hình xưa. Ông ngắt một búp bông chưa nở tròn vẹn bên bờ và dịu dàng áp vào miệng như hôn lên một hình bóng yêu dấu cũ.

Giữa lúc ông chìm đắm trong hoài niệm thì bỗng nhiên có tiếng nói ở đằng sau làm ông phải giật mình quay lại. Người bộ hành Á Châu hỏi thăm đường bằng tiếng Anh:

"Thưa ông, lối nào đến đại học X ?"

Ông Nguyễn nhúu vầng trán, cố suy nghĩ. Nhưng ông biết rất khó để mà chỉ dẫn đường đi:

"Xa lắm. ít nhất là ba bốn dặm nữa. Phải tìm exit 10 vào xa lộ, qua cầu rồi tìm exit 11... Cậu không có xe à ?"

Ông trả lời, dĩ nhiên bằng tiếng Anh.

"Tôi không có xe. Tôi mới đến đây hôm qua"

"Cậu đến từ đâu ?"

"Từ Việt Nam."

Bây giờ ông Nguyễn mới buột miệng reo, bằng chính ngôn ngữ mẹ đẻ.

"Thế à ? Tôi cũng là người Việt Nam."

Rõ ràng ông không thể tự chế được nỗi vui mừng đến độ phải bật lên thành tiếng. Thì ra tình đồng hương đồng bào là một thứ tình đã trử sẵn trong tim trong máu huyết của loài người. Hình như cái lưỡi của con người chỉ quen mỗi một thứ tiếng. Dù là giọng Bắc của cậu và giọng Nam của ông.

Ông sốt sắng:

"Nếu cậu thích, tôi sẵn sàng chở cậu đến đấy. Xa lắm, đi bộ không nổi đâu".

"Cám ơn bác. Cháu nghĩ cháu thật may mắn được gặp bác".

"Cậu không có ai quen ở đây sao ?".

"Dạ không".

Sau đó chàng thanh niên giải thích thêm:

"Cháu mới từ Buffalo đến ngày hôm qua. "

"Cậu là sinh viên du học ?"

"Dạ phải".

Qua những lời trao đổi, ông biết một phần nào về người

bạn trẻ mà ông gặp giữa đường. Cậu được một đại học địa phương tại đây cấp cho một học bổng. Như mọi sinh viên VN du học khác, cậu phải trải qua một khóa huấn luyện ngắn hạn để làm quen hơn về đời sống xứ Mỹ tại trung tâm ở Buffalo New York trước khi thật sự vào trường tại tiểu bang này. Giấy tờ ghi rõ đường đi nước bước, nhưng khi đến phi trường thì chẳng có một ai đón dùm. Cậu đành phải trả một số tiền lớn để thuê chiếc tắc xi về khu đại học. Tối nơi, đại học đóng cửa nghỉ hè. Cậu bơ vơ không còn biết ai để cầu cứu đành thuê tắc xi đi tìm khách sạn. Tên tắc xi bỏ cậu xuống một khách sạn cách trường khoảng ba dặm. Hấn nói, nơi này gần trường lắm. Quả thật hấn cũng nói đúng. Tuy nhiên gần *campus* của trường chứ không phải gần khu hành chánh hay sinh viên vụ. Cậu mới hiểu về những cái máy chém tiền không thương xót. "Cả đêm cháu ngủ không được... Cháu không dám gọi tắc xi. Tắc xi chém tiền hết chỗ nói..."

Hoàn cảnh của người sinh viên du học đã làm ông xúc động. Ông không cần thắc mắc về nguồn gốc lai lịch của người mà ông gặp gỡ giữa đường. Ông nhớ lại sáng nay một người quen vừa từ VN trở lại Mỹ, nói về những chuyện bực mình trong đó có chuyện anh chàng hướng dẫn trẻ tuổi thay vì hướng dẫn du lịch lại hướng dẫn chính trị. Không biết cậu này thuộc thành phần này không. Hay là con của một cựu binh đánh Mỹ cúт Ngụy nhào. Đối với ông bây giờ là một người Việt Nam đang gặp hoạn nạn. Đang gặp bơ vơ. Tình người và tình đồng bào đã khiến ông không thể làm ngơ. Ông mang cậu về nhà. Vợ ông gọi điện thoại đến người quen để tìm giúp chỗ cư ngụ. Một người bạn gốc Xi làm việc chung giới thiệu một chỗ gần trường. Và ngay chiều hôm ấy, vợ chồng ông tự dưng trở thành kẻ bảo trợ. Cậu không có gì hết, nên ông bà phải giúp đỡ mọi thứ. Từ bàn ghế đến

giường gối. Tặng cậu một thùng mì Đại Hàn. Thêm cái tủ lạnh nhỏ. Rồi chất tất cả lên xe, mở đèn emergency mà chạy.. Thấy hai bên nhà treo đầy cờ Mỹ, cậu hỏi:

- Thưa bác, hôm nay lễ hay sao mà có treo cờ ?
- Lễ Độc Lập đó cháu. Vợ ông mau mắn trả lời.
- Bộ chính quyền bắt dân phải treo cờ hay sao ?
- Không. Ai muốn treo thì treo. Chẳng ai bắt ai hết.

Lâu lắm, dễ chừng gần một năm, ông không nhận được tin tức gì của cậu sinh viên ấy. Có lẽ vì việc học hành quá bận rộn, hay cũng có lẽ vì cậu đã làm mất số điện thoại của ông. Ông cũng vậy. Chẳng hề thắc mắc hay bận tâm. Đời sống xứ Mỹ quá bận rộn. Càng ngày công việc càng đè đầu ngập cổ. Nhóm của ông 6 người giờ chỉ còn hai. Nhưng đến một hôm ông trở về nhà, thấy một bình bông sủng ai để trước cửa. Có phong bì lá thư kèm theo. Lá thư viết như sau:

"Thưa hai bác. Hôm nay có một người bạn có xe nên cháu nhờ anh bạn chở dùm đến thăm hai bác.

Rất tiếc hai bác không có ở nhà. Cháu xin gửi về bác trai chậu hoa sủng. Cháu biết là bác thích hoa này nên cháu nhờ người thân mang dùm từ VN qua. Mong bác trai nhận...."

Vợ ông hỏi ông: "Sao mà thằng Bình lại biết ông thích bông sủng?"

Ông trả lời: " Thì bà hỏi nó đi".

Ông dấu chuyện ông hôn lên cánh hoa. Cánh hoa của một người yêu dấu cũ.

Hai

Ấn độ tràn lan. Ấn độ xâm lăng. Ấn độ ngạo nghễ. Cả building chỉ thấy hầu hết là Ấn Độ. Da đen ngăm. Giọng nói nhanh khó nghe. Phát âm chữ l thành chữ n. Thỉnh thoảng có anh chàng đội mũ, râu rậm hầu như che cả miệng hay một nàng còn in dấu son đỏ giữa vầng trán. Ngôn ngữ khác lạ cũng bắt đầu thay thế tiếng Anh, tiếng Mỹ, nghe quen thuộc trên hành lang, trong thang máy hay ngoài bãi đậu xe...Ấn Độ đại thắng mùa xuân, mùa hè, mùa thu mùa đông. Không cần bão nổi lên rồi mà building, phòng, ban, nhóm phải treo cờ trắng. Tư bản thắng hay tư bản đầu hàng. Rõ ràng tư bản thắng. Bởi tư bản là chủ, không phải là tổng thống...Tư bản chẳng cần tinh thần quốc gia, tự hào dân tộc, màu cờ tổ quốc. Tư bản dư dả tiền không biết làm gì nên mượn chuyên viên nặn óc nghĩ ra cách thấy người một cách hợp pháp với cái tiếng rất kêu của thế kỷ 21: *Outsourcing*. Để từng đàn từng lũ ra đi không kiện cáo, không luyến lưu, không tình nghĩa về một nơi đã chôn đời mình với bao ngày mồ hôi và nước mắt.

Và cũng vì tư bản là chủ nên tư bản muốn tiền bạc chi thì ít mà thu vào thì nhiều. Để chủ càng lúc càng nhận tiền nhiều, để đám đầu tư, để những kẻ mua cổ phần được tin tưởng mà can đảm dồn đô la. Bởi vậy tư bản phải đi tìm những nơi có chất xám tốt mà giá mua thì rẻ mạt. Như Ấn Độ. Như Việt Nam. Một chuyên viên ở Việt Nam nếu lãnh \$200, \$300 mỗi tháng thì mừng như trúng số. Một chuyên viên ở Ấn Độ lương trung bình \$5 hay \$10 một giờ. Trong khi đó một chuyên viên tại Mỹ lương gấp năm, mười lần. Như vậy đại gì ta không mượn Ấn Độ, Việt Nam. Chỉ cần bao vé máy bay cho qua Mỹ ba tháng, rồi huấn luyện sau đó trở về nước mà làm chết bỏ. Hay chỉ cần xin visa theo diện nhập khẩu chất xám cho ở một thời gian, xong việc rồi tống về. Và cuối cùng

chỉ cần cấp cái computer và modem là xong. Ngàn trùng cũng gần gũi như trong gang tấc. Mướn kẻ nghèo không lo lắng gì đình công kiện cáo đòi hỏi lòi thối thì đại gì không mở rộng từ tâm. Để được phước chứ. Mặc cho đám thợ đám thầy bản xứ ngơ ngẩn. Mặc cho những kẻ ngóng cổ chờ đợi nhận giấy thất nghiệp lo âu không biết tương lai nhà cửa tiền học phí con vào đại học hay bảo hiểm rằng cổ phải đối phó làm sao.

Bây giờ ở building này, da trắng là thiếu số. Trong nhà ăn chung, hai ba tay da trắng ngồi với nhau, bên chai coke, nhai hamburger hay sandwich, trán trẫm tư nhần, đôi mắt lơ đãng nhìn ra cửa kính. Dưới ấy, bên kia hàng rào là xa lộ xe chạy dập dềnh, không ngớt. Cứ nhìn xa lộ mới thấy sức mạnh vô địch của Mỹ. Ai đã phán ra một câu như thế. Hối hả. Cuống cuống. Truck hàng nối hàng phun khói chạy bất kể đêm ngày thời tiết. Nhưng nếu tay ấy có mặt ở building này có lẽ hẳn sẽ thay đổi ý kiến. Hẳn sẽ phán cứ nhìn cafeteria mới thấy được sức mạnh ghê gớm của Ấn Độ ở xứ Mỹ.

Thật vậy, cứ vào cafeteria vào giờ ăn trưa, mới biết rõ sức mạnh của Ấn Độ. Mùi vị đặc biệt của loại cà ri cay bốc tỏa nồng nặc lẫn cùng giọng nói lạ vang vang như pháo nổ. Hết rồi cảnh ngày xưa, những bàn những ghế xôn xao tiếng Anh tiếng Mỹ, tóc vàng mắt xanh, hay những buổi tiệc đột xuất như ăn mừng công trình Y2K hay một dự án quan trọng thành công với bong bóng xanh đỏ, với những mâm đồ ăn ê hề bốc khói, với hàn huyên chủ thầy thợ nhân viên. Hết rồi cái tình nghĩa đậm đà không sao tách rời được, chúng ta cùng chung một team, chúng tôi rất tự hào được bạn là thành viên như huấn từ từ ban lãnh đạo.

Cứ thế đám thầy thợ bản xứ từng từng người một nhận giấy rút lui. Có kẻ thì âm thầm như mang trong lòng khối bi hận cay đắng. Có kẻ thì lạc quan phấn khích gửi E

mail vẽ với đủ chuyện nào tương lai như bức tranh màu, đời đầy những ngạc nhiên hay nếu bạn có thể nhận thức được nó bạn có thể hoàn thành nó như lá thư sau đây của bà Linda:

Friends,

Here we go...the infamous 'good bye' letter. After all of these years I have seen so many people come and go...what company are we now?! I guess I never really thought I'd be sending out a 'good bye' letter. Well, life is just full of surprises!

My last day is Friday. I am so excited about my future, as I dream and work towards my goals. My family, my friends, any new careers all lie ahead of me like a picture waiting to be painted.

I wish for you the same enthusiasm that I feel, as you go forward with whatever your life painting holds for you.

Thank you for the opportunities I've been given working with all of you. Your friendship and support over the years has truly made my job here as good as it has been.

Remember - "If you can perceive it, you can achieve it!"

Ôi đời thì đầy những ngạc nhiên ! *Life is just full of surprises* ! Bà ta đã buông một dấu chấm than đầy thú vị. Ông Nguyễn đọc xong chữ thể trong bụng: ngạc nhiên cái mớ gì. Cái gì cũng có nguyên ủy của nó. Như chuyện bà bị laid-off không phải là chuyện ngạc nhiên mà vì cái con quái vật gọi là kỹ thuật cộng thêm hầu bao của chủ cùng với hầu bao của đám đầu tư vào thị trường chứng khoán. Trước sau gì nó cũng đến. Bây giờ là thời đại của tin học, không còn là điện thoại viễn liên mà là qua Internet, qua WEB, chat, qua Videoconference, để kể làm việc ở VN mà như thể làm việc ở Mỹ. Chẳng lẽ trả lương cả trăm ngàn đô la cho bà

mốt năm trong khi chỉ cần vài ngàn cho một kẻ cùng có chung một năng suất. Ngạc nhiên cái mẹ gì khi mỗi ngày cứ nhìn giá stock mà rụng tim. Ngay cả chuyện binh đoàn Ấn Độ có mặt chiếm đoạt việc làm của bà cũng không có gì lạ. Rồi nay mai, có lẽ binh đoàn đến từ Việt Nam sẽ có mặt để thay thế Ấn Độ vì giá mướn chất xám ở đây rẻ mạt hơn. Bởi vậy Nike đã đến Việt Nam. Microsoft đã thành lập một trung tâm khảo cứu qui mô vĩ đại tại Bắc Kinh. Hơn nữa người ta còn tiên đoán vào năm 2015 có 2 triệu job "cổ trắng" ở ngoài nước Mỹ do tư bản Mỹ mướn. Xin bà tìm tờ Washington Post vào ngày 2 tháng 4, 2003 đọc thì biết rõ.

Ông Nguyễn định gửi thư trả lời, trước là cảm ơn người bị mất việc về lời từ biệt, sau là nói về ý nghĩ của mình. Nhưng mới viết nửa chừng thì ông được xếp lớn gọi lên phòng. *Thì chẳng có gì ngạc nhiên hết*. Điều mà ông chờ đợi bấy lâu hôm nay đã đến. Nó đã thật sự đến. Như đã đến với thật nhiều người quanh ông. Bởi thế ông đứng như một kẻ bất cần. Lúc này ông có cảm giác của một người được thoát khỏi tròng hệ lụy. Tự do. Nhẹ tênh. Lưng ông như thẳng lại. Mắt ông như nhìn thẳng thách thức khi giáp mặt xếp.

Xếp mời ông ngồi, rồi từ từ rút ra một xấp giấy. Sau đó xếp nói tôi sẽ đọc chậm rãi, có chỗ nào không hiểu thì you (ông, mày, bạn) cứ stop. Cặp kính của xếp trệ xuống sống mũi. Đôi má phình. Xếp lại hiện thân của quyền uy trong một xã hội tư bản. Xếp thương thì được nhờ. Xếp ghét thì ráng chịu. Giọng đọc của xếp trầm trầm. Ông được chọn trong thành phần bị laid off vào cuối tháng. Tuy nhiên vì nhu cầu, ông sẽ ở lại thêm hai tháng. Và công việc sẽ thật sự chấm dứt vào ngày 30 tháng 4. Ông Nguyễn không tin vào tai mình, hỏi lại xếp: Xin ông đọc lại. Xếp đọc ngày 30 tháng 4. Rồi xếp lấy cặp kính

ra khỏi mắt. Xếp nói:

"Bộ phận của ông sẽ được chuyển giao qua một bộ phận ở Á Châu mà bản doanh đặt ở Việt Nam. Tôi biết ông là người đến từ Việt Nam nên tôi đề nghị ông sẽ huấn luyện số nhân viên người Việt. Họ sẽ đến gặp ông vào tuần tới. Ông có bốn phận huấn luyện họ tất cả những gì mà ông đã làm. Tôi nghĩ sẽ dễ dàng cho ông và cũng dễ dàng cho họ. Họ sẽ ở đây hai tháng để quen công việc rồi trở lại Việt Nam để thật sự bắt tay vào việc".

Ông Nguyễn nghe khó thở, trong khi xếp đang chờ ông hỏi thêm. Không có gì ngạc nhiên. Cái gì cũng có nguyên ủy của nó. Ông đã khẳng định với bà Linda, nhưng rõ ràng, những lời của xếp đã làm ông như tá hỏa tam tinh, khiến ông phải lặng người một hồi. Ông đứng dậy, rời phòng. Khi ra ngoài hành lang ông đã đứng yên. Phải. Đời thì đầy những chuyện ngạc nhiên. Ngoài tầm hiểu biết hay kinh nghiệm cá nhân của mình. Tại sao lại là ngày 30 tháng 4, ngày mà mỗi người Việt Nam không thể nào quên được. Và tại sao giữa lúc ông cứ đinh ninh ông sẽ huấn luyện đám đến từ Ấn Độ thì ông lại được lệnh huấn luyện đám đến từ Việt Nam của ông. Ông có nên mừng khi họ là người cùng màu da giọng nói hay thờ ơ vì họ xuất thân từ một nơi mà ông chẳng có gì ở đấy ngoài trừ những nhần nhục, gian truân, những nhục nhần mà ông và thế hệ ông đã lớn lên và gánh chịu ? Thăng Baji đi qua. Góc Ấn Độ, nhưng là di dân. Đang chuẩn bị thi vào quốc tịch Mỹ. Nó vào phòng hỏi thăm. Nghe ông kể, nó nói:

" Chuyện kỳ cục chưa hề xảy ra. Kẻ bị đuổi lại đi huấn luyện kẻ chiếm đoạt ".

Rồi nó thì thào:

"Tôi khuyên ông hãy dấu kỹ nghề, đừng mang ra hết. Hãy tà tà mà huấn luyện. Để chúng nó biết tay".

"Tao biết ". Ông trả lời.

Phải, ông biết. Bản chất con người có lẽ vị tha. Người ta sẵn sàng giúp đỡ nhau trong khi hoạn nạn, nhưng điều này có lẽ ít hay không thể xảy ra trong những môi trường mà tranh đua cạnh tranh nhau là chính. Ngay cả trong một nhóm gần gũi nhau hằng ngày, đôi khi gia đình ấy trở thành lò lửa chiến tranh. Có kẻ lạnh lùng. Có kẻ vị tha. Có kẻ hể hởi thì sorry tìm cách thoái thác. Có kẻ thì trả lời qua loa, dấu nghề. Bởi vì nó là bữu bối để giữ gìn hay dùng để thăng tiến nghề nghiệp, để chủ đánh giá ở lại hay ra đi. "Phải thương mình trước khi thương người". Đối với một nhóm mà còn xảy ra chiến tranh lạnh như thế huống hồ đối với những kẻ ở một phương trời nào đến để xâm lăng, chiếm đoạt, đảo chánh.

Ông hỏi tiếp:

"Mày có đọc thư của bà Linda chưa?"

" Lại con mẹ ấy nữa. Ông Nguyễn biết không. Chồng mẹ là chủ. Mẹ đi làm để tiêu khiển giết thì giờ. Nhà băng không đủ chỗ để chứa tiền của mẹ đâu."

"Chắc khi xếp đọc xong thư của mẹ, xếp phải hài lòng lắm. "

"Dĩ nhiên".

Hai ngày sau, vào buổi sáng ông nhận một cú điện thoại của xếp. Xếp nói sẽ hướng dẫn người mới đến để gặp ông khoảng 30 phút nữa. Có bận gì không. Ông Nguyễn trả lời tôi không bận rồi gác ống điện thoại xuống. Ngoài trời tuyết rơi. Trận bão tuyết đã thật sự đến nơi này trước khi thổi dạt ra biển Đại Tây Dương. Cả một tỉnh không vẩn vũ bông tuyết như những mảng bông gòn. Có nên phẫn nộ không. Có nên trả thù không. Những đám bông tuyết vẫn bay bay, vẫn tiếp tục rơi xuống. Cả một tỉnh không đầy bông tuyết, và đất đai, bãi đậu xe, những chiếc xe, mái nhà, hàng cây... tất cả đều phủ một màu trắng. Ông cảm thấy nổi hứ vô xen lẫn cái phù du của

đời người. Ông chẳng có gì để giận hờn hay trách cứ. Xã hội này là vậy. Muốn tồn tại phải chiến đấu. Ông đã chiến đấu quá nhiều. Gần mười năm trong lửa đạn bề bề, mấy năm trong tù tội, và bao năm ở đất người. Chiến đấu không mỗi mết. Chiến đấu trong khi nỗi buồn của kẻ xa hương thì chất ngất. Bây giờ thì mệt mỏi rồi. Như cả một đất trời mệnh mông tang trắng.

Một lát, có tiếng gõ cửa. Xếp dẫn hai người đến. Một người đàn bà Mỹ được xếp giới thiệu là manager phụ trách hướng dẫn đám chuyên viên đến từ Á Châu. Và một thanh niên Việt Nam. Ông nhớ gương mặt quen có lẽ gặp ở đâu đó. Cậu trạc độ 24, 25 tuổi. Ông bắt tay cậu. Cậu bắt lại bằng cả hai tay. Người đàn bà Mỹ nói Đây là Binh. Binh sẽ ở đây hai tháng làm việc với ông. Binh đứng yên lặng. Thì ra ông nhớ rồi. Cậu là người sinh viên du học mà ông đã gặp ở bên giong kênh Raritan Canal. Bây giờ Binh thay đổi nhiều, ăn mặc chỉnh tề, thắt cà vạt, và chiếc áo ấm màu xanh dương. Ông mời Binh ngồi xuống ghế. Tự nhiên niềm thương hại dấy lên trong lòng ông. Những ý nghĩ trả thù hay phần nộ tự dưng bay biến. Rõ ràng ông cảm thấy kẻ mới đến rất gần gũi với ông. Thử nhìn, thử quan sát. Xem có phải là một kẻ mang ôn dịch hay diêm dữ đến cho ông hay không. Không. Ngón tay đeo nhẫn. Chứng tỏ Binh đã lập gia đình. Cuốn sổ tay cầm theo. Chứng tỏ cậu ta ưu tư lắm. Đôi giày đánh bóng kỹ. Chà. Làm như cái võ ngoài đánh giá con người. Ông nghĩ là phải khuyên cậu, hãy ăn mặc như ông. Đôi giày bố Nike, chiếc áo pull và quần jean bạc phết. Thời này chẳng ai còn để ý đến bộ lót bên ngoài. Người ta còn muốn kẻ-làm-công-bằng-trí-óc làm việc ở nhà nữa. Bởi vậy mới sinh ra những cụm từ mới như *home office*. Chủ được lợi vì tiết kiệm điện nước phòng ốc, và kẻ làm công cũng được lợi vì được ở nhà vừa xem TV, hay bất cứ việc gì mà không có một ai

để ý. Miễn làm sao công việc được trôi chảy hay hoàn tất.

Ông nói:

- Không thể ngờ hôm nay lại gặp cháu ở đây. Trước hết bác cảm ơn cháu đã tặng lọ bông súng. Bây giờ súng nở bông nhiều lắm. Cháu làm việc cho hãng này lâu chưa ?

- Thưa bác, mới được hai tháng.

- Bác nghe nói, ở VN muốn vào làm hãng ngoại quốc phải khó khăn lắm ?

- Dạ. Người ta nộp đơn nhiều nhưng chỉ có mỗi một mình cháu được chọn. Lý do cháu có bằng đại học Mỹ.

- Như vậy, cháu phải giỏi lắm. Gia đình cháu phải hãnh diện vì cháu.

- Dạ cảm ơn bác.

Ông nghe nói giấc mơ của những người trẻ tốt nghiệp ở VN không phải là giấc mơ Phù Đổng mà trái lại là được làm việc ở những công ty ngoại quốc, nhất là những công ty hàng đầu của thế giới. Vừa lương tiền cao, vừa kỹ thuật hiện đại lại có phương tiện dồi dào. Ngay ở xứ Mỹ này, khi người sinh viên tốt nghiệp, giấc mơ của họ cũng như vậy mà thôi. Được những hãng hàng đầu của Mỹ nhận được xem như một niềm hãnh diện. Hãnh diện ở những công trình to lớn, những phát minh thế kỷ, những tên tuổi của các người bác học được lãnh giải Nobel. Hãnh diện vì tên của hãng quá quen thuộc với mọi tầng lớp như thể đi sâu vào trong mỗi gia đình từ thế hệ này qua thế hệ khác. Như AT&T, IBM, GM, FORD, GE ... Nhưng cháu ơi, rồi một ngày cháu cũng sẽ phải như bác. Giấc mơ sẽ phải tan vỡ.

Cháu sẽ hiểu về những chữ trung thành, cố gắng tận tâm, lòng chung thủy. Muốn chung thủy hay trung thành chủ cũng chẳng cho phép. Đây nhé, người muốn nhảy thì người cứ nhảy, trước hết chúc mừng người có job tốt, nhưng nhớ báo trước hai tuần, để ta muốn *consultant*,

contractor thế chỗ người. Đám này thì đầy dẫy, kinh nghiệm đầy mình, mượn họ thì không bận tâm gì đến bảo hiểm, đến tiền cấp dưỡng, đến bao nhiêu thứ linh tinh khác. Hay muốn rẻ hơn thì đi tìm đám sinh viên mới ra trường, lương thấp mà lại có năng lực cao, ít tốn tiền bảo hiểm sức khỏe. Chủ bây giờ là chủ Mỹ. Xếp bây giờ là mắt xanh da trắng. Khách hàng bây giờ thì ở khắp hoàn cầu. Việt Nam chỉ là một nơi đầu tư chất xám như Ấn Độ, Nga, Ba Lan... Nếu mà làm khách hàng không vừa lòng, thân chủ khiếu nại, hay những dự án hoàn tất không đúng ngày qui định, thì chỉ có cách là cuốn gói già từ.

Ông bắt đầu hướng dẫn người bạn trẻ. Ông trải rộng lòng. Ông hiểu thời gian đầu của một kẻ mà xã hội phong là "cổ trắng" là thời gian thử thách nhất. Bởi vậy, ông rất cảm thông. Ông đem hết những kinh nghiệm, bí quyết, những điều mà ông cố giữ làm gia tài nghề nghiệp, truyền dạy cậu. Kể cả những vụn vặt ngoài lề, nhưng ông xem là quan trọng, có thể ảnh hưởng đến nghề nghiệp:

"Này, hãy coi chừng thằng Rich. Nếu nó có gọi điện thoại thì nói nó hãy gửi bằng E Mail. Hãy làm việc bằng e mail với nó. Nó hay tìm cách để chơi mình"

hay

"Lời giải bác đã soạn sẵn trong tài liệu. Cứ theo đó mà làm."

Bình ngồi bên ông ghi ghi chép chép. Ông dùng một ngón tay để gõ trên bàn phím. Bình nói:

"Bác đánh một ngón tay giỏi quá".

Ông dừng lại gật gật đầu, rồi đưa bàn tay phải mình lên.

"Cả bàn tay bác gần như bị liệt. Những sợi gân đã bị chết".

Ông muốn nói thêm:

"Một ngón bị mảnh lựu đạn cắt đường gân. Một ngón bị lưỡi hái chém khi ở trong tù. May mà bác vẫn còn sống sót..."

Nhưng ông im lặng.

Tháng 3, 2003

Tô Nhược Châu

Đã chết nghìn thu tiếng nguyệt cầm

Có phải người về theo gót gió
Xiêm y lỏng lẻo bến giang đầu
Trên sông có bóng trăng vàng rưng
Lãng đãng nguyệt cầm ngân tiếng thu

Ta đứng trên đồi mây viễn xứ
Thấy hồn chết đuối giữa rừng hoa
Bỗng nghe có tiếng loài chim lạ
Thoáng buồn như tiếng hạc đình xưa.

Bao năm rồi vắng người tri kỷ
Đàn lạnh lòng treo hờ cô đơn
Người quá vô tình đâu có biết
Âm thầm ta đợi mấy mùa trăng.

Mùa hoa rụng giữa hồn hoang phế
Cơn mộng cũng vừa thoát cánh bay
Chén rượu trăm năm hờ chưa cạn
Cuộc tình điên đảo một cơn say.

Trên bến giang đầu trăng bỗng chết
Nguyệt cầm im tiếng đến ngàn sau
Xiêm y đã khuất trời nhan sắc
Ta đứng chờ ai tóc bạc màu.

Đặng Tấn Tới

Chợt cảm

Bao nỗi nhọc nhằn lắng chút thơ
Thêm rêu, sương đọng ánh trắng mơ
Tình em thâm lặng xanh màu lá
Soi biếc đời nhau thoáng sống sờ

Trước đèn khuya

Việc vặt trong nhà vừa tạm yên
Khuya chong đèn nhỏ sáng trời riêng
Còn nuôi một điểm hồng trang trắng
Bút mực về xa, nóng lửa thiêng.

Trần Bang Thạch

Người đuổi bắt dĩ vãng

Lão Ngạc thấy mình gần như đứt hơi, đôi chân muốn đổ quỵ, thân người thì lảo đảo như trong cơn say rượu. Mặt trời đỏ ối trước mặt càng lúc càng to nhưng khoảng cách giữa lão và ông mặt trời thì mỗi lúc một xa. Bây giờ thì mặt trời đã chạy trốn ở đâu phía sau dãy núi đằng trước. Đàn quạ đen cũng đã bỏ núi mà bay về hướng biển. Lão Ngạc biết rằng mình sẽ bị mất phương hướng kể từ đây. Chạy. Lão Ngạc vẫn cứ chạy. Lão như bị hút bởi con trốt xoáy có cái đuôi dài ngoằn ngoắt tròn ốc trôi dập dềnh từ rất xa, còn cái miệng con trốt thì như một lỗ trứng rộng hoang hoác đang ở phía trước mặt lão; nó hút lão Ngạc về phía trước. Lão quỵ xuống, nó nâng lão lên bắt lão phải chạy tiếp tục. Lão té sấp, nó lật ngửa lão dậy, đẩy lão tiến tới. Con trốt đưa đôi chân lão chạy hệt hơi lên đồi cao, kéo đôi chân lão khắp khiễng nặng nề chạy xuống lưng thấp. Lão chạy trong vùng sương khói ở lưng chừng núi, lão chạy trên đá sạn gai gốc dưới chân đồi. Lão chạy từ khi mặt trời còn ở trên đỉnh đầu. Lão chạy từ khi cơn gió bắt đầu thổi mạnh từ hướng tây nam. Khấp người lão Ngạc đã ướt đỏ vì mồ hôi và máu; vậy mà lão không thấy đau đớn một chút nào. Lão Ngạc chỉ thấy một mái tóc. Phải rồi, một mái tóc lẫn lộn trong con trốt xoáy, cũng xoay tròn trong cái lòng phễu, khi ẩn khi hiện, đuôi tóc cũng trôi dập dềnh ở phía xa, oằn oại. Mái tóc như có hồn ma bóng quế, như có một hấp lực vô hình khiến lão Ngạc cứ theo sức hút của con trốt mà chạy về phía trước. Trong mùi biển mặn bốc lên từ dưới thấp và mùi khốc khô của núi đá chung quanh, lão Ngạc nghe có mùi hương cũ thoát ra từ giòng tóc xoáy. Và phải chăng từ một dĩ vãng thật xa mờ mà lão nghe từng sợi tóc thắm

thì những tiếng nói thân quen. Mùi hương xưa và những dáng hình xa xăm đang có đó, tất cả như quán cuộn theo giòng tóc đang trôi nổi giữa buổi hoàng hôn chờ giờ đây chết. Con trốt càng xoáy nhanh thì giòng tóc càng có ma lực biến hình. Lão Ngạc đã cảm nhận được hết những điều này trên những bước chân đầu tiên trở lại vùng trú ngụ mà lão đã bỏ đi từ thật lâu. Từ thật lâu, cái thị trấn nhìn lên là núi, nhìn xuống là biển tưởng đâu đã nằm yên đâu đó trong ngăn kéo của một đời luân lạc. Đầu tiên có lẽ là mái tóc dài bay nhẹ nhàng theo từng lượn sóng ngoài khơi và theo cơn gió liu riu trên bãi cát vắng. Người nữ như một bóng ma hời trôi nhập nhòa trong màu chiều, ẩn hiện sau hàng dương liễu. Em biết cuối cùng thì cuộc tình này cũng sẽ trả em về với biển. Không còn anh ở đây thì em chỉ biết sống với biển và im lặng cùng biển. Biển ôm ấp. Biển vỗ về. Biển vô cùng bao dung. Biển biết nghe từng lời thổn thức của em để mà chia xẻ. Phải chăng đó là những lời tiên tri mà em đã bất chợt nói với tôi trên một bãi cát vùng cửa biển năm nào, hỏi em yêu dấu? Hôm đó là những ngày đầu mình mới yêu nhau, làm sao tôi quên được. Những cay đắng của cuộc tình. Làm sao tôi quên được những khổ nạn đổ ụp xuống vai em ngay sau những ngày đầu chứa chan hạnh phúc. Em nói đúng. Có lẽ chỉ có biển mới có vòng tay rộng để ôm ấp và vỗ về em, người tình muộn của tôi. Còn tôi, đến với em tôi chỉ là một cơn sóng cuồng, trong một phút chệnh choáng lạc loài, từ ngoài khơi va vào bờ cát, ham hố liếm những gót chân trần, rồi quày quả trở ra khơi nhập vào giòng sóng cũ. Rốt cuộc chỉ còn biển để nghe em thì thầm. Chỉ có biển mới đủ rộng để chứa hết những tâm sự của em, người tình chỉ biết cho đi hết cõi lòng mà không mong một mảy may bồi đắp. Chỉ có biển mới biến giòng tóc em thành mây trôi gió nổi làm tím một trời chiều. Giòng tóc đó đang trong cơn lốc bây giờ để tự hóa thân thành đôi mắt ướt. Nửa khuya hôm đó giữa lưng

chừng con dốc chảy vào thị trấn, bên những toa xe đầy, em biết từ đó tôi sẽ bỏ biển, bỏ cái vách đá cheo leo bốn mùa gió hú này để trở về với đồng bằng. Em biết khi chuyển xe lăn xuống núi sẽ để rớt lại những âm thanh buồn. Chuyển xe đó, em biết, cũng sẽ không trở lại bao giờ. Đêm hôm ấy em đâu có nói một lời nào, vậy mà chừng như tôi đã nghe hết những gì em muốn nói. Trên vai tôi, đôi mắt của em đã nói biết bao điều. Tôi nghe những lời tình cuối thoát ra từ hai hồ lệ rồi lăn dài xuống đôi má đã xanh xao tự những ngày đầu hệ lụy. Tôi thấy vùng tối âm u của cuộc tình buồn trong hố mắt của em. Tôi nghe ruột em cuộn chín khúc. Tôi nghe lòng tôi đau chín chiều. Phải chi em đã khóc ngất trên vai tôi, hay em đã nói với tôi một lời. Phải chi em, như thường tình, trách người sẽ bỏ thuyền bỏ bến bỏ biển bỏ đời. Tất cả nỗi đau em đã nén chặt vào trong đôi tròng mắt ướt đầm của em, rồi em nuốt trọn vào lòng mình, cuu mang trọn kiếp. Sao em không nói gì hết để chuyển xe xuống đồi hôm ấy bớt đi một cân nặng. Sao em không nắm chặt tay tôi để cánh chim đêm hôm ấy bớt lẻ loi trên vòm trời đầy sương mù tháng chạp. Và để hôm nay tôi thấy bớt đi một chút màu buồn trong đôi mắt đang xoay cuồng trong cơn lốc trước mặt.

Chạy. Lão Ngạc cứ ráng rướn người chạy theo cơn lốc trước mặt, cơn lốc có mái tóc dài và hai hố mắt sâu. Mái tóc thì có lúc xoắn lấy từng con sóng cao từ ngoài khơi đổ ập vào bờ cát. Từng cọng tóc như cổ bắt lấy từng con sóng để cột chặt vào bãi bờ. Như người tình lang bạc, sóng vẫn muôn đời ra khơi. Có ai mà cột được con sóng bao giờ. Chỉ có mái tóc rối tung mệt lã cổ cằn thương tích nằm sóng soài trên cát ướt. Còn hai hố mắt sâu thì bây giờ như hai ngọn đèn pha của một toa tàu xuống núi. Đôi mắt soi thủng màn đêm để tìm trong đá cát, trong sương khuya chút ảnh hình còn rớt lại sau một lần tiễn

đưa nhiều năm trước. Cát đá thời gian có lẽ đã vô tình vùi lấp những tàn dư, nên đôi mắt bỗng thất tình, bỗng mù đi va vào vách núi, rồi rớt xuống vực sâu, chết thảm trên kè đá. Ngọn tóc ướt kể bên buông ra tiếng thở dài.

Từ trên triền núi cao, cơn lốc bây giờ đã ngoạm được thân hình lão Ngạc, nhấc bổng lão lên, và nuốt.

Nhiều ngày hôm sau một thằng bé con đi chơi lang thang trên bãi cát, nó thấy một bộ xương người mà nó tưởng là bộ xương cá đuối. Nó nhấc bộ xương gói trên kè đá, để ngày ngày làm một món đồ chơi.

Mang Viên Long

Thư cho học trò cũ

(Thương gửi các em học sinh trường Nguyễn Huệ, Bồ Đề,
Văn Minh thị xã Tuy Hòa – Phú Yên)

Đã bao năm rồi thầy xa bục giảng...
Và cũng bao năm thầy nhớ các em,
Như hoa phượng nhớ mùa hè nắng đỏ
Như lá vàng nhớ thu biếc thân quen!

Đường đời hút sâu – bóng người quá nhỏ...
Trời lồng cao, chim bé bổng về đâu?
Thầy thương lắm những bầy chim thơ dại,
Có tìm về tổ ấm giữa đêm sâu?

Xin hãy nhớ: giữ tâm mình trong sáng
Vững tay chèo vượt sóng dữ ngàn khơi...
Dầu gian khó nhưng ngày vui có hẹn,
Bến yêu thương chờ đón những sớm mới!

Các em nhớ: dầu chưa từng gặp lại
Dầu chân trời hay góc biển xa xôi
Thầy vẫn mãi hướng lòng theo cánh gió
Gởi yêu thương – mong ước đến muôn đời!

Ngày Hội đến lòng bỗng dưng sóng dậy...
Thương vô cùng những ánh mắt thân xưa
Thầy vội viết đôi lời thư nhắn gửi
Trọn chân tình nguyện theo gió xa đưa./.

Thơ khai bút đầu năm

Bạn ta,
Là “Con trâu què kéo cày nhai rạ
Chiều cuối năm nằm hóng mát nhìn trời” (1)
Ta không bằng bạn ta
Chỉ là con mèo hoang
Vật vờ bóng tối
Chiều cuối năm trên lẫm mốc:
Meo meo!

Bạn ta,
“Cũng hơi hơi một chút buồn thế sự” (2)
Ta chẳng được “hơi hơi”
Mà quá đổi muộn phiền
Mèo cô độc lặng yên
Xó tối
Buồn hay vui
Cũng hai tiếng “meo meo!”

Bạn ta,
“Cũng hơi hơi một chút vui bè bạn” (3)
Ta cũng mong được “hơi hơi”
Cho đời ấm chút
Ôi! kiếp mèo hoang
Ai ngó tới bao giờ

Cuộc đời ta,
Thua bạn ta xa lắc
Dấu “trâu già què” (4)
Cũng “một thời ruộng sinh, ruộng rộ” (5)
Ngó lại mình
Những năm tháng lang thang
Những năm tháng dài

Trên từng mái nhà rêu vắng
Gặm nhấm nỗi buồn
Trong từng vũng tối
Thênh thang...

Mồng 7 tết Quý Mùi

(1) - > (5) thơ THÂN

Túy Hà

Vô Tự Kinh

Ngày xưa Đường Tăng sang sông
Đánh rơi chữ nghĩa trống không kinh sầu
Làm sao còn phép nhiệm mầu
Là kinh không chữ biết cầu gì đây?!
Thôi thì gió thoảng mây bay
Không không sắc sắc đường mây phiêu bồng

Thiền môn

Nâu sòng một chiếc áo thôi
Làm sao gói được cả trời oan khiên
Lam y sương khói cửa thiền
Tình sao vọng động để phiền lụy rơi
Sóng biển đời, sóng chơi vơi
Cà sa khép lại xa rời thế nhân
Nợ đời những ái cùng ân
Dâng hương bảy tháp cầm bằng có nhau?!

Tâm

Mênh mông khói sóng sương chiều
Tiếng chuông cổ tự nói điều thiệt hơn
Tưởng rằng ở chốn thiền môn
Mây trôi nước chảy càn khôn đổi đời
Ai ngờ tâm chứa nợ đời
Vực sâu không đáy nổi đau lại đây
Có hóa thân thành cỏ cây
Cái tâm không tịnh cũng lây lất đời

Phạm Văn Nhân

Tìm về

Thạch dừng xe lại cách cây cầu đúc đã bạc màu nước sơn khoảng độ vài mươi thước. Anh chỉ hấn ngôi quán bên kia đường. Và rồi anh bắt đầu cất tiếng hát nho nhỏ đủ cho hấn nghe: *đêm thơm như một giòong sữa, lũ chúng em êm đềm rủ nhau ra trước nhà...* Câu hát nghe rất quen và rất dễ thương trong bài Dạ Lan Hương. Hình như anh hát với một dụng ý là để cho hấn nhớ lại một cái gì đó, mà lâu lắm có thể hấn quên. Có thể trong cuộc sống có những cái ta không thể nào nhớ hết, thì bỗng dưng một câu hát ai đó hát lên, gợi lại cho ta nhớ một khoảng thời gian, không gian nào đó. Như hôm nay, Thạch hát lại bài Dạ Lan Hương. Tiếng hát của anh loảng trong gió trưa. Buổi trưa đứng bóng trên quốc lộ 1, và trên mặt đường nhựa như thoảng có hơi nước bốc lên phía đằng xa. Vừa dứt tiếng hát: Thạch hỏi:

- Cậu nhớ ai thường hát bài này không?

- Không.

- Lâu quá. Cậu quên cũng phải. Qua bên kia đường cậu sẽ nhớ ngay.

- Ai vậy? Hấn hỏi.

- Thì qua bên kia đường cậu sẽ rõ.

Bước qua đường. Trời nắng như đổ lửa. Hấn đưa mắt nhìn về hướng cầu. Những vết sơn trắng trên thành cầu loang lổ bên cạnh chiếc lô cốt xây bằng đá chẻ bị những đám cỏ dại phủ kín cùng với đất đá và thời gian. Dấu vết của một thời chiến tranh đã qua.... Những chiếc cầu trên quốc lộ. Những lô cốt bên móng cầu, cạnh bờ sông gợi lại cho hấn những kỷ niệm mà những năm tháng dài trong đời lính hấn đã gìn giữ, an toàn cho những chuyến xe đi qua. Buổi sáng im ắng nào đó ngồi trên nóc lô cốt

nhìn dòng sông sau những đêm thức trắng canh giữ chân cầu. Nhìn dòng nước chảy đục ngầu dưới cầu, hấn và những người lính của hấn biết là đêm qua trên thượng nguồn đã có cơn mưa núi. Những lúc dòng sông im ắng lững lờ trôi, rồi nhìn những mảng lục bình trôi trên dòng nước, hấn lại liên tưởng đến một trái phá sắp nổ dưới chân cầu. Sáng nào, thấy đồng bọn bình yên trong lô cốt hay cây cầu cũng bình yên như mạng sống con người để hấn phóng tầm mắt nhìn dọc hai bờ sông như hai thung lũng rậm rạp cây rừng với tiếng chim rộn ràng cất tiếng hót. Hay như có một tiếng súng nào đó của người lính buồn, bắn vu vơ làm cho lũ chim rừng giật mình sợ hãi, cất cánh bay. Hấn chỉ nhìn thấy như thế hằng ngày, hằng ngày với vài chuyến xe dò chạy ngang qua, và tiếng la quen thuộc của tên lơ xe khi sắp sửa qua cầu: dừng bỏ giấy bỏ rác xuống cầu nghe bà con. Chỉ có những chuyến xe qua cầu là hấn thấy còn có sinh khí để sống trên những chiếc cầu đìu hiu này. Có chăng chỉ có tiếng chim rừng và tiếng nước chảy róc rách dưới cầu để cho hấn nhớ đến bài hát: Bên Cầu Biên giới mà có lần, hấn về phố thị, người bạn hấn ôm đàn hát cho hấn nghe....

Ngôi quán mà Thạch đưa hấn đến thật im ắng khác với bên kia cầu cũng vẫn có chiếc lô cốt cũng xây bằng loại đá chẻ đó, nhưng không có những loài cỏ dại mọc. Có lẽ lũ trẻ hay chơi đùa nơi đây dưới bóng mát một cây sung. Và phía dưới dốc cầu là cảnh sinh hoạt bát nháo. Những ngôi quán bán cơm cho những chuyến xe khách đường dài qua lại. Những ngôi quán mà lúc nào cũng ồn ào tiếng người và tiếng nhạc. Nhạc đủ loại. Nhạc vàng. Nhạc ca ngợi những người lính của miền nam cũ như hấn. Ít có nhạc nào sau năm 75. Nhạc mở thoải mái, ồn ào. Quán cơm này tranh với quán cơm kia, cùng với tiếng rao hàng mời gọi của những trẻ nhỏ dưới cơn nắng

của một thị trấn nhỏ. Một cảnh bát nháo , mời mọc, giành giật. Vừa bước xuống xe, Thạch đã đứng đợi hấn dưới hiên một quán cơm . Hai thằng rảo bước lên dốc cầu. Vài ba đứa bé chạy theo nín kéo, mời mọc. Hình như lâu lắm, hấn không về thăm thị trấn nhỏ bé này, từ lúc Thử đi lấy chồng. Gần 30 năm hơn hấn mới trở lại đây. Hấn dừng lại trên cầu, nói với Thạch: cuộc sống có nhiều thay đổi lắm phải không? Thạch nhìn xuống dòng sông, cười như muốn khóc: nhìn tôi là cậu biết rồi. Nhưng thôi, cứ xem như nước chảy qua cầu là được . Bọn mình còn sống gặp nhau là may. Hấn đưa tay lên vuốt lại mái tóc : còn Thử thì sao? Thạch cúi người xuống nhặt cái lon coca trên cầu rồi nói bằng giọng mỉa mai: cái này cũng có tiền lắm đây. Tích tiểu thành đại. À! Cậu hỏi Thử? Thử đã theo chồng con qua định cư bên Mỹ rồi. Chồng Thử ở tù bảy, tám năm chi đó. Đi định cư theo diện tù . Thế là thoát, hấn nói với Thạch khi hai đứa xuống dốc cầu. Rồi Thạch nhìn hấn hỏi, giọng buồn bã: còn cậu, khi nào thì đi? Chẳng biết nữa. Giọng Thạch xa vắng: bạn bè lần lượt xa nhau hết. Hấn vừa đi vừa nhìn lại thành cầu loang lổ những vết sơn, hấn thấy buồn buồn. Còn đâu những sáng tinh mơ, những chiều sẩm tối, hấn ngồi trên thành cầu nhìn về hướng rừng và hai bên bờ sông thật buồn. Tưởng tượng ngày nào hấn còn trong quân ngũ.

Đứng trước quán, Thạch gọi:

- Chủ quán, ra đón khách phương xa về.

Một người đàn ông trông lụ khụ bước ra, neho mắt nhìn. Hấn cũng chẳng nhìn ra ai. Hấn đưa tay bắt. Thạch nói:

- Hai ông nhận ra không?

- Trí óc mù mờ quá. Tôi chịu đấy. Hấn nói.

- Vào đây. Vào đây. Tôi nhớ rồi. Người chủ quán vỗn vỗ. Dám hơn 30 năm rồi phải không. Từ lúc cô Thử đi lấy chồng. Ông bỏ đi mất.

Hắn lại nheo mắt nhìn người chủ quán. Gió từ dưới sông thổi lên làm tung bay những tờ lịch treo trên vách lá. Một thoáng nhớ trong óc hắn rất nhanh. Ai nhỉ? Có phải là Khảng không. Hắn hỏi.

Người chủ quán cười:

- Còn ai vào đây nữa. Tôi nghĩ cậu quên rồi. Ba mươi năm hơn chứ phải ít đâu.

Hắn đưa tay lên gỡ gỡ đầu. Mái đầu có những sợi tóc trắng chiếm gần hết.

- Vâng. Ba mươi năm hơn có lẽ...

2/

Hắn nhớ. Vào lúc đó, thị trấn chẳng có gì gọi là yên ổn. Ngay như dãy phố duy nhất gần khu chợ, bệnh xá cũng chẳng được yên gì. Chỉ có gần quận. Con phố ngắn, cụt ngắn là còn có chút an ninh. Nhà Thạch ở trên con phố ngắn này cho nên có sự an ninh tương đối cho những bạn bè của Thạch về tá túc, ngủ qua đêm. Mỗi lần về thăm Thử ban ngày, đêm hắn cũng phải về nhà Thạch ngủ lại trên căn gác xép. Căn gác trống trải, tha hồ cho bạn bè ngủ lại. Đêm đó, hắn nghe có tiếng đàn guita đệm nhẹ nhàng ngoài hàng hiên, và giọng hát khe khẽ cất lên : *đêm thơm như một giòng sữa*, lũ chúng em êm đềm rủ nhau ra trước nhà...Tiếng hát, tiếng đàn như quyến chặt vào trong đêm thanh vắng, một nỗi bình yên thật lạ lùng, mà đáng lẽ ra phải có cái gì đó đang chờ chờ trong nỗi lo sợ của những con người đi tìm một giấc ngủ qua đêm trên căn gác nhà Thạch. *Đêm thơm như một giòng sữa*...Bài hát đã quyến rũ hắn, làm hắn trần trọc không sao ngủ được. Cũng như một hôm hắn về thành phố trọ lại trong căn nhà cũ kỹ người bạn ngồi hát cho hắn nghe bài hát Bên Cầu Biên giới. “ em đến bên tôi một chiều khi nắng phai rồi. Nắng như ngừng bên chiếc cầu biên giới...”. Vâng. Những chiếc cầu mà hắn

gìn giữ đều hiu như trên biên giới xa, chỉ có tiếng nước róc rách dưới chân cầu , và tiếng chim rừng. Con người như bị chùng xuống trên một không gian im ắng, dễ sợ, ngày cũng như đêm.

Hắn ngồi dậy, mỗi điều thuốc hút, ra ngồi bên cạnh khung cửa lớn, im lặng nghe người đàn ông mảnh khảnh, gầy gò đang ôm đàn ngồi hát khe khẽ. Anh vẫn miên man ngồi hát không hay biết. Đêm thơm như một dòng sữa dưới vườn nhà Thạch, thoang thoảng hương lài, hương nhãn tỏa trong đêm. Trăng thượng tuần trải dài trong ngôi vườn thanh vắng như một giòng sữa mát. Hay quá, hắn mê giọng hát và tiếng đàn trong đêm ngủ nhờ lại nhà Thạch mất rồi. Đêm, thơm như một giòng sữa. Sao nghe yên bình quá vậy. Chiến tranh như bị hương thơm của những loài hoa trong vườn nhà Thạch xua đi, chỉ còn lại nỗi thanh bình trong những lối đi mòn qua những câu hát của người cũng trốn đi ngủ nhờ. Một nỗi bình yên đang nhẹ nhệ tới với hắn. Bình yên. Hắn nhắm mắt để hưởng hết cái dịu ngọt của đêm trăng thượng tuần dưới khu vườn nhà Thạch. Không còn phải nhìn thấy những ông xã, những nhân viên hành chánh ở những nơi mất an ninh đạp xe đi tìm chỗ ngủ. Yên bình quá, bạn ơi, hát nữa đi. Và, hắn nhắm mắt...

Dòng sông bên kia khu vườn nhà Thạch vẫn sáng lấp lánh dưới trăng. Tiếng hát của người bạn Thạch trong đêm như còn vượn xa hơn qua bên kia dòng sông, chạy dài trên những động cát đỏ au. Mà nơi bờ sông này thuở hắn vào khoảng 8 hay 9 tuổi đã theo mẹ đến đây để thăm bố hắn. Khi đó bố hắn đang phục vụ trong quân đội Việt Pháp. Hình như tiểu đoàn 81 GI thì phải. Hắn nhớ đã đi lại nhiều lần trên bờ sông này trong những ngày nghỉ học được mẹ cho đi thăm bố. Những dãy nhà lính cất lên bên bờ sông , và mỗi đêm hắn đã nghe những

đồng đội của bố hấn nói chuyện ở phía bên kia bờ sông. Bên đó là những động cát đỏ au, chạy dài ra tới biển. Bên đó là những vườn nhãn hoang trùng trùng điệp điệp. Bên đó lại còn có dấu chân cạp để lại trên những đồi cát hoang vu, và những đứa bé không được qua bên kia sông vào buổi chiều chạng vạng. Để rồi hấn nhớ mãi cái tên gọi của đồi cát hoang vu đó: Động Thái An. Con người ta cũng khéo đặt cho những tên làng, tên xã, tên đất đai một cái tên thật an bình, mà ngấm ngấm lại chẳng chút an bình sau này. Cuộc đời binh nghiệp của bố hấn chấm dứt, tới hấn, thì động Thái An bên kia sông chắc không còn có những dấu chân cạp, mà như người bạn hấn hành quân qua bên kia những ngọn đồi cát trùng điệp đó, đã viết: Đêm nằm bắt vông trên đồi cát. Nghe súng đằng xa nổ cát cù.. Mặt khu Lê Hồng Phong hôm nay.

Súng đạn ngày hôm nay không chứa chỗ nào. Cho nên đêm phải có người đi tìm chỗ ngủ. Cũng như hấn, về thị trấn nhỏ này thăm Thử thì đêm cũng phải tìm một chỗ ngủ tạm qua đêm, không dám ngủ lại bệnh xá.

Thuở đó, con phố này vui lắm. Khu chợ ồn ào, Buổi sáng, đứng trước khu nhà dành cho binh sĩ, hấn đã thấy những người Chàm đội hàng trên đầu ra chợ. Những con dê nhớn nhai lá keo dọc theo bờ sông. Bây giờ trại gia binh đó đã tháo gỡ, con đường cũng đã đổi thay, mất hút những hình ảnh rất quen thuộc trong ký ức của hấn. Con đường đã được mở rộng. Chỉ còn lại chẳng là hàng me bên đường vẫn được giữ nguyên. Những động cát bên kia sông vẫn mờ mờ trong đêm trăng vắng. Và rồi ai cũng mơ: đêm thơm như một giò sữa...như tiếng hát của người ngủ nhờ qua đêm.

Chiến tranh đang về trong phố thị nhỏ bé. Nơi đây có Thử đang làm việc. Nơi đây có những bạn hấn đang làm

việc ban ngày, còn ban đêm phải đạp xe đi tìm chỗ nào hơi an toàn để ngủ . Có lần Thử đã nói với hấn mấy người bên kia những ngọn đồi cát đêm lên về bệnh xá lấy thuốc men. Thử sợ quá, phải giả làm bệnh nhân trong số vài ba bệnh nhân nằm lại điều trị. Vì sợ, nên mặt mũi tái xanh, nằm trùm chằng rên ư hử. Những tia sáng của ngọn đèn pin quét ngược, quét xuôi tìm kiếm cô y tá của bệnh xá. Tiếng đập tủ thuốc. Tiếng la hét: nó ở đâu. Bắt nó. Nằm trong chăn mà muốn vãi nước đái ra quần, trông cho trời mau sáng để mấy người bên kia những ngọn đồi cát rút đi. Trước khi rút trời còn sẫm tối, họ đã đốt chiếc xe hơi duy nhất của bệnh xá. Những lần sau, hấn về thăm Thử, ngồi trước bệnh xá điều hiu này, Thử chỉ cho hấn cái xóm bên cạnh bệnh xá: mấy ổng về từ xóm này đó. Xóm Mận. Hấn nói. Mùa hoa mận trổ bông trắng xóa cả khu xóm mà năm nào Thử cũng gọi hấn về để nhìn hoa mận nở. Thị trấn nhỏ này còn có chỗ nào khác để ngắm hoa, dù là hoa mận. Hoa nở trắng cả khu xóm, vì nhà nào cũng trồng toàn mận. Mỗi lần hoa mận nở, Thử đưa hấn qua bên đó chơi. Cái xóm yên ắng, dễ thương chạy dài ra tới bờ biển cũng vắng bóng người qua lại. Những gương mặt hiền hòa trong những ngôi nhà lá lụp xụp nằm khuất dưới những cành mận trổ hoa trắng, trông thật dễ thương. Nhưng nào ngờ nơi đó lại là nơi xuất phát đoàn người về từ phía bên kia những đồi cát trong đêm. Từ ngày đó, Thử không đưa hấn qua bên kia xóm mận nữa.

Thị trấn nhỏ như gắn chặt tình bạn bè. Mỗi lần về thăm Thử là tối phải đến nhà Thạch, và người đàn ông mà hấn quen cũng phải ôm đàn bỏ lại ngôi nhà dưới chân những đồi cát, để đi tìm một chỗ ngủ.

Gió từ dưới sông thổi lên , hắt nghe mát. Giờ này thủy triều lên lấp liếm sát bờ quán và những cây bần. Hấn vẫn ngồi im vô vô điều thuốc xuống mặt bàn. Ngồi quán vắng, không một người khách nào tới vào cái giờ này. Hấn nhìn Khảng: lấy gì mà sống, hả ông? Khảng cũng nhìn ra mặt sông, xa vắng: cũng đắp đổi qua ngày. Phải chi có chút vốn như Huỳnh qua mở quán cơm bên kia thì khá hơn. Hấn nhìn trên gương mặt của Khảng, khắc khổ như một người tu hành, khô hóc, rồi nhìn lên vách lá chiếc đàn guita đã tróc nước sơn treo trên vách, có lẽ là người bạn tri âm với Khảng. Hấn hớp một ngụm nước trà nóng, hỏi: Còn ngôi nhà của cậu dưới chân đồi cát đâu, sao cậu không ở đó. Chẳng còn nữa, bà chị trên rừng về chiếm chỗ, tôi phải ra đi. Hấn hỏi: sao lạ vậy, cậu là trưởng, nhang khói thờ phụng? Thạch nói cay đắng : đổi đời. Ngôi nhà mà hấn đã đến một lần vào mùa hoa bắp trở, hoa đậu phụng nở vàng ối lấp thắp trên những vồng đất được vun xới , làm cỏ cẩn thận. Ngôi nhà ngói cổ nằm khuất sau một khúc quanh của con sông. Và những đồi cát. Lần đầu tiên hấn thấy cát di chuyển theo hướng gió tạo thành những con sóng cát lăn tăn thật đẹp. Cát cũng đổi màu theo ánh mặt trời sáng trưa chiều. Ngôi nhà có gió lộng bốn hướng, nhưng Khảng vẫn ở không được, mỗi ngày, khi mặt trời lặn bên kia những đồi cát, là anh phải ôm đàn đi tìm chỗ ngủ. Chưa một lần Khảng dám ngủ lại nhà để nhìn thấy ánh trăng chiếu sáng trên rẫy nương. Chưa một lần Khảng dám ôm đàn ngồi hát trước hiên nhà vào những đêm trăng sáng như giồng sữa. Chưa. Chưa bao giờ. Hấn nghe nói như vậy, và hôm nay Khảng sống trong ngôi quán vắng, im ắng này. Đổi đời, như Thạch nói.

Hấn về thăm thị trấn nhỏ để tìm lại những bạn bè, có lẽ một lần này thôi. Và thăm lại khu bệnh xá mà ngày nào Thử làm. Một kỷ niệm mà lúc nào hấn cũng trân quý.

Hắn muốn tìm lại và đi lại trên những con đường mà dấu chân của hai người lún sâu dưới cát mỗi lần bước đi. Hắn hỏi Thạch về khu bệnh xá và xóm mạn có gì thay đổi không. Xóm bờ đê cũng như nhà thuốc Tây ở đầu đường vào bệnh xá. Buổi sáng hôm sau, hắn đến và ngồi thật lâu trước hiên bệnh xá mà ngày nào hắn và Thử đã ngồi. Hắn vẫn về hòn sỏi trên lối đi. Nhân viên trong bệnh xá qua lại tưởng hắn là thân nhân của một bệnh nhân nào đó, đang chờ. Hắn nhìn qua bên kia, xóm mạn cũng đã thay đổi nhiều. Những ngôi nhà lá lụp xụp đã mất dạng, thay vào đó là những ngôi là ngôi mới. Nhà của chính sách.

Ngồi trên bậc thêm của bệnh xá, hắn muốn nghe lại tiếng guốc quen thuộc ngày nào của Thử qua lại trên hành lang, hay đến từng giường của bệnh nhân. Tiếng guốc, tiếng nói như còn vang lại đâu đây, còn đọng lại trên từng viên gạch, làm sao mất được. Thì bỗng, có tiếng guốc dừng lại, và tiếng người đàn bà, hỏi:

- Thầy về rồi đó sao?

Hắn nhìn:

- Chị. Chị Tám phải không?

- Dạ. Em đây. thầy vẫn mạnh?

- Cám ơn chị. Chị vẫn còn làm ở đây sao?

- Dạ. Lao công mà.

Rồi chị nói thêm: gia đình của cô Thử đi hết rồi.

Hắn vờ hỏi:

- Đi đâu?

- Đi mỹ. Còn thầy thì sao. Có đi không?

Hắn nhìn chị Tám, người lao công của bệnh xá hiền lành chất phác ngày nào khi Thử còn làm ở đây. Hắn lắc đầu đứng dậy, chào người lao công cũ, ra cổng. Hình như chị Tám vẫn còn đứng đó, ngó theo. Con đường cát trước bệnh xá, chỉ còn lại dấu chân hắn lún xuống mỗi bước đi. Cô đơn. Cô đơn vô cùng tận./.

Nguyễn Phan Thịnh

Chuyện tình Nathalie

đáng lẽ của ta con chim vàng ấy
từ trên trời nơi đỉnh cao sang
đáng lẽ phải là người yêu ta nàng ấy
thật lạ lòng nàng dịu vuốt bi thương

vẫn mệt mỏi còn ôm hy vọng nhỏ
nhánh khô con nước mắt cuốn chìm thân
không yêu nữa ta muốn cười mềm mại
bay đi chim hỡi trời bay đi chim

có mắt khóc để làm thân đau đớn
có tim reo để yêu người ở xa
máu tan đó khi hoa vừa rơi rụng
chua chát không cơm rượu đã cho ta

con chim ấy hóa thân phù thủy nào
(ta nhủ thầm khi ta muốn giết nàng)
khô như đá và lạnh như đỉnh tuyết
tàn nhẫn nàng không dù đối ử an

nathalie ! em đã đi đâu chưa
nathalie ! tarun hôn đau ốm
hãy về ta hỡi na giờ ngón vuốt
ta nức nở hôn ta trong áo na

chim vàng ấy còn bay cao mãi không
chim vàng ấy đậu ngón tay ai thế
cười nụ đỏ các móng chim cũng đỏ
vì ta chẳng chim hót buồn du dương

thương nàng không con chim độc ác ấy
không yêu ta không là của riêng ta
run rẩy hót lồng ai nơi xứ tối
thả lông tơ gió nổi quá kiêu sa

sợ nổi chết mở ngậm và mắt đóng
thôi chim vàng thôi ta bóp cổ chim
na hời na cho hồn ta bầu bạn
na hời na hai đứa với nhau ngoan

chết đi chim thôi chết đi hời chim
na na ơi về khóc giữa yêu đương

Từ Thế Mộng

Đêm nghe tiếng vạc kêu

Trăng từ kẽ lá
trăng lên
nửa khuya
với nửa trăng mềm mại em

Mộng nằm mộng
dưới hàng hiên
càng khuya khoắt mộng
càng huyền hoặc sa

Xẹt ngang qua mái hiên nhà
không gian rộng
bỗng vỡ oà
vạc kêu !

Tiếng kêu
lạnh cho anh nằm
nghe quặn quại
cả tiếng lòng
quạnh hiu

Giật mình
thấy mộng quàng xiêu
thấy tay em đã
mòn yêu dấu người !

Phan Thiết 93

Lê Nguyễn

Cho người nằm lại

Hoàng Liên Sơn ơi - sao quên

Bao nhiêu năm đó

có đêm - không ngày?

Cổng trời vời vợi chân mây

Thanh Lâm vượt hứ

bản Tày mù tằm!

Xưa ai ngâm ngải tìm trầm

Suối trong - nước độc

chôn thân dẫm về!

Nay thương phần số bạn bè

Buổi ra đi có

ngày về lại không!

Lạnh buồn mộ cỏ khuya đông

Tình xưa

thiếu phụ chờ chồng

nhiều năm?

Ai về phương ấy - quê Nam

Cho oan hồn nhắn lời thăm mẹ già!

Chờ con - nước mắt đã lòa

Con xanh mồ cỏ

Mẹ nhòa đôi mi

Trang đời

thảm cảnh khắc ghi !

Võ Hồng

Nhớ Nữ sĩ Tương Phố

Tôi được quen với nữ sĩ Tương Phố chặng năm 1960. Lúc ấy tôi đang dạy học tại trường Trung học Bán công Lê Quý Đôn và trường Trung học Bồ Đề Nha Trang. Người con trai của bà, ông Thái Văn Châu thì đang làm Hiệu trưởng trường Trung học Tư thực Tương Lai. Vợ ông Thái Văn Châu cũng đang làm nghề dạy học.

Gia đình có con, dâu, cháu đông vui nhưng là không ở chung. Bà thuê một căn nhà nhỏ của ông thợ Sấu – thợ mộc – ở đường Trịnh Phong, khu Xóm Mới (hiện nay căn nhà vẫn mang rõ 68 Trịnh Phong nhưng đã thay chủ và được hoàn toàn xây cất lại). Bà sống một mình. Vuông sân trước nhà có những bụi chuối, cây đu đủ, rò hành, cây ớt...

Dáng người bà thấp đậm, chắc chắn; khuôn mặt vuông, đầy đặn; mái tóc đã lốm đốm bạc. Giọng nói vang sang sáng. Nét chữ của bà rắn chắc, chữ ký vững vàng tựa nét chữ đàn ông. Mắt sáng. Mọi cử chỉ đều nhanh, dứt khoát. Vì nhà tôi nằm trên đoạn đường hàng ngày bà đi chợ xóm mới nên rất nhiều khi bà đứng trước cổng kêu to: “Hồng ơi! Có nhà không?”. Tiếng gọi đồng dạng. Thường gọi nhất là sáng chủ nhật vì bà biết chắc là tôi có nhà. Khi bận việc hay đau ốm không đến được thì bà hay biên mảnh giấy nhỏ nhờ cô bé tên Lỗi, chừng mười hai tuổi, con ông thợ Sấu, đem sang.

Bà có vẻ không bận lo sinh kế, không phải làm một nghề gì để sống. Thì giờ nhàn rỗi nhiều, ngoài việc đọc sách tôi thấy bà hay tiêu khiển bằng cách làm những món bánh mứt. Bà rất thích làm món ô mai, bà mời tôi nếm, bà còn gói bắt đem về. Tự nhiên tôi nhớ đến bài thơ *Muốn ăn rau sống chùa Hương* của thi sĩ Tản Đà cảm tạ

em bà là bà Song Khê (lúc này đang ở Sài Gòn) đã tặng ông rau sắng. Càng dễ liên tưởng là bởi những năm 1940-1943, ở Hà Nội tôi hay ghé tới nhà ông Nguyễn Mạnh Bổng, vừa bán sách vừa bán ô mai gốc chùa Hương. Ô mai của bà Tương Phố làm ra mang khí vị đặc hạng Hà Nội ngày xưa, từ tay những tiểu thư hàng Đào, hàng Gai.

Ở nhà và đi chợ – chợ cách nhà khoảng hai trăm thước – bà chỉ mặc áo cộc hoa. Mùa mưa lút đường vô chợ lấy lội, bà ngang nhiên mang giày ống cao su đen lên cao tới đầu gối. Hết đời an nhiên tự tại.

Thế hệ của tôi quen tính nghiêm cẩn, nhưng so với bà thì phải chịu thua xa. Nhớ có một lần đi cùng bà trên đường Mê Linh, qua nhà một người bạn, nghe có tiếng gọi, tôi dừng lại. Bạn tôi đang ở trần, mặc quần đùi, tưới mấy chậu hoa. Nhấn nhẹ vội mấy câu rồi cáo biệt. Chợt bà đằng hắng rồi ôn tồn nói:

- Ông bạn vừa rồi... thấy nhà có con gái mười hai, mười bốn tuổi mà cứ mặc quần đùi. Không được vậy.

Tôi chỉ lặng nghe, không dám có ý kiến. Vì nói theo hay nói chống lại cũng đều được. Hơi dễ nữa. Nên không cần nói. Một lần khác bà chỉ tôi coi một lần xếp nơi góc bìa của một cuốn sách, nói:

- Cuốn này mới cho một người quen mượn. Mượn đọc mà cầu thả để cho gãy góc cái bìa sách, vậy là thiếu nghiêm túc, cẩn thận.

Tôi giật mình. Bởi đó là lỗi dễ mắc. Có lần tôi khó chịu lấy bàn là ủi một lần xếp dài không hơn bốn phân, vậy mà nó nhất định không chịu thẳng. Vải, lụa, dạ, nỉ... đâu có khó tính như vậy?

Căn phòng của bà sạch, gọn; mọi vật không hề thay đổi như trong một bức tranh tĩnh vật. Bà ăn mặc luôn luôn sạch và gọn. Y như thơ bà đúng niêm đúng luật, dụng ngữ nghiêm túc, lập ý chân phương.

Có một câu này dường như thường ám ảnh bà, bà hay

nhắc cho tôi nghe: *Si jeunesse savait, si vieillesse pouvait*. Đại khái nghĩa là: “Nếu hồi trẻ mà ta biết được, nếu khi già mà ta còn làm được”. Điều ân hận ngậm ngùi mà người nào lên sáu mươi tuổi chắc chắn cũng đều nhận thấy.

Có lần bà bảo tôi:

- Đây, Tương Phố nghe báo chí bên Pháp có đăng tin một cơ sở nghiên cứu khoa học đang thí nghiệm một thứ thuốc. Tiêm vào thì ngủ vùi hai ba mươi năm. Khi nào cần cho tỉnh lại thì tiêm vào một mũi thuốc tỉnh. Cốt để cứu những bậc thiên tài, những nhà tử phú hiện mắc chứng bệnh nan y không có thuốc nào chữa được. Tiêm cho họ ngủ một, hai mươi năm, đợi ai phát minh được thuốc chữa thì cho họ tỉnh dậy. Cơ sở khoa học đó đang kêu gọi người tình nguyện đến cho họ thí nghiệm. Hồng biên thư giùm, nói Tương Phố xin tình nguyện.

Tôi trả lời rằng: “Được. Sẵn sàng”, vừa dò xem động cơ tiêm ần nào xui bà nghĩ tới điều đó. Nhưng rồi sau đó bà tìm địa chỉ không ra, câu chuyện trôi qua, bà không nhắc lại.

Mùa hè 1969, bà hồi hải rời bỏ Nha Trang lên ở Đà Lạt, không kịp giã từ bè bạn. Sau đó nghe tin bà từ trần.

Cuộc đời của bà: mười bảy tuổi lấy chồng. Ở với chồng mười tháng, sinh được đứa con lên sáu thì chồng đi theo đoàn lính từng chinh sang Pháp (1916). Năm 1920 chồng chết, và vậy là mới hai mươi mốt tuổi bà đã thành sương phụ. Cuộc đời ngang trái khiến bà viết *Giọt Lệ Thu*. Đó là lời than của một quả phụ trẻ, bắt đầu bằng bốn câu lục bát:

Trời thu ảm đạm một màu

Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em

Trăng thu bóng ngả bên thềm

Tình thu ai để duyên em bẽ bàng.

Và kết thúc cũng bằng bốn câu lục bát:

*Sầu thu nặng, lệ thu đầy
Vì lau xan xát, hơi may lạnh lòng
Ngổn ngang trăm mối bên lòng
Ai đem thu cảnh họa cùng thu tâm.*

Phần chính được diễn bằng văn xuôi kể về nỗi sầu nhớ bi thương, dài khoảng 2.500 chữ, lời văn nặng lối biền ngẫu của thời quốc ngữ mới phôi thai, còn chịu ảnh hưởng của văn Trung Hoa:

... Anh ơi, nước non còn đó mà anh vội đi đâu? Ngày xanh sao chẳng ở cùng nhau, duyên thắm nở nào chia rẽ lửa. Ngoài nội uyên kia còn chấp cánh, trên nường én nọ chẳng lìa đôi, tung mây kết bạn ngang trời, nghĩ chim riu rít tủi người lẻ loi...

... Về với anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang thì em lại bồi hồi nhớ trước tưởng xưa, lòng thu một tấm cũng ngầy ngất sầu!

Giọt Lệ Thu được đăng trên tạp chí Nam Phong số 131 năm 1928. Năm 1952, *Giọt Lệ Thu* được xuất bản thành sách tại Hà Nội, năm 1967 được Nam Chi Tùng Thư tái bản tại Sài Gòn. Trong kỳ tái bản có trích đăng những cảm nghĩ của hơn 80 độc giả (không kể nhiều thư bị thất lạc – lời NXB) trong đó có tới 30 vị thuộc phái nữ. Đặc biệt có thơ cảm đề bằng Hán văn của ông Mã Lương Nguyên, có bản dịch toàn bộ *Giọt Lệ Thu* ra tiếng Pháp của bà Jeanne Duclos Salesse và một đoạn nhạc của nhạc sĩ G. De Gironcourt cảm tác sau khi đọc bản dịch *Giọt Lệ Thu*.

Năm 1960, tại Sài Gòn, Nhà xuất bản Bốn Phương (do thi sĩ Đông Hồ làm Giám Đốc) in tập thơ *Mưa Gió Sông Tương*, tập thơ thứ hai của bà. Tập thơ in những bài bà sáng tác từ 1915 đến 1919 dưới tiêu đề: *Những Ngày Xa Nhau*; từ 1920: *Những Ngày Mất Nhau*; từ 1925: *Đã Mất Nhau Rồi Lại Mất Nhau* (Tái tiêu sầu ngâm). Bài chót của tập thơ ghi ngày 31.10.1949.

Hôm nay nữ sĩ Tương Phố đã nằm yên dưới một ngôi mộ. Ngẫu nhiên mà bản nhạc cảm đề *Giọt Lệ Thu* của ông G. De Gironcourt được đặt tên là *Le chant du tombeau* (Tiếng ca của ngôi mộ)!

Nguyễn Cát Đông

Phận Người

Trong Chữ Nghĩa Phạm Văn Nhân

Từ lâu lắm rồi, khoảng gần cuối thập niên 60, trên chuyến xe đò về miền Tây, anh bạn thơ, cũng là một thầy giáo dạy Việt văn Hạc Thành Hoa và tôi bàn lan man về truyện Phạm Văn Nhân và nhiều bạn văn khác. Về Phạm Văn Nhân, chúng tôi đồng ý một điểm: Phạm Văn Nhân kể chuyện bằng chữ nghĩa trên mặt giấy. Rồi sau đó mấy tháng, lúc phụ trách tờ tạp chí của sinh viên ĐHSP/SG, tôi nhận được một bài viết của một anh sinh viên ban Việt Hán với bút hiệu Huỳnh Phan (tác giả Câu Chuyện Thầy Trò đăng thường kỳ trên Bách Khoa, sau được nhà Trí Đăng in thành sách năm 1971). Bài viết khá dài phân tích các nhân vật trong 2 truyện ngắn Phạm Văn Nhân. Lâu quá rồi, tôi chỉ còn nhớ được là tác giả bài phân tích kết luận rằng : trong truyện PVN, một em bé, một người thanh niên hay một lão ông đều là hình ảnh của TA đó.

Ba mươi năm qua, giờ đây nơi xứ người, đọc tập truyện VÙNG ĐỔI của Phạm Văn Nhân, tôi vẫn đồng ý với hai nhận xét trên : Phạm Văn Nhân không viết truyện mà thật sự anh đang kể chuyện của chính chúng ta cho chúng ta cùng nghe. Trong Lời Mở, Phạm Văn Nhân cũng đã viết: “ Trước 75 và bây giờ cũng vậy. Viết những gì mà tôi đã thấy, đã nghe, để ghi lại như một câu chuyện kể, bạn bè đọc cho vui ”.

Bạn bè đọc PVN chắc chắn là không vui rồi. Vì tất cả 11 chuyện kể là một chuyện dài thật buồn. Phận người

trong chiến tranh thì có gì là vui. Không phải một, mà hai, mà ba cuộc chiến. Cuộc chiến 10 năm chống thực dân. Cuộc chiến 20 năm gọi là Ý thức hệ. Và cuộc chiến còn đang tiếp diễn giữa hàng triệu triệu người quốc gia yêu chuộng Tự do trong và ngoài nước với một số người CS cầm quyền.

Tôi thích được gọi Vùng Đồi là một truyện dài, vì các truyện có những nối kết thật tự nhiên, từ thời gian, từ nhân vật đến tình, đến cảnh. Tôi cũng thấy Vùng Đồi còn là một truyện dài bất tận, vì thân phận con người VN trong bối cảnh VN hiện tại và trong một tương lai giới hạn nào đó là những chuyện phải được tiếp tục kể và được tiếp tục nghe.

Khởi đi từ một chú bé con vùng Đại Nẫm ngồi trong một đầu thúng được mẹ cõng chạy giặc Tây. Mẹ thì nghèo nàn, bán buôn tần tảo, suốt đời nhọc nhằn nuôi con lớn khôn rồi gặt nước mắt tiễn con đi qua phía bên này hay phía bên kia, để rồi một ngày không còn giọt lệ nào để khóc khi hay tin mất vĩnh viễn đứa con, hay khi đón con trở về trên đôi nạng gỗ. Cha thì có thể là một ông giáo làng, một người thợ thiếc... đã có lần tham gia kháng chiến chống Pháp, rồi chết bên kia cánh rừng, hay một người cha suốt đời chạy loạn, nay trở về làng cũ dựng lại gia đình trên hoang tàn đổ nát. Đứa con ấy lớn lên trên sông nước Cà Ty, Mường Mán, giữa đá sỏi núi Ông, núi Cú, và giữa tiếng cà-nông đại bác từ một đồn Tây. Đứa bé ấy có bạn có bè; rồi một hôm cũng bỏ tất cả để lao vào cuộc chiến như cha ông buổi trước; rồi tử nạn, hy sinh hay thương tích, tù đầy.

Thử thay đổi vài chi tiết của đoạn văn trên, ta sẽ thấy có

mình trong đó.

Chắc chắn là ta sẽ gặp lại ta, gặp cái thân phận ta trong các chuyện kể PVN

- “ *Trời bắt đầu chuyển lạnh rồi. Có ông về thăm, chuyện cũ như mới hôm nào. Không sao quên được* ”. (*Chuyện Hôm Nay Mới Nói*).

Câu trên là câu cuối của truyện cuối trong tập Vùng Đồi. Tôi thích câu này quá. Tôi nghe như từng tiếng, từng tiếng nói rất lạnh canh vào tách trà đã cạn. Tôi như thấy cái dáng nghiêng nghiêng buồn bã của người mà tác giả gọi là anh bạn. Suốt 10 truyện đầu, tác giả có nhiều bạn lắm. Người nào cũng có tên cả. Chỉ trừ cái truyện cuối này. Tác giả có ý gì không thì tôi không biết. Nhưng cho phép tôi được làm anh bạn. Cả chị, cả anh cũng là anh bạn nữa, nếu muốn.

Chuyện cũ như mới hôm nào. Không sao quên được.

Nếu tính đời người chỉ sống trên dưới 60 năm, cuộc chiến khởi từ 1945 đến tận bây giờ thì đời ta là một đời chiến tranh, một đời kham khổ, một đời mất mát, đôn đau. Ta còn sống tới hôm nay thì quả là một phép mầu. Dầy dẩy những chuyện cũ u buồn, muốn quên mà sao vẫn nhớ. Lúc còn là một đứa bé con, ta đã bắt đầu biết sợ, theo cái sợ chung của cả một dân tộc bị trị. ... *Cũng có thể là những viên đạn được bắn ra từ chiếc xe lửa của Tây chạy ngang qua làng. Không hẳn người lớn sợ mà lũ trẻ chúng tôi cũng vậy, ít đứa nào dám ra đường vào cái giờ chạng vạng tối.* (Cô Bạn Gái Năm Xưa). Rồi tới phiên con cháu của ta trải qua một thời nhiều nhương

khác.. *...Những gương mặt ngơ ngác tội nghiệp của những đứa trẻ đó, mà hầu như ngày nào cũng chỉ biết ngồi nơi ngưỡng cửa nhìn ra khoảng sân đất thịt để chỉ nhìn thấy những bóng nắng lay động trên sân.. . như món đồ chơi trẻ thơ tưởng tượng (Thị Trấn Nhỏ).* Rồi một trang sử khác được lật qua, em nhỏ VN có bao nhiêu vốn liếng tuổi thơ thì qua hai cuộc chiến 30 năm đã khánh kiệt rồi. Giờ đây tiếng súng đã ngừng, người lớn gọi là hòa bình, thì em thơ có thêm chiếc khăn đỏ quàng lên cái cổ cò để ngày nào, đám trẻ con trong xóm cũng rủ nhau đi tìm kiếm hết bụi này, bờ kia những thứ mà chúng có thể nhặt được để nộp cho nhà trường. *Không cần biết nắng trên đầu, hay gai góc dưới chân (Kế Hoạch Nhỏ).*

Giữa thời loạn ly, tuổi mới lớn, tuổi chớm biết yêu có cái khổ riêng của nó. .. *Cô bạn gái năm nào hay hờn, hay dỗi hay vụt bỏ chạy vào sân trường với mái tóc thề bay ngược ra sau, chấp chờn như cánh bướm mà suốt đời tôi không bắt được. (Cô Bạn Gái Năm Xưa).* Cánh bướm dù có bay xa nhưng tình của ta vẫn đầy, và biết đâu một ngày con bướm cũ trở lại vườn xưa. Chớ khi mà ta với nàng trở thành hai kẻ thù vì nỗi oan khiên của đất nước thì coi như ta mất trắng.. . *Khi nhìn thấy xác của người cha nằm bên ngoài hàng rào phòng thủ của quận Hàm Thuận, một người cha, mà một đêm đã trở về. Vài tháng sau khi người cha chết, Hân lại bỏ học lên rừng. Nghe tin Hân lên rừng, tôi bàng hoàng, và tiếc cho những buổi đuổi bướm sau vườn nhà chị Mân năm nào. Bây giờ tôi với cô bé đã trở thành hai kẻ thù với nhau. (Mùa Xuân Trên Cao Nguyên)*

Và còn biết bao nhiêu những mối tình dang dở trong thời chiến. Tất cả đều là những chuyện tình buồn.

Tạm rời những tháng ngày mới lớn để bước vào tuổi thanh niên. Đây là lúc TA phải trực tiếp đi vào lửa đạn. Dù muốn hay không. Đây cũng là lúc PVN cực tả thân phận con người trong cuộc chiến vừa qua. Giọng kể đều hòa, chừng mực, có đầu có đuôi, có tình có lý, không cay đắng, không hằn học hận thù. Hãy nghe tiếp chuyện kể PVN : Chẳng bao lâu, tôi nhận thư của bác tôi gửi ra cho hay người con út cũng tình nguyện vào trường Thủ Đức. *Bác gái buồn khóc hết nước mắt, còn bác tôi giờ như cây cổ thụ già nua, ngậm sương, ngậm nắng một mình, đứng chờ vợ giữa đời, chẳng có một cây con nào quán quít cho vui tuổi già.* (Bông Mía Lau). Trong cuộc chiến, thử hỏi có bao nhiêu gia đình không ở trong hoàn cảnh này? Hay cảnh bà mẹ chờ tin con: *Thỉnh thoảng bà hỏi tôi thằng Tân có thư từ gì về không. Mỗi lần hỏi như thế bà lại đi từng bước một, chậm rãi, tới thấp nhang trước bàn thờ của cha tôi. Hình như bà van vái cho thằng Tân được khỏe mạnh.* (Nơi Chốn Cũ). Thằng con út trong Bông Mía Lau có một lần trở về. Nó trở về với đất: *Cây cổ thụ ngậm nắng, ngậm sương lâu năm, tưởng ngã xuống trước đàn con, có ai ngờ, giờ đây ngồi khóc con với mái đầu bạc trắng.* (Bông Mía Lau). Còn thằng Tân? Nó cũng về nhà: *Tôi mở cánh cửa ngõ đi xuống con dốc để đón Tân. Nó chỉ cười cười khi tôi nhìn thấy cái chân phải của nó cụt lên gần tới háng.* (Nơi Chốn Cũ). PVN cứ rầm rầm, rì rì, vừa uống trà vừa kể chuyện người lính, kể chuyện bạn bè, chiến hữu.. . tất cả y như thật. Sao lại không thật nhỉ? *Ngà mới đổi về Trung Tâm chừng nửa năm, cũng từ Sư đoàn này. Đánh giặc vài ba năm ngoài chiến trường không chết. Nay mới đổi về hậu cứ vì hoàn cảnh gia đình thì ôm trái pháo trong khi làm phụ tá cho huấn luyện viên. Mười bốn người, nay chỉ còn mười ba. Hằng ngày, những bữa ăn nào, hạ sĩ nhất Minh cũng vẫn dọn thêm*

một cái chén và đôi đũa cho Ngà, để đủ mười bốn người. Không thiếu một ai. (Mùa Xuân Trên Cao Nguyên). Xin hãy nghe thêm những lời kể của PVN để thấy thêm một sự thật về người lính : Miệng tôi vẫn la: Trả lại chân cho tôi, tại sao phải cưa. .. Có tiếng nói của một thương binh nào đó đứng dưới chân giường của tôi. Anh ta đang chống hai cái nạng gỗ, người cúi hẳn về phía trước, như tôi bây giờ: Có sá gì một cái chân đã mất mà anh đòi lại, trong khi đồng đội của anh đã nằm xuống vĩnh viễn, vợ con của họ có bao giờ đòi lại mạng sống của chồng con họ đâu. Chiến tranh. Chiến tranh mà, anh hiểu? (Chuyện Hôm Nay Mới Nói). Đánh nhau thì có người chết, có kẻ bị thương. Nhưng khi ngừng bắn, thì người lính Miền Nam vẫn có người bị thương và vẫn có người chết: Tưởng đã thoát được nợ chiến tranh, bỏ cái ba lô xuống cho khỏe thân. Nào ngờ hiệp định đã ký hơn năm, mà tiếng kèn đồng vẫn thổi lên trên mộ huyết của thằng Bảy.(Nghe Tin Ngừng Bắn). Người lính miền nam bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng nghiêng vai gánh lấy cái phận mình, cái phận người trong chiến tranh. Trả lời một bài phỏng vấn đăng trong The Herald Tribune, 13 tuần trước khi tự sát (July 2, 1961), tác giả For Whom The Bell Tolls, Ernest Hemingway có nói: “ Thân phận người lính là thân phận con người hơn cho 2 ”. Như vậy thân phận người lính Miền Nam chắc phải hơn cho 4!

Khi đất nước hết chiến tranh (theo nghĩa đánh nhau bằng súng đạn), người thanh-niên-lính ấy kéo lê cái thân phận trung-niên-gốc-lính vào trại tù nhỏ, rồi trại tù lớn; vì dù được vượt thoát ra nước ngoài thì vẫn là người tù với cái án tự nguyện: chung thân biệt xứ. Đây là sự thật mà càng nghĩ càng đau. Trong truyện Vùng Đồi, PVN trong một sát na bất ngờ đã thổi một luồng hơi ấm vào những ngõ ngách của những con tim bị thương: dù gì thì ta vẫn

còn bạn bè ta, chiến hữu ta, tình đồng đội vẫn còn đó, như mới ngày nào, phải, như mới ngày nào khi mà những trái pháo đã đổ lửa xuống ngọn đồi để tiêu diệt đơn vị nhỏ bé của anh. (Vùng Đồi) Trận đó bạn bè anh chết gần hết, anh còn sống để suốt đời nhớ hoài các đồng đội. Và anh đã sống với các đồng đội của anh trên ngọn đồi máu. *Trong tiếng gió rít qua những khe hở của vách lá, anh nghe hình như có nhiều tiếng nói, tiếng cười của những đồng đội trong đơn vị của anh trên ngọn đồi này.* (Vùng Đồi). Anh sẽ trồng thông, trồng cây ăn trái để biến cái ngọn đồi trọc thành một màu xanh một màu xanh tuyệt vời cho những người bạn anh trở về, và biết đâu một ngày nào đó, anh cũng nằm xuống nơi đây bên cạnh những đồng đội của anh đã nằm xuống ngày nào. (Vùng Đồi)

Tình đồng đội được thể hiện một cách êm ả, nhẹ nhàng. Ý tứ thật mới lạ mà nghe sao gần gũi với mình vô cùng. Khi chữ được sử dụng tài tình thì biến thành nghĩa. Chuyện bình thường mà biết kể cũng thành chuyện hay. Từ đó ta có tác phẩm. Như tác phẩm Vùng Đồi.

Biên tập chủ lực:

Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh, Phạm văn Nhân,

Nguyễn Nhung, Trần Hoài Thư

Đặc trách bài vở, đánh máy, layout: Phạm văn Nhân

Đặc trách kỹ thuật, in ấn, bookbinding: Trần Hoài Thư

Tranh ảnh bìa: Trần Q Thoại

Liên lạc

Email: tranhoaiithu@yahoo.com

nhanvanpham@yahoo.com

hay

Trần Hoài Thư

P.O. Box 58

S. Bound Brook NJ 08880 USA

Tạp chí chỉ dành phổ biến trong vòng thân hữu, không bán.